

KINH KIM CƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT



**KINH KIM CƯƠNG
BÁT NHÃ BA LA MẬT**
Thích Như Minh dịch

KINH KIM CƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT





KINH KIM CƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT

**KINH KIM CƯƠNG
BÁT NHÃ BA LA MẬT**
Vajracchedikā
Prajñāpāramitāsūtram
金剛般若波羅蜜經

THÍCH NHƯ MINH
dịch
từ nguyên bản Hán và Phạn

CHÙA VIỆT NAM * LOS ANGELES

KINH KIM CƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT

KINH KIM CƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT
THÍCH NHƯ MINH DỊCH
THE VIETNAMESE UNITED BUDDHIST CHURCHES
CHÙA VIỆT NAM
LOS ANGELES, CA, HOA KỲ
www.chuaphatgiaovietnam.com
THE BOULDER PARK MEDITATION CENTER
THIÊN VIỆN THÍCH THIÊN AN
ATLANTA, GA, USA
www.thienvienthichthienan.com
ẤN BẢN LẦN THỨ NHẤT NĂM 2015
IN THE UNITED STATES OF AMERICA

VÀI LỜI CẢM NIỆM

Khoảng 8 giờ sáng ngày 19 tháng 01 năm 2015, Hòa-Thượng Thích-Như-Minh, Trụ-Trì chùa Việt-Nam (Los Angeles) sang thăm tôi tại chùa Quán-Âm, vì tôi mới từ Tu-Viện Viên-Quang (South Carolina) tới. Tôi vô cùng cảm-động về đạo-tình của Hòa-Thượng Như-Minh đối với tôi.

Sau thời-gian ngắn, thăm hỏi và đàm đạo, Hòa-Thượng Như-Minh đưa tôi xem bộ kinh Kim-Cang mà Hòa-Thượng đã dịch, đánh máy, xếp thành trang, sửa soạn đưa in, để tụng. Hòa-Thượng xin tôi chứng-minh. Tôi rất hoan-hỷ. Hòa-Thượng Như-Minh cáo từ ra về và tôi khởi hành đi thăm vài chùa đã xếp đặt trước.

Nói đến hai chữ “Kim-Cang” trong bộ kinh này là nói lên lợi-khí bền-chắc, sắc bén, chặt đứt những vọng-niệm chấp-trước nhị biên, để tiến đến chỗ viên-diệu “vô niệm, vô trụ, vô tu, vô chứng” – “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm”.

Tâm-hồn Hòa-Thượng Như-Minh rất trong sáng, chân-thật và rộng rãi. Hòa-Thượng muốn đem chỗ tâm-đắc trong sự nghiên-cứu, phiên-dịch và trì-tụng ứng-nghiệm nơi mình, phổ biến cho chúng Phật-tử, cùng nhau tu-tập, hành-trì, hầu đạt tới chỗ linh-diệu, lợi mình, lợi người trong cuộc sống của cõi đời đầy bất an, vô thường này.

Tôi thành-thật tán-dương công-đức và mong pháp-bảo này được phổ biến, pháp-giới chúng sinh, âm dương đều lợi lạc.

Tu-viện Viên-Quang, South Carolina, ngày 24 tháng 01 năm 2015

Cảm niệm,



Thích Tâm Châu

Trưởng-Lão Thích-Tâm-Châu

Chứng Minh
Trưởng Lão Hòa Thượng
THÍCH TÂM CHÂU
Thượng Thủ
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam
Trên Thế Giới

TỰA

A không phải là A do vậy A là A

Thoảng mùi trầm hương từ nơi tàng các cổ thụ của ngôi chùa Việt Nam trong một thành phố khả ái vào một ngày chớm Đông về. Có vẻ đẹp của những hàng cây thốt nốt thấp thoáng và xa xa là đồi núi chập chùng đầy mộng mơ. Không gian là sắc vàng óng ả của ánh nắng ban mai rục rỡ trong tiết trời se lạnh. Giờ này lũ chim tụ về nơi khu vườn chùa dưới kia hát ca đón chào ngày mới. Thành phố này như tên gọi chính là chốn trú ngụ của Những Thiên Thần đọa xứ .

Cảnh vật bỗng chốc trở nên trong sáng và vắng lặng lạ thường, chốn phàm trần dường như biến thành cõi trang nghiêm thanh tịnh với những cánh đồng thênh thang xanh màu mạ non của vương triều Ca Tỳ La nơi xứ sở của Người Tỉnh Thức đã đến đã đi ngày nào. Ở đây không còn nữa những dòng xe xuôi ngược trên mọi nẻo đường và những chuyến bay trên tầng không như xé toạt bầu không gian im ả, không còn nữa những tòa nhà hiện đại cao tầng, không còn nữa tiếng ồn, tiếng người nói cười trong phố thị náo nhiệt hiếm khi tĩnh lặng này.

Ngoài kia ánh nắng vàng óng ả và ấm áp chính là màu nắng của hai nghìn rưỡi năm trước nơi thành Xá vệ thời Phật tại thế. Trên đường cái quan quen thuộc có Tăng đoàn khi xưa thường đi về khất thực mỗi ngày. Cũng dọc theo con đường đó là hai hàng cây tươi mướt có tàn lá sáng đẹp hòa quyện màu vàng y ngời sáng của của Đức Thế Tôn trong dáng uy nguy an lạc từng bước chân sen nở chậm rãi vào thành lớn khất thực.

Xa xa là tinh xá Kỳ viên thấp thoáng ẩn hiện trong rừng cây của Thái Tử Kỳ Đà nằm trong khu vườn của Trưởng giả Cấp Cô Độc hiến cúng cho Đức Thế Tôn ngày nào. Và chính ngay trong khu vườn khả ái và rừng cây xinh đẹp này, vào lúc bấy giờ buổi trưa sau giờ ngộ thực, Trưởng Lão Tu Bồ Đề người khất sĩ già nua thông tuệ ở trong đại chúng Tỳ kheo đã bạch với Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, thật hy hữu thay! Như Lai khéo nâng đỡ các Bồ Tát. Đức Như Lai khéo ủy thác các Bồ Tát. Bạch Thế Tôn, người con trai hoặc người con gái dòng dõi cao quý phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác thì nên làm sao để trú tâm, nên làm sao để hàng phục tâm?”

Rồi khi ấy từ kim khẩu của Đức Thế Tôn đã cất tiếng rống của sư tử tuyên thuyết lời Pháp thậm

*thâm lấp lánh những hạt kim cương vi diệu mà
cho đến mãi hôm nay vẫn còn nghe vang vọng:*

*“Này Tu Bồ Đề, chư Bồ Tát Ma Ha Tát nên sanh
tâm trong sáng như vậy: không nên trụ sắc sanh
tâm, không nên trụ thanh hương vị xúc pháp sanh
tâm. Không nên trụ vào bất kỳ đâu mà sanh tâm.”*

*Này Tu Bồ Đề, Phật nói Bát nhã ba la mật, tức
không là Bát nhã ba la mật, thị danh là Bát nhã ba
la mật.”*

*Tat kasya hetoḥ ? yo hi kaścit subhūte evaṃ
vadetātmadrṣṭis tathāgatena bhāṣitā, sattvadṛṣṭir
jīvadṛṣṭiḥ pudgaladrṣṭis tathāgatena bhāṣitā, api
nu sa subhūte samyagvadamāno vadet ?
subhūtirāha-no hīdaṃ bhagavan, no hīdaṃ
sugata, na samyagvadamāno vadet| tatkasya
hetoḥ ? yā sā bhagavan ātmadrṣṭis tathāgatena
bhāṣitā, adrṣṭiḥ sā tathāgatena bhāṣitā| tenocyate
ātmadrṣṭir iti||*

*Bhagavān āha- evaṃ hi subhūte
bodhisattvayānasamprasthitena sarvadharmā
jñātavyā draṣṭavyā adhimoktavyāḥ| tathā ca
jñātavyā draṣṭavyā adhimoktavyāḥ, yathā na
dharmasamjñāyāmapi pratyupatiṣṭhennādharmā-
samjñāyām| tat kasya hetoḥ ? dharmasamjñā*

*dharmasaṃjñeti subhūte asaṃjñaiṣā tathāgatena
bhāṣitā| tenocyate dharmasaṃjñeti||*

“Vì có sao? Nay Tu Bồ Đề, nếu có người nói như vậy: Như Lai nói có ngã kiến, Như Lai nói có chúng sanh kiến, thọ giả kiến, nhân kiến. Nay Tu Bồ Đề, lời nói đó có chân thật không?” Tu Bồ Đề bạch: “Bạch Thế Tôn, điều này là không thật, bạch Thiện Thệ, điều này là không thật. Người này nói lời không chân thật. Vì có sao? Bạch Thế Tôn, vì Như Lai nói ngã kiến tức là Như Lai nói không là kiến. Do vậy được gọi là ngã kiến.” Thế Tôn nói: “Như vậy, nay Tu Bồ Đề, đối với một người an trú nơi Bồ Tát thừa phải biết, phải thấy, phải hiểu tất cả pháp. Và như vậy phải thấy, phải biết, phải hiểu các pháp. Như vậy trụ nơi pháp tướng, cũng không trụ nơi phi pháp tướng. Tại sao vậy? Pháp tướng là pháp tướng, nay Tu Bồ Đề, Như Lai nói đó không phải tướng. Do vậy, được gọi là pháp tướng.”

*tasmādiyam tathāgatena saṃdhāya vāgbhāṣitā-
kolopamaṃ dharmaparyāyamājānadbhidharmā
eva prahātavyāḥ prāgevādharmā iti //*

Do vậy, mật ý này được Như Lai nói: “Đối với những người vô trí thì pháp phương tiện ví như chiếc bè. Như vậy Pháp còn phải từ bỏ huống nữa là phi pháp.”

Tuyên thuyết của Đấng Đến-Và-Đi-Như-Thế: “Phàm cái gì có tướng đều là hư vọng” nên chi “không trụ chỗ nào để sanh tâm” vậy.

Kim cương Bát nhã ba la mật như tên tựa kinh là một huyền dụ hay là một công án? ƯNG VÔ SỞ TRỤ.

Chùa Việt Nam, Los Angeles

MÙA XUÂN 2015

Trú Trì Bí Số THÍCH NHƯ MINH

KINH KIM CƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT



Đức Phật thuyết Kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa
Tranh Vẽ Trong Bản Dunhuang in vào năm 868 TL.
hiện lưu giữ tại British Library

KINH KIM CƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT

NAM MÔ BÁT NHÃ HỘI THƯỢNG
PHẬT BỒ TÁT

KINH KIM CƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT

PHẨM I

PHÁP HỘI NHÂN DO

**Như Vậy Tôi Nghe: Một thời
Đức Phật ở nước Xá vệ, trong
vườn của trưởng giả Cấp Cô
Độc, rừng cây của Thái tử Kỳ
Đà cùng với đại chúng một**

**ngàn hai trăm năm mươi Tỳ
kheo.**

**Lúc bấy giờ sắp đến giờ thọ
thực, Đức Thế Tôn đắp y, cầm
bát đi vào thành lớn Xá vệ.
Sau khi tuần tự khát thực ở
trong thành xong rồi trở về
chỗ cũ. Ăn xong, Đức Thế Tôn
cất y bát, rửa chân, rồi trải
tòa ngồi xuống.**

PHẨM II

THIỆN HIỆN KHẢI THỈNH

**Khi ấy, ở trong đại chúng có
Trưởng lão Tu Bồ Đề tại chỗ**

ngồi đứng dậy, trần vai bên phải, quì gối phải xuống đất, chắp tay cung kính bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu, Như Lai khéo hộ niệm cho các Bồ Tát. Như Lai khéo phó chúc cho các Bồ Tát. Bạch Thế Tôn, người con trai hoặc người con gái hiền thiện phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác thì nên trụ tâm như thế nào, nên hàng phục tâm như thế nào? Đức Phật bảo rằng: “Này Tu Bồ Đề, tốt lắm, tốt lắm. Như ông đã nói, Như Lai khéo hộ niệm cho các

Bồ Tát, khéo phó chúc cho các Bồ Tát. Bây giờ, ông hãy lắng nghe Ta sẽ vì ông mà nói. Nếu như có người con trai hoặc người con gái hiền thiện phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì nên trụ tâm như vậy, nên hàng phục tâm như vậy.”

“Vâng, bạch Thế Tôn, con muốn được nghe.”

PHẨM III

ĐẠI THỪA CHÁNH TÔNG

Phật bảo Tu Bồ Đề rằng: “Bồ Tát Ma Ha Tát nên hàng phục tâm như vậy. Có bao nhiêu loại chúng sanh, hoặc sanh từ trứng, hoặc sanh từ bào thai, hoặc sanh từ nơi ẩm thấp, hoặc sanh từ sự biến hóa, hoặc hữu hình, hoặc vô hình, hoặc có tướng, hoặc không có tướng, hoặc không có tướng cũng không không có tướng, ta đều độ cho tất cả các loài ấy vào vô dư niết bàn để được giải thoát. Giải thoát vô

**lượng, vô số, vô biên chúng
sinh như vậy nhưng thực ra
không có một chúng sinh nào
được giải thoát. Vì sao vậy?
Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát có
tướng ngã, có tướng nhân, có
tướng chúng sinh, có tướng
thọ giả thì không phải Bồ
Tát.”**

PHẨM IV

DIỆU HẠNH VÔ TRÚ

**Lại nữa, này Tu Bồ Đề, Bồ Tát
đối với Pháp thì không trụ
chỗ nào để thực hành bố thí,**

**nghĩa là không trụ nơi sắc để
bố thí, không trụ vào thanh,
hương, vị, xúc, pháp để bố thí.
Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên trụ
như vậy bố thí, không trụ nơi
tướng. Vì sao vậy? Nếu Bồ Tát
không trụ nơi tướng để bố
thí, thì phước đức không thể
nghĩ lường được.”**

**“Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ như
thế nào? Hư không ở phương
Đông có thể nghĩ lường được
không?” “Bạch Thế Tôn,
không thể.” “Này Tu Bồ Đề, hư
không ở phương Nam,
phương Tây, phương Bắc,**

bốn phương góc, ở trên, ở dưới có thể nghĩ lường được không?” “Bạch Thế Tôn, không thể.” “Này Tu Bồ Đề, cũng như vậy Bồ Tát không trụ nơi tướng để bố thí, thì phước đức không thể nghĩ lường. Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên trụ như vậy.”

PHẨM V

NHƯ LÝ THẬT KIẾN

“Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào, Như Lai có thể thấy bằng thân tướng không?”

“Bạch Thế Tôn, không. Như Lai không thể thấy bằng thân tướng. Vì sao vậy? Như Lai nói thân tướng tức không là thân tướng.”

Đức Phật bảo Tu Bồ Đề rằng: “Hễ cái gì có tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng không phải tướng là thấy Như Lai.”

PHẨM VI

CHÁNH TÍN HY HỮU

Tu Bồ Đề bạch với Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, trong đời sau

có chúng sanh nào được nghe lời thuyết chương cú như vậy sẽ sanh lòng tin chân thật không?” Đức Phật bảo Tu Bồ Đề rằng: “Này Tu Bồ Đề, chớ có nói như vậy. Sau khi Như Lai diệt độ năm trăm năm thời kỳ cuối, có những người giữ giới, tu tập phước tuệ, đối với chương cú này thường sanh tín tâm chân thật, thì ông phải biết những người như vậy không những gieo trồng căn lành ở nơi một Đức Phật, hai Đức Phật, ba bốn năm Đức Phật mà còn gieo

**trồng căn lành ở nơi vô lượng
ngàn vạn Đức Phật. Khi nghe
chương cú này, dù chỉ trong
một khoảnh khắc mà phát
sinh lòng tin trong sáng, Như
Lai tất biết được, tất thấy
được những chúng sanh này
sẽ đạt được vô lượng phước
đức như thế. Vì sao vậy?
Những chúng sanh này không
trụ nơi tướng ngã, tướng
nhân, tướng chúng sanh,
tướng thọ giả, tướng Pháp,
tướng không là Pháp. Vì sao
vậy? Những chúng sanh này,
nếu tâm trụ nơi tướng, thì**

còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nếu tâm trụ nơi tướng pháp là chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Vì sao vậy? Nếu trụ không là tướng Pháp là chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Do vậy, không nên trụ nơi Pháp cũng không nên trụ nơi không là Pháp. Vì diệu nghĩa này, Như Lai thường nói rằng: Các Tỳ kheo phải biết, Ta nói rằng Pháp dụ như chiếc bè. Pháp còn buông bỏ huống hồ phi Pháp.”

PHẨM VII

VÔ ĐẮC VÔ THUYẾT

“Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Như lai có đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác không? Như Lai có nói Pháp không?”

Tu Bồ Đề bạch rằng: “Như con hiểu diệu nghĩa Phật nói, thì không có định Pháp nào tên là Vô thượng chánh đẳng chánh giác cũng không có định Pháp nào được Như Lai nói. Vì sao vậy? Như Lai nói rằng Pháp

chứng ngộ được thì không thể nắm bắt, không thể diễn đạt. Đó không là Pháp cũng không không là Pháp. Sở dĩ như vậy là vì sao? Vì hết thảy Hiền Thánh đều do Pháp vô vi nhưng biểu hiện có khác biệt.”

PHẨM VIII

Y PHÁP XUẤT SANH

“Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Nếu có người lấy bảy loại châu báu chất đầy trong cõi Ba ngàn đại thiên thế giới

hệ rồi đem bố thí, thì người này được phước đức nhiều không?” Tu Bồ Đề bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Vì sao vậy? Vì phước đức này không phải là tánh phước đức. Do vậy, Như Lai nói phước đức nhiều.”

“Lại nữa, nếu có người đối với kinh này tiếp nhận và thọ trì dù chỉ bốn câu kệ, rồi vì người khác nói lại, thì phước đức vượt hơn kẻ kia. Vì sao vậy? Nay Tu Bồ Đề, hết thầy chư Phật cùng với Pháp Vô thượng chánh đẳng chánh

giác của chư Phật đều được sinh ra từ kinh này. Này Tu Bồ Đề, cái gì là Phật Pháp thì cái đó không là Phật Pháp.”

PHẨM IX

NHẤT TƯỚNG VÔ TƯỚNG

“Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Vị Tu Đà Hoàn có khởi lên ý nghĩ như thế này: Ta chứng quả Tu Đà Hoàn?”
“Tu Bồ Đề bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Tu Đà Hoàn danh là nhập lưu nhưng không có chỗ nào để đi

vào. Không đi vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, do vậy thị danh là Tu Đà Hoàn”.

“Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Vị Tư Đà Hàm có khởi lên ý nghĩ như thế này: Ta chứng quả Tư Đà Hàm?” Tu Bồ Đề bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Tư Đà Hàm danh là một lần trở lại. Nhưng thật ra thì không đến không đi, do vậy thị danh là Tư Đà Hàm”.

“Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Vị A Na Hàm có khởi lên ý nghĩ như thế này: Ta

chứng quả A Na Hàm?” Tu Bồ Đề bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? A Na Hàm danh là không trở lại. Nhưng thật ra không có chỗ nào để trở lại, do vậy thị danh là A Na Hàm.”

“Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Vị A La Hán có khởi lên ý nghĩ như thế này: Ta chứng đạo quả A La Hán?” Tu Bồ Đề bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Vì thật sự không có pháp nào danh gọi là A La Hán. Bạch Thế Tôn, nếu vị A La Hán khởi

ý nghĩ như vậy, tức còn chấp vào ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Bạch Thế Tôn, Phật bảo con đạt được định Vô tranh tam muội, trong loài người là đệ nhất cao tột, là đệ nhất A La Hán ly dục. Bạch Thế Tôn, con không khởi ý nghĩ rằng: “Ta là A La Hán ly dục.” Bạch Thế Tôn, nếu con khởi ý nghĩ rằng: Ta chứng đạo quả A La Hán, thì Đức Thế Tôn đã không bảo rằng Tu Bồ Đề là vị an lạc trong hạnh a lan nhã. Nhưng thật sự Tu Bồ Đề không có hạnh này, nên có

**đanh Tu Bồ Đề là vị an lạc
trong hạnh a lan nhã.”**

PHẨM X

TRANG NGHIÊM TỊNH ĐỘ

**Phật bảo Tu Bồ Đề rằng: “Ông
nghĩ như thế nào? Xưa kia
N hư Lai ở nơi Đức Phật Nhiên
Đăng, thì Pháp có chỗ chứng
đắc không?” “Bạch Thế Tôn,
không. N hư Lai ở chỗ Đức
Phật Nhiên Đăng, thật sự
Pháp không có chỗ chứng
đắc.”**

“Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Bồ Tát có trang nghiêm cõi Phật không?”
“Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Trang nghiêm cõi Phật tức không là trang nghiêm, thị danh là trang nghiêm.”

“Này Tu Bồ Đề, do vậy chư Bồ Tát Ma Ha Tát phải sanh tâm trong sáng như vậy: không trụ nơi sắc để sanh tâm, không trụ nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp để sanh tâm. Không trụ chỗ nào để sanh tâm.”

“Này Tu Bồ Đề, ví như có người thân hình như Tu Di là vua các núi. Ông nghĩ như thế nào? Thân này có lớn không?” Tu Bồ Đề bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, rất lớn. Vì sao vậy? Đức Phật nói không là thân thị danh là thân lớn.”

PHẨM XI

VÔ VI PHƯỚC THẮNG

“Này Tu Bồ Đề, ví như có bao nhiêu cát trong sông Hằng là bấy nhiêu sông Hằng. Ông nghĩ như thế nào? Cát trong

tất cả những sông Hằng đó có nhiều không?” Tu Bồ Đề bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Chỉ riêng những sông Hằng này cũng nhiều vô số rồi huống nữa là cát trong đó.”

“Này Tu Bồ Đề, nay Ta có lời chân thật nói với ông rằng có bao nhiêu cát trong hằng hà sa sông Hằng này là bấy nhiêu cõi Ba ngàn đại thiên thế giới hệ, nếu có người con trai hay con gái hiền thiện lấy bảy loại châu báu chất đầy, rồi dùng đem bố thí, thì có phước đức nhiều không?” Tu Bồ Đề bạch

rằng: “Bạch Thế Tôn, rất nhiều.” Phật bảo ông Tu Bồ Đề rằng: “Nếu có người con trai hay người con gái hiền thiện đối với trong kinh này tiếp nhận và thọ trì dù chỉ bốn câu kệ, rồi vì người khác nói lại, thì phước đức này vượt hơn phước đức trước.”

PHẨM XII

TÔN TRỌNG CHÁNH GIÁO

“Lại nữa, này Tu Bồ Đề, nơi nào tùy duyên thuyết kinh này, cho dù chỉ một bài kệ

bốn câu, thì nên biết nơi ấy, tất cả trời, người, a tu la trong thế gian đều đến cúng dường như nơi có chùa tháp của Phật. Huống gì có người một lòng tận lực tiếp nhận, thọ trì, đọc tụng. Nay Tu Bồ Đề, phải biết người này thành tựu được Pháp tối thượng hiếm có bậc nhất. Nếu kinh điển này ở chỗ nào trong cõi nước, thì tức như là có Phật hoặc hàng tôn trọng đệ tử.”

PHẨM XIII

NHƯ PHÁP THỌ TRÌ

Bấy giờ, Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, kinh này tên gọi là gì? Chúng con phải tôn kính và giữ gìn như thế nào?” Đức Phật bảo Tu Bồ Đề rằng: “Tên kinh này là Kim cương Bát nhã ba la mật. Lấy danh tự này, ông nên tôn kính và giữ gìn. Sở dĩ như vậy là vì sao? Nay Tu Bồ Đề, Phật nói Bát nhã ba la mật, tức không phải Bát nhã ba la mật, thị danh là Bát nhã ba la mật.”

“Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Như Lai có Pháp để thuyết không?” Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, Như Lai không có gì để thuyết.”

“Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Vi trần trong cõi Ba ngàn đại thiên thế giới hệ, như vậy có nhiều không?” Tu Bồ Đề bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, nhiều lắm.” “Này Tu Bồ Đề, bao nhiêu vi trần, Như Lai nói không là vi trần, thị danh là vi trần. Như Lai nói thế giới

không là thế giới, thị danh là thế giới.”

“Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Có thể thấy Như Lai bằng ba mươi hai tướng không?”

“Bạch Thế Tôn, không. Không thể thấy Như Lai bằng ba mươi hai tướng. Bởi vì sao? Như Lai nói ba mươi hai tướng tức không là tướng, thị danh là ba mươi hai tướng.”

“Này Tu Bồ Đề, nếu có người con trai hay người con gái hiền thiện lấy thân mạng mình nhiều như cát sông Hằng để bố thí. Lại nữa, nếu

có người đối với trong kinh này, cho đến tiếp nhận và thọ trì bài kệ bốn câu, vì người khác nói, thì phước của người này hơn nhiều lắm.”

PHẨM XIV

LY TƯỞNG TỊCH DIỆT

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề nghe thuyết kinh này hiểu ý nghĩa thậm thâm, thì xúc động khóc rơi lệ bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, hy hữu thay. Phật thuyết kinh điển thậm thâm như vậy. Từ lúc

con được tuệ nhãn đến giờ chưa từng được nghe kinh như vậy. Bạch Thế Tôn, về sau nếu có người nghe kinh này mà có lòng tin trong sáng, liền lúc đó sanh khởi thật tướng, thì phải biết người này đã thành tựu công đức hiếm có bậc nhất.”

“Bạch Thế Tôn, thật tướng tức không là tướng. Do vậy, Như Lai nói, thị danh là thật tướng.”

“Bạch Thế Tôn, nay con được nghe kinh này, thì sự tin hiểu nghĩa lý, tiếp nhận và thọ trì

không có khó lắm. Nếu thời tương lai, trong năm trăm năm thời kỳ cuối, nếu có chúng sanh nào nghe được kinh này mà tin hiểu nghĩa lý, tiếp nhận và thọ trì, thì người này là hiếm có bậc nhất. Vì sao vậy? Bởi vì người này không có tướng ngã, không có tướng nhân, không có tướng chúng sanh, không có tướng thọ giả. Sở dĩ như vậy là vì sao? Tướng ngã tức không là tướng, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả tức không là tướng. Vì sao? Bởi vì

**là hết thảy tướng, thị danh là
chư Phật.”**

**Đức Phật bảo Tu Bồ Đề rằng:
“Đúng vậy, đúng vậy. Lại nữa,
nếu có người nghe kinh này,
không kinh hoàng, không
khiếp đảm, không sợ hãi, thì
phải biết người này thật là
hiếm có. Vì sao vậy? Nay Tu
Bồ Đề, Như Lai thuyết Ba la
mật đệ nhất tức không phải
Ba la mật đệ nhất, thị danh là
Ba la mật đệ nhất.”**

**“Này Tu Bồ Đề, nhãn nhục ba
la mật, Như Lai nói không là
nhãn nhục ba la mật, thị danh**

là nhân nhục ba la mật. Vì sao vậy? Bởi vì, này Tu Bồ Đề, như xưa kia vua Ca Lợi chặt đứt thân thể Ta. Lúc bấy giờ Ta không có tướng ngã, không có tướng nhân, không có tướng chúng sanh, không có tướng thọ giả. Vì sao vậy? Bởi vì, khi xưa trong lúc thân thể Ta bị chặt đứt từng đoạn, nếu có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, thì sanh khởi sân hận. Này Tu Bồ Đề, lại nhớ thời quá khứ, cách nay năm trăm kiếp, Ta là vị tiên

nhân có hạnh nhẫn nhục. Trong kiếp đó, Ta không có tướng ngã, không có tướng nhân, không có tướng chúng sanh, không có tướng thọ giả. Do vậy, này Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên lià hết thấy mọi tướng mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Không nên trụ nơi sắc sanh tâm, không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. Nên không trụ chỗ nào mà sanh tâm. Nếu tâm trụ tức không là trụ, do vậy mà Phật nói rằng, tâm Bồ Tát không

nên trụ sắc để bố thí. Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát vì lợi ích hết thảy chúng sanh, do đó, nên bố thí như vậy.”

“Như Lai nói hết thảy các tướng, tức không là tướng. Lại nói rằng, hết thảy chúng sanh, tức không là chúng sanh. Nay Tu Bồ Đề, Như Lai nói lời chân thật, nói lời chân chánh, nói lời như thật, nói lời không dối gạt, nói lời không sai khác.”

“Nay Tu Bồ Đề, Như Lai chứng đắc Pháp, Pháp này không có thật không có hư. Nay Tu Bồ

Đề, nếu Bồ Tát tâm trụ nơi Pháp để thực hành hạnh bố thí, thì ví như người đi vào nơi tối tăm sẽ không thể nhìn thấy vật gì. Nếu Bồ Tát tâm không trụ nơi pháp để thực hành hạnh bố thí, thì như người có mắt được ánh sáng mặt trời soi chiếu, thì thấy rõ mọi vật.”

“Này Tu Bồ Đề, trong thời tương lai, nếu có người con trai hay người con gái hiền thiện có thể tiếp nhận, thọ trì, đọc và tụng kinh này, thì Như Lai dùng trí tuệ của Phật, tất

biết người này, tất thấy người này thành tựu được vô lượng vô biên công đức.

PHẨM XV

TRÌ KINH CÔNG ĐỨC

“Này Tu Bồ Đề, nếu có người con trai hay người con gái hiền thiện, buổi sáng lấy hăng hà sa thân mình bố thí, giữa ngày lại lấy hăng hà sa thân mình bố thí, buổi chiều cũng lấy hăng hà sa thân mình bố thí, như vậy trải qua vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp lấy

thân mình bố thí. Lại nữa, nếu có người được nghe kinh điển này, khởi lòng tin không nghịch chống, thì phước của người này vượt hơn người kia. Huống nữa là sao chép, tiếp nhận và thọ trì, đọc tụng vì người giảng nói. Nay Tu Bồ Đề, chính là nói kinh này có vô biên công đức không thể suy nghĩ được, không thể đo lường được. Như Lai vì người phát tâm Đại thừa, vì người phát tâm Tối thượng thừa mà thuyết kinh này. Nếu có người có khả năng tiếp nhận, thọ trì,

đọc tụng, rộng vì người khác nói. Như Lai tất biết, tất thấy người này thành tựu được công đức không thể đo lường, không thể đếm, không bờ mé, không thể nghĩ bàn. Hạng người này có thể đảm đang nối Pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác của Như Lai. Vì sao vậy? Nay Tu Bồ Đề, nếu người rơi vào pháp nhỏ, chấp ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, thì đối với kinh này không có khả năng để nghe, tiếp nhận, thọ

trì, đọc tụng, vì người khác giảng nói.”

“Này Tu Bồ Đề, nơi nơi chốn chốn, nếu có kinh này, thì hết thấy người, trời, a tu la ở trong thế gian đều nên cúng dường. Phải biết rằng ở những nơi có kinh này, thì ở đó chính là tháp thờ, nên cung kính làm lễ nhiều quanh, lấy các món hoa hương rải ở nơi này.”

PHẨM XVI

NĂNG TỊNH NGHIỆP CHƯỚNG

“Lại nữa, Này Tu Bồ Đề, nếu người con trai hay người con gái hiền thiện tiếp nhận, thọ trì, đọc tụng kinh này nhưng bị kẻ khác khinh chê, thì đó là do người này đã tạo nghiệp ác trong đời trước lẽ ra bị đọa vào đường dữ. Do trong đời này bị người khác khinh chê nhờ vậy các nghiệp chướng đời trước liền được tiêu trừ. Người này sẽ chứng đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác.”

“Này Tu Bồ Đề, Ta nhớ lại trong thời quá khứ, trước thời Đức Phật Nhiên Đăng vô lượng a tăng kỳ kiếp, Ta đã thân cận tám trăm bốn ngàn vạn ức na do tha chư Phật, phụng hiến cúng dường từng vị mà không bỏ sót. Lại nữa, nếu có người ở trong thời kỳ mạt thế sau này chấp nhận và thọ trì đọc tụng kinh này, thì người này đạt được công đức so với công đức Ta đã cúng dường chư Phật, thì trăm phần hơn, ngàn vạn ức phần hơn cho dù thí dụ toán số

cũng không thể đếm và so sánh được.”

“Này Tu Bồ Đề, nếu có người con trai hay người con gái hiền thiện trong thời mạt thế, chấp nhận, thọ trì, đọc tụng kinh này, thì sẽ đạt được công đức, nếu Ta nói ra một cách đầy đủ, giả có người nghe được, thì tâm trí sẽ sanh cuồng loạn, hoài nghi, không tin. Này Tu Bồ Đề, phải biết rằng diệu nghĩa của kinh này là không thể nghĩ bàn. Quả báo cũng không thể nghĩ bàn.”

PHẨM XVII

CỨU CẢNH VÔ NGÃ

Lúc bấy giờ, Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, người con trai hay người con gái hiền thiện phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác thì phải trụ tâm như thế nào, phải hàng phục tâm như thế nào?”

Đức Phật bảo Tu Bồ Đề rằng: “Người con trai hay người con gái hiền thiện phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì phải sanh tâm như

vậy: Ta sẽ độ và giải thoát cho hết thảy chúng sanh. Hết thảy chúng sanh được độ và giải thoát rồi, nhưng không có chúng sanh nào được độ và giải thoát. Vì sao vậy? Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ tát có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả tức không là Bồ Tát. Sở dĩ như vậy là vì sao? Này Tu Bồ Đề, thật sự không có pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác để phát tâm.”

“Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Như Lai ở chỗ Đức

Phật Nhiên Đăng có Pháp nào để chứng đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác không?” “Bạch Thế Tôn, không. Như con hiểu diệu nghĩa đã được Phật thuyết, thì khi Phật ở chỗ Đức Phật Nhiên Đăng, thì không có Pháp nào để chứng đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác.” Phật nói rằng: “Đúng vậy, đúng vậy. Này Tu Bồ Đề, thật sự không có Pháp nào Như Lai chứng đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Này Tu Bồ Đề, nếu có Pháp nào

Như Lai chứng đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì xưa kia Đức Phật Nhiên Đăng đã không thọ ký cho Ta rằng: Trong thời tương lai ông sẽ chứng đắc thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Thật sự không có Pháp nào để chứng đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Do vậy, Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Ta và đã nói như vậy: Trong thời tương lai ông sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Vì sao vậy? Bởi vì Như Lai là diệu nghĩa như thật của Pháp.

Này Tu Bồ Đề, nếu có kẻ nói rằng Như Lai chứng đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà thật sự không có Pháp nào Phật chứng đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Này Tu Bồ Đề, Như Lai chứng đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì Pháp này không thật không hư. Do vậy, Như Lai nói, tất cả Pháp đều là Phật Pháp. Này Tu Bồ Đề, Ta nói tất cả Pháp tức không là tất cả Pháp, thị danh là tất cả Pháp.”

“Này Tu Bồ Đề, thí như một người có thân thể dài lớn.” Tu Bồ Đề bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, Như Lai nói rằng một người có thân thể dài lớn tức không phải thân lớn, thị danh là thân lớn.” “Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát cũng vậy, nếu nói như vậy: Ta sẽ độ và giải thoát cho vô lượng chúng sanh, tức không phải danh là Bồ Tát. Vì sao vậy? Này Tu Bồ Đề, thật sự không có Pháp nào danh gọi là Bồ Tát. Do vậy, Phật nói tất cả Pháp không có ngã, không có nhân, không có

chúng sanh, không có thọ giả. Nay Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát nói như thế này: Ta trang nghiêm cõi Phật, thì không phải danh là Bồ Tát. Vì sao vậy? Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật tức không là trang nghiêm, thì danh là trang nghiêm. Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát hiểu Pháp là không có ngã, thì Như Lai nói vị ấy danh là chân thật Bồ Tát.”

PHẨM XVIII

NHẤT THỂ ĐỒNG QUÁN

“Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Như Lai có nhục nhãn không?” “Bạch Thế Tôn, đúng vậy, Như Lai có nhục nhãn.” “Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Như Lai có thiên nhãn không?” “Bạch Thế Tôn, đúng vậy, Như Lai có thiên nhãn.” “Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Như Lai có tuệ nhãn không?” “Bạch Thế Tôn, đúng vậy, Như Lai có tuệ nhãn.” “Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Như Lai có

Pháp nhãn không?” “Bạch Thế Tôn, đúng vậy, Như Lai có Pháp nhãn.” “Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Như Lai có Phật nhãn không?” “Bạch Thế Tôn, đúng vậy, Như Lai có Phật nhãn.”

“Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Bao nhiêu cát ở trong sông Hằng, Phật có nói là cát không?” “Bạch Thế Tôn, đúng vậy, Như Lai nói là cát.” “Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Ví như có bao nhiêu cát trong một sông Hằng là bấy nhiêu sông Hằng. Nhiều

**như cát trong hằng hà sa sông
Hằng là các cõi Phật, thì số cõi
Phật đó có nhiều không?”
“Bạch Thế Tôn, rất nhiều.”**

**Phật bảo Tu Bồ Đề rằng: “Có
bao nhiêu tâm tướng chúng
sinh trong bấy nhiêu cõi
nước nói trên, Như Lai đều
biết cả. Vì sao vậy? Bởi vì Như
Lai nói tất cả tâm đều không
là tâm, thị danh là tâm. Vì sao
vậy? Nay Tu Bồ Đề, tâm quá
khứ không thể đạt, tâm hiện
tại không thể đạt, tâm vị lai
không thể đạt.”**

PHẨM XIX

PHÁP GIỚI THÔNG HÓA

“Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Nếu có người lấy bảy loại châu báu chất đầy cõi Ba ngàn đại thiên thế giới hệ, rồi dùng đem bố thí, thì người này do nhân duyên như vậy được phước đức có nhiều không?” “Bạch Thế Tôn, đúng vậy, người này do nhân duyên như vậy được phước rất nhiều.” “Này Tu Bồ Đề, nếu phước đức có thật, thì Như Lai không nói được nhiều phước đức. Vì phước đức

không có thật, cho nên Như Lai nói được nhiều phước đức.”

PHẨM XX

LY SẮC LY TƯỞNG

“Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Có thể thấy Phật bằng sắc thân đầy đủ không?”

“Bạch Thế Tôn, không. Như Lai không thể thấy bằng sắc thân đầy đủ. Vì sao vậy? Như Lai nói sắc thân đầy đủ tức không là sắc thân đầy đủ, thị danh là sắc thân đầy đủ.”

“Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Như Lai có thể thấy qua các tướng đầy đủ không?”

“Bạch Thế Tôn, không. Như Lai không thể thấy qua các tướng đầy đủ. Vì sao vậy? Như Lai nói các tướng đầy đủ tức không là các tướng đầy đủ, thị danh là các tướng đầy đủ.”

PHẨM XXI

PHI THUYẾT SỞ THUYẾT

“Này Tu Bồ Đề, ông chớ nói rằng Như Lai có ý niệm như

vậy: Ta có thuyết Pháp. Chớ có khởi ý niệm này. Vì sao vậy? Nếu có người nói rằng, Như Lai có thuyết Pháp, tức là phỉ báng Phật, người đó không thể hiểu điều ta nói. Nay Tu Bồ Đề, thuyết Pháp là không có Pháp nào có thể thuyết, thị danh là thuyết Pháp.”

Lúc bấy giờ Tu Bồ Đề, vị lấy Tuệ giác làm tính mạng, bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, trong thời tương lai có chúng sanh khi nghe được Pháp này thì sanh lòng tin trong sáng

**không?” Đức Phật nói rằng:
“Này Tu Bồ Đề, những chúng
sinh đó, không là chúng sinh
cũng không không là chúng
sinh. Vì sao vậy? Này Tu Bồ
Đề, chúng sinh là chúng sinh
Như Lai nói không là chúng
sinh, thị danh là chúng sinh.”**

PHẨM XXII

VÔ PHÁP KHẢ ĐẮC

**Tu Bồ Đề bạch Phật rằng:
“Bạch Thế Tôn, Phật chứng
đắc Vô thượng chánh đẳng
chánh giác là không có chỗ**

chứng đắc?” Đức Phật nói rằng: “Này Tu Bồ Đề, đúng vậy, đúng vậy. Ta đối với Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì không có một mảy may Pháp nào có thể chứng đắc, do vậy, thị danh là Vô thượng chánh đẳng chánh giác.”

PHẨM XXIII

TỊNH TÂM HÀNH THIỆN

“Lại nữa, này Tu Bồ Đề, pháp này thì bình đẳng, chẳng cao chẳng thấp, thị danh là Vô

**thượng chánh đẳng chánh
giác. Tu tất cả pháp thiện, thì
chứng đắc ngay Vô thượng
chánh đẳng chánh giác. Này
Tu Bồ Đề, cái gì là thiện pháp
thì Như Lai nói cái đó không
là thiện pháp, thị danh là
thiện pháp.”**

PHẨM XXIV

PHƯỚC TRÍ VÔ TỈ

**“Này Tu Bồ Đề, ví như có
người đem bảy loại châu báu
chất thành từng đồng nhiều
như những núi Tu di là các**

vua núi trong cõi Ba ngàn đại thiên thế giới hệ, rồi dùng đem bố thí. Lại có người lấy kinh Bát nhã ba la mật này dù chỉ có bốn câu kệ hành trì, đọc tụng, vì người khác giảng nói. Đối với phước đức của người trước, thì trăm phần không được một, trăm ngàn vạn ức phần không được một, cho đến toán số, thí dụ cũng không thể sánh.”

PHẨM XXV

HÓA VÔ SỞ HÓA

“Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Các ông chớ nói rằng Như Lai có khởi ý niệm như vậy: Ta độ chúng sanh. Này Tu Bồ Đề, chớ có khởi lên ý niệm này. Vì sao vậy? Thật sự không có chúng sanh nào được Như Lai độ. Nếu có chúng sanh nào để Như Lai độ, thì như vậy có nghĩa là Như Lai có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Này Tu Bồ Đề, Như Lai nói có ngã tức không có ngã nhưng người phàm

**phu cho là có ngã. Này Tu Bồ
Đề, Như Lai nói phàm phu
không là phàm phu, thị danh
là phàm phu.”**

PHẨM XXVI

PHÁP THÂN PHI TƯỚNG

**“Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như
thế nào? Có nên lấy ba mươi
hai tướng để quán Như Lai
không?” Tu Bồ Đề bạch rằng:
“Đúng như vậy, đúng như vậy.
Nên lấy ba mươi hai tướng để
quán Như Lai.” Đức Phật nói
rằng: “Này Tu Bồ Đề, nếu lấy
ba mươi hai tướng để quán**

**Như Lai, vậy thì Chuyển Luân
Thánh Vương cũng là Như Lai
sao.” Tu Bồ Đề bạch Phật
rằng: “Bạch Thế Tôn, con đã
hiểu diệu nghĩa Phật nói,
không nên lấy ba mươi hai
tướng để quán Như Lai.”**

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ rằng:

Nếu lấy sắc thấy Ta

Lấy âm thanh cầu Ta

Người ấy hành tà đạo

Không thể thấy Như Lai.

PHẨM XXVII

VÔ ĐOẠN VÔ DIỆT

“Này Tu Bồ Đề, nếu ông khởi ý niệm như thế này: Như Lai không do tướng cụ túc, cho nên đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Này Tu Bồ Đề, chớ có khởi ý niệm như thế này: Như Lai không do tướng cụ túc, cho nên đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Này Tu Bồ Đề, nếu khởi ý niệm như thế này: Người phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác nói các pháp đoạn diệt. Chớ khởi lên ý niệm như

vậy. Vì sao vậy? Bởi vì người phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác đối với các pháp thì không nói tướng đoạn diệt.”

PHẨM XXVIII

BÁT THỌ BÁT THAM

“Này Tu Bồ Đề, nếu có Bồ Tát lấy bảy loại châu báu đầy trong hăng hà sa những thế giới đem bố thí. Lại nữa, nếu có người biết hết thấy pháp là vô ngã, thành tựu hạnh nhẫn, thì công đức của Bồ Tát này

vượt hơn Bồ tát trước. Vì sao vậy? Này Tu Bồ Đề, vì các Bồ Tát không thọ nhận phước đức.” Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, như thế nào là Bồ Tát không thọ nhận phước đức?” “Này Tu Bồ Đề, phạm Bồ Tát tạo việc phước đức, không nên để lòng tham vướng mắc. Do vậy, nói không thọ nhận phước đức.”

PHẨM XXIX

UY NGHI TỊCH TĨNH

“Này Tu Bồ Đề, nếu có người nói rằng: Như Lai có đến, có đi, có ngồi, có nằm, thì người này không hiểu diệu nghĩa Ta thuyết Pháp này. Vì sao vậy? Như Lai là không từ nơi đâu đến, cũng không có chỗ nào đi, do vậy thị danh là Như Lai.”

PHẨM XXX

NHẤT HỢP TƯỞNG LÝ

“Này Tu Bồ Đề, nếu có người con trai hay người con gái hiền thiện lấy cỗi Ba ngàn đại thiên thế giới hệ nghiền thành đám vi trần. Ý ông nghĩ như thế nào? Đám vi trần này có nhiều không?” Tu Bồ Đề bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Vì sao vậy? Bởi vì đám vi trần này có thật, thì Phật không nói là đám vi trần. Vì sao vậy? Phật nói đám vi trần tức không là đám vi trần, thị danh là đám vi trần.”

“Bạch Thế Tôn, Như Lai nói cõi Ba ngàn đại thiên thế giới hệ tức không là thế giới, thị danh là thế giới. Vì sao vậy? Nếu thế giới có thật, thì đó là hợp tướng. Vì vậy nói hợp tướng tức không là hợp tướng, thị danh là tướng.”
“Này Tu Bồ Đề, hợp tướng thì không thể dùng lời để nói, chỉ vì người phàm phu có lòng tham nên chấp là có.”

PHẨM XXXI

TRI KIẾN BẤT SANH

“Này Tu Bồ Đề, nếu có người nói rằng: Phật nói có ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến. Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ sao? Người này có hiểu diệu nghĩa Ta nói không?” “Bạch Thế Tôn, không. Người này không hiểu diệu nghĩa Như Lai nói. Vì sao vậy? Cái gì Thế Tôn nói là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến tức không là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, thị

danh gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến.”

“Này Tu Bồ Đề, người phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì đối với hết thấy pháp phải biết như vậy, phải thấy như vậy, phải tin hiểu như vậy: Pháp tướng không sanh khởi. Này Tu Bồ Đề, Pháp tướng Như Lai nói tức không là Pháp tướng, thị danh là Pháp tướng.”

PHẨM XXXII

ỨNG HÓA PHI CHÂN

“Này Tu Bồ Đề, nếu như có người lấy bảy loại châu báu làm đầy vô lượng vô số thế giới đem bố thí. Lại nữa, nếu như có người con trai hoặc người con gái hiền thiện phát tâm bồ đề, giữ gìn kinh này dù chỉ bốn câu kệ, tiếp nhận, thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói, thì phước người này vượt hơn phước kẻ kia. Như thế nào là vì người diễn nói? Người ấy không chấp thủ

**tướng, như như không giao
động.**

Vì sao vậy?

Tất cả pháp hữu vi

Như mộng, huyễn, bọt, bóng

Như sương mai, điện chớp

Hãy quán thấy như vậy.

**Phật thuyết kinh này xong,
Trưởng lão Tu Bồ Đề cùng với
các tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà
tắc, ưu bà di, hết thấy trời,**

**người, a tu la trong thế gian
nghe Phật thuyết vô cùng
hoan hỷ tin thọ và phụng
hành.**

KIM CANG TÁN

**Đoạn tận nghi ngờ khởi tín tâm
Không còn các tướng vượt ngoài tông
Quên nhân pháp tướng chân không tỏ
Trí tuệ mùi kia tỏa ngát hương
Kệ bốn câu gìn thông pháp giới
Tin trì phước đức nghĩ không cùng
Kỳ viên Phật Thánh Hiền Tăng hội
Án ồ luân ni tát phạ ha**

KIM CANG CHÚ

Án Ô Luân Ni Ta Bà Ha



Tranh của bản Dunhuang

Bí Sô Thích Như Minh
Trú Trì Chùa Việt Nam, Los Angeles, CA , USA
Việt dịch từ bản Hán dịch
金剛般若波羅蜜經
Kim cương bát nhã ba la mật kinh
Điều Tần Tam Tạng Pháp Sư Cư Ma La Thập dịch
Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh
Bát Nhã Bộ, 0235

Tham khảo Phạn bản
vajracchedikā nāma trisatikā prajñāpāramitā ||
Lễ Vía Quán Thế Âm
Ngày 19 tháng 9 năm Giáp Ngọ - 2014

金剛般若波羅蜜經

姚秦天竺三藏鳩摩羅什譯

如是我聞：

一時，佛在舍衛國祇樹給孤獨園，與大比丘眾千二百五十人俱。爾時，世尊食時，著衣持鉢，入舍衛大城乞食。於其城中，次第乞已，還至本處。飯食訖，收衣鉢，洗足已，敷座而坐。

時，長老須菩提在大眾中即從座起，偏袒右肩，右膝著地合掌恭敬而白佛言：「希有！世尊！如來善護念諸菩薩，善付

囑諸菩薩。世尊！善男子、善女人，發阿耨多羅三藐三菩提心，應云何住？云何降伏其？

佛言：「善哉善哉！須菩提！如汝所說：『如來善護念諸菩薩，善付囑諸菩薩。』汝今諦聽，當為汝說。善男子、善女人發阿耨多羅三藐三菩提心應如是住如是降伏其。」

「唯然。世尊！願樂欲聞。」

佛告須菩提：「諸菩薩摩訶薩應如是降伏其心：『所有一切眾生之類，若卵生、若胎生若濕生、若化生，若有色、若無

色，若有想、若無想、若非有想非無想，我皆令入無餘涅槃而滅度之。』如是滅度無量無數無邊眾生，實無眾生得滅度者。何以故？須菩提！若菩薩有我相、人相、眾生相、壽者相，即非菩薩。

「復次，須菩提！菩薩於法應無所住，行於布施所謂不住色布施，不住聲香味觸法布施。須菩提！菩薩應如是布施不住於相。何以故？若菩薩不住相布施，其福德不可思量。

「須菩提！於意云何？東方虛空可思量不？」

「不也，世尊！」

「須菩提！南西北方四維上下
虛空可思量不？」

「不也，世尊！」 「須菩提！
菩薩無住相布施，福德亦復如
是不可思量。須菩提菩薩但應
如所住教。

「須菩提！於意云何？可以身
相見如來不？」

「不也，世尊！不可以身相得
見如來。何以故？如來所說身
相，即非身相。」

佛告須菩提：「凡所有相，皆是虛妄。若見諸相非相，則見如來。」

須菩提白佛言：「世尊！頗有眾生，得聞如是言說章句，生實信不？」

佛告須菩提：「莫作是說。如來滅，後五百歲，有持戒修福者，於此章句能生信心以此為實，當知是人於一佛二佛三四五佛而種善根，已於無量千萬佛所種諸善根，聞是章句乃至一念生淨信者，須菩提！如來悉知悉見，是諸眾生得如是無量福德。何以故？是諸眾生

無復我相、人相、眾生相、壽者相。 「無法相，亦無非法相。何以故？是諸眾生若心取相則爲著我、人、眾生、壽者。

「若取法相，即著我、人、眾生、壽者。何以故？若取非法相，即著我、人、眾生、壽者是故不應取法不應取非法。以是義故，如來常說：『汝等比丘，知我說法，如筏喻者法尚應捨，何況非法。』

「須菩提！於意云何？如來得阿耨多羅三藐三菩提耶？如來有所說法耶？」

須菩提言：「如我解佛所說義無有定法名阿耨多羅三藐三菩提，亦無有定法如來可說。何以故？如來所說法，皆不可取不可說、非法、非非法。所以者何？一切賢聖皆以無爲法而有差別。」 「須菩提！於意云何？若人滿三千大千世界七寶以用布施，是人所得福德，寧爲多不？」

須菩提言：「甚多，世尊！何以故？是福德即非福德性，是故如來說福德多。」 「若復有人，於此經中受持乃至四句偈

等，爲他人說，其福勝彼。何以故？須菩提！一切諸佛，及諸佛阿耨多羅三藐三菩提法皆從此經出。須菩提！所謂佛法者，即非佛法。「須菩提！於意云何？須陀洹能作是念：『我得須陀洹果』不？」須菩提言：「不也，世尊！何以故？須陀洹名爲、入流而無所入，不入色、聲、香、味、觸、法，是名須陀洹。」

「須菩提！於意云何？斯陀含能作是念：『我得斯陀含果』不？」須菩提言：「不也，世尊！何以故？斯陀含名一往

來，而實無往來，是名斯陀含。」

「須菩提！於意云何？阿那含能作是念：『我得阿那含果』不？」須菩提言：「不也，世尊！何以故？阿那含名為不來，而實無[1]來，是故名阿那含。」

「須菩提！於意云何？阿羅漢能作是念：『我得阿羅漢道』不？」

須菩提言：「不也，世尊！何以故？實無有法名阿羅漢。世尊！若阿羅漢作是念：『我得

阿羅漢道。』即為著我、人、眾生、壽者。世尊！佛說我得無諍三昧，人中最為第一，是第一離欲阿羅漢我不作是念：『我是離欲阿羅漢。』世尊我若作是念：『我得阿羅漢道』世尊則不說須菩提是樂阿蘭那行者。以須菩提實無所行，而名須菩提是樂阿蘭那行。」佛告須菩提：「於意云何？如來昔在然燈佛所，於法有所得不？」「世尊！如來在然燈佛所，於法實無所得。」

「須菩提！於意云何？菩薩莊嚴佛土不？」

「不也，世尊！何以故？莊嚴佛土者，則非莊嚴是名莊嚴」

「是故須菩提，諸菩薩摩訶薩應如是生清淨心，不應住色生心不應住聲、香、味、觸、法生心，應無所住而生其心。

「須菩提！譬如有人，身如須彌山王，於意云何？是身為大不？」

須菩提言：「甚大，世尊！何以故？佛說非身，是名大身」

「須菩提！如恒河中所有沙數

如是沙等恒河，於意云何？是諸恒河沙寧爲多不？」須菩提言：「甚多，世尊！但諸恒河尚多無數何況其沙。」「須菩提！我今實言告汝。若有善男子、善女人以七寶滿爾所恒河沙數三千大千世界，以用布施，得福多不？」須菩提言：「甚多，世尊！」佛告須菩提：「若善男子、善女人，於此經中，乃至受持四句偈等，爲他人說，而此福德勝前福德。」復次，須菩提！隨說是經乃至四句偈等，當知此處，一切世間天、人、阿修羅，皆應供養

，如佛塔廟，何況有人盡能受持讀誦。須菩提！當知是人成就最上第一希有之法，若是經典所在之處，則為有佛，若尊重弟子。」爾時須菩提白佛言：「世尊！當何名此經我等云何奉持？」佛告須菩提：「是經名為“金剛般若波羅蜜”以是名字，汝當奉持。所以者何？須菩提！佛說般若波羅蜜則非般若波羅蜜。須菩提！於意云何？如來有所說法不？」須菩提白佛言：「世尊！如來無所說。」

「須菩提！於意云何？三千大千世界所有微塵是爲多不？」

須菩提言：「甚多，世尊！」

「須菩提！諸微塵，如來說非微塵，是名微塵。如來說世界非世界，是名世界。」

「須菩提！於意云何？可以三十二相見如來不？」

「不也，世尊！不可以三十二相得見如來。何以故？如來說三十二相，即是非相，是名三十二相。」 「須菩提！若有善男子、善女人，以恒河沙等身命布施；若復有人，於此經中

，乃至受持四句偈等，爲他人說，其福甚多。」爾時，須菩提聞說是經，深解義趣，涕淚悲泣，而白佛言：「希有，世尊！佛說如是甚深經典，我從昔來所得慧眼，未曾得聞如是之經。世尊！若復有人得聞是經，信心清淨，則生實相，當知是人，成就第一希有功德。世尊！是實相者則是非相是故如來說名實相。世尊！我今得聞如是經典，信解受持不足爲難，若當來世，後五百歲其有眾生，得聞是經信解受持，是人則爲第一希有。何以故？此

人無我相、人相、眾生相、壽者相。所以者何？我相即是非相，人相、眾生相壽者相即是非相。何以故？離一切諸相則名諸佛」

佛告須菩提：「如是，如是！若復有人，得聞是經，不驚不怖、不畏當知是人甚為希有。何以故？須菩提！如來說第一波羅蜜，非第一波羅蜜是名第一波羅蜜。須菩提！忍辱波羅蜜，如來說非忍辱波羅蜜。何以故？須菩提！如我昔為歌利王割截身體，我於爾時無我相

無人相、無眾生相、無壽者相
何以故？我於往昔節節支解時
若有我相、人相、眾生相、壽
者相，應生瞋恨。須菩提！又
念過去於五百世作忍辱仙人於
爾所世，無我相、無人相、無
眾生相、無壽者相。是故須菩
提！菩薩應離一切相，發阿耨
多羅三藐三菩提心，不應住色
生心，不應住聲香味觸法生心
應生無所住心。若心有住，則
爲非住。是故佛說：『菩薩心
不應住色布施。』 「須菩提！
菩薩爲利益一切眾生，應如是
布施。如來說：『一切諸相即

是非相。』又說『一切眾生，
則非眾生。』

「須菩提！如來是真語者、實語者、如語者、不誑語者、不異語者。」「須菩提！如來所得法，此法無實無虛。須菩提！若菩薩心住於法而行布施，如人入闇，則無所見；若菩薩心不住法而行布施，如人有目，日光明照見種種色。」「須菩提！當來之世，若有善男子、善女人，能於此經受持讀誦，則爲如來以佛智慧，悉知是人，

悉見是人，皆得成就無量無邊功德。

「須菩提！若有善男子、善女人，初日分以恒河沙等身布施，中日分復以恒河沙等身布施，後日分亦以恒河沙等身布施，如是無量百千萬億劫以身布施，若復有人，聞此經典，信心不逆，其福勝彼，何況書寫、受持、讀誦、爲人解說。」「須菩提！以要言之，是經有不可思議、不可稱量、無邊功德。如來爲發大乘者說，爲發最上乘者說。若有人能受持讀誦，廣爲人

說，如來悉知是人悉見是人，皆得成就不可量不可稱、無有邊、不可思議功德如是人等，則爲荷擔如來阿耨多羅三藐三菩提。何以故？須菩提！若樂小法者著我見、人見、眾生見、壽者見，則於此經，不能聽受讀誦爲人解說。

「須菩提！在在處處，若有此經，一切世間天、人、阿修羅所應供養；當知此處，則爲是塔皆應恭敬，作禮圍繞，以諸華香而散其處。

「復次，須菩提！善男子、善女人，受持讀誦此經，若為人輕賤，是人先世罪業，應墮惡道，以今世人輕賤故，先世罪業則為消滅，當得阿耨多羅三藐三菩提。」「須菩提！我念過去無量阿僧祇劫，於然燈佛前，得值八百四千萬億那由他諸佛，悉皆供養承事，無空過者；若復有人於後末世能受持讀誦此經，所得功德，於我所供養諸佛功德百分不及一，千萬億分、乃至算數譬喻所不能及。」「須菩提！若善男子、善女於後末世，有受持讀誦此經，

所得功德，我若具說者，或有人聞，心則狂亂，狐疑不信。須菩提！當知是經義不可思議果報亦不可思議。」爾時，須菩提白佛言：「世尊善男子、善女人，發阿耨多羅三藐三菩提心，云何應住？云何降伏其心？」佛告須菩提：「善男子、善女人，發阿耨多羅，三藐三菩提者當生如是心：『我應滅度一切眾生。滅度一切眾生已，而無有一眾生實滅度者。』何以故？須菩提！若菩薩有我相人相、眾生相、壽者相，則非菩薩。所以者何？須菩提

！實無有法發阿耨多、羅三藐三菩提者。 「須菩提！於意云何？如來於然燈佛所，有法得阿耨多羅三藐三菩提不」

「不也，世尊！如我解佛所說義，佛於然燈佛所，無有法得阿耨多羅三藐三菩提。」

佛言：「如是如是！須菩提！實無有法如來得阿耨多羅三藐三菩提。須菩提！若有法如來得阿耨多羅三藐三菩提者，然燈佛則不與我受記：『汝於來世，當得作佛號釋迦牟尼。』以實無有法得阿耨多羅三藐三菩提，是故然燈佛與我受記作

是言：『汝於來世，當得作佛號釋迦牟尼。』何以故？如來者，即諸法如義。

「若有人言：『如來得阿耨多羅三藐三菩提。』須菩提！實無有法，佛得阿耨多羅三藐三菩提。須菩提！如來所得阿耨多羅三藐三菩提，於是中無實無虛。是故如來說：『一切法皆是佛法。』須菩提！所言一切法者，即非一切法，是故名一切法。」「須菩提！譬如人身長大。」須菩提言：「世尊！如來說人身長大，則爲非大身，是名大身。」

「須菩提！菩薩亦如是若作是言：『我當滅度無量眾生。』則不名菩薩。何以故須菩提實無有法名為菩薩。是故佛說：『一切法無我、無人、無眾生無壽者。』須菩提！若菩薩作是言：『我當莊嚴佛土。』是不名菩薩。何以故？如來說莊嚴佛土者，即非莊嚴，是名莊嚴。須菩提！若菩薩通達無我法者，如來說名真是菩薩。」

「須菩提！於意云何？如來有肉眼不？」

「如是，世尊！如來有肉眼。」

「須菩提！於意云何

「如來有天眼不？」 「如是，世尊！如來有天眼。」

「須菩提！於意云何？如來有慧眼不？」 「如是，世尊！如來有慧眼。」

「須菩提！於意云何？如來有法眼不？」

「如是，世尊！如來有法眼。」

「須菩提！於意云何？如來有佛眼不？」 「如是，世尊！如來有佛眼。」

「須菩提！於意云何？恒河中所有沙，佛說是沙不？」 「如是，世尊！如來說是沙。」

「須菩提！於意云何？如一恒河中所有沙有如是等恒河，是諸恒河所有沙數佛世界，如是寧爲多不？」

「甚多，世尊！」

佛告須菩提：「爾所國土中、所有眾生，若干種心，如來悉知。何以故？如來說諸心，皆爲非心是名爲心。所以者何？須菩提！過去心不可得，現在心不可得，未來心不可得。」

「須菩提！於意云何？若有人滿三千大千世界七寶以用布施是人以是因緣得福多不？」

「如是，世尊！此人以是因緣得福甚多。」 「須菩提！若福德有實，如來不說得福德多；以福德無故如來說得福德多。

「須菩提！於意云何？佛可以具足色身見不？」

「不也，世尊！如來不應以具足色身見。何以故？如來說具足色身，即非具足色身，是名具足色身。」

「須菩提！於意云何？如來可以具足諸相見不？」

「不也，世尊！如來不應以具足諸相見。何以故？如來說諸相具足，即非具足，是名諸相

具足。」 「須菩提汝勿謂如來作是念：『我當有所說法。』莫作是念何以故？若人言：『如來有所說法。』即爲謗佛，不能解我所說故。須菩提！說法者，無法可說，是名說法。」 爾時慧命須菩提白佛言：「世尊！頗有眾生，於未來世，聞說是法，生信心不？」

佛言：「須菩提！彼非眾生，非不眾生。何以故？須菩提！眾生、眾生者，如來說非眾生是名眾生。」

須菩提白佛言：「世尊！佛得阿耨多羅三藐三菩提，爲無所

得耶？」如是如是！須菩提！我於阿耨多羅三藐三菩提乃至無有少法可得，是名阿耨多羅三藐三菩提。

「復次，須菩提！是法平等無有高下是名阿耨多羅三藐三菩提；以無我、無人、無眾生、無壽者，修一切善法，則得阿耨多羅三藐三菩提。須菩提！所言善法者，如來說非善法，是名善法。

「須菩提！若三千大千世界中所有諸須彌山王，如是等七寶聚，有人持用布施；若人以此般若波羅蜜經，乃至四句偈等

受持讀誦、爲他人說，於前福德百分不及一，百千萬億分乃至算數譬喻所不能及。

「須菩提於意云何？汝等勿謂如來作是念：『我當度眾生』須菩提莫作是念。何以故？實無有眾生如來度者，若有眾生如來度者如來則有我人眾生壽者。須菩提！如來說：『有我者，則非有我，而凡夫之人以爲有我。』須菩提！凡夫者如來說則非凡夫。」「須菩提！於意云何？可以三十二相觀如來不？」

須菩提言：「如是，如是！以三十二相觀如來。」

佛言：「須菩提！若以三十二相觀如來者，轉輪聖王則是如來。」

須菩提白佛言：「世尊！如我解佛所說義，不應以三十二相觀如來。」

爾時，世尊而說偈言：

「若以色見我， 以音聲求我，

 是人行邪道， 不能見如來。 「須菩提！汝若作是念：

『如來不以具足相故，得阿耨多羅三藐三菩提。』須菩提！

莫作是念。如來不以具足相
故，得阿耨多羅三藐三菩提。

「須菩提！汝若作是念：『發
阿耨多羅三藐三菩提者，說諸
法斷滅相。』莫作是念。何以
故？發阿耨多羅三藐三菩提心
者，於法不說斷滅相。」「須菩
提！若菩薩以滿恒河沙等世界
七寶布施；若復有人知一切法
無我，得成於忍，此菩薩勝前
菩薩所得功德。須菩提以諸菩
薩不受福德故。」

須菩提白佛言：「世尊！云何
菩薩不受福德？」「須菩提！
菩薩所作福德，不應貪著，是
故說不受福德。」

「須菩提！若有人言：『如來若來若去、若坐若臥。』是人不解我所說義。何以故？如來者，無所從來，亦無所去，故名如來。」「須菩提！若善男子、善女人以三千大千世界碎爲微塵，於意云何是微塵眾寧爲多不？」「甚多，世尊！何以故？若是微塵眾實有者，佛則不說是微塵眾。所以者何？佛說微塵則非微塵眾是名微塵眾。世尊！如來所說三千大千世界，則非世界，是名世界。何以故？若世界實有者，則是一

合相。如來說一合相，則非一合相，是名一合相。」

「須菩提！一合相者，則是不可說，但凡夫之人貪著其事。

「須菩提！若人言：『佛說我見、人見、眾生見、壽者見』須菩提！於意云何？是人解我所說義不？」 「世尊是人不解如來所說義。何以故？世尊說我見人見眾生見壽者見，即非我見、人見眾生見壽者見是名我見人見眾生見壽者見」

「須菩提！發阿耨多羅三藐三菩提心者，於一切法，應如是知，如是見，如是信解，不生

法相。須菩提！所言法相者如來說即非法相，是名法相。

「須菩提！若有人以滿無量阿僧祇世界七寶持用布施，若有善男子、善女人，發菩薩心者持於此經，乃至四句偈等，受持讀誦，爲人演說其福勝彼。云何爲人演說？不取於相，如如不動。何以故？

「一切有爲法，如夢、幻、泡、影，
如露亦如電，應作如是觀。」佛說是經已，長老須菩提及諸比丘、比丘尼、優婆塞

、優婆夷，一切世間天、人、
阿修羅聞佛所說，皆大歡喜，
信受奉行。

**KINH KIM CƯƠNG
NĂNG ĐOẠN
BÁT NHÃ BA LA MẬT**

*Đảnh Lễ Đức Thế Tôn
Bậc Thánh Bát Nhã Ba La Mật*

1

**Như Vậ Tôi Nghe: Một thời
Phật ở tại nước Xá vệ, trong
vườn của Trưởng giả Cấp Cô
Độc, rừng cây của Thái tử Kỳ
Đà cùng với đại chúng một
ngàn hai trăm năm mươi Tỳ**

kheo và vô số Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lúc bấy giờ vào buổi sáng sớm, Thế Tôn mặc y, cầm y bát, đi vào thành lớn Xá vệ để khát thực. Rồi vào buổi trưa sau khi khát thực trong thành lớn Xá vệ, Thế Tôn soạn bữa ăn với thức ăn đã khát thực được. Sau khi ăn xong, Ngài trở về cất y bát, rửa hai chân, rồi ngồi xuống chỗ ngồi đã soạn sẵn, chân kiết già, thân giữ thẳng, niệm để trước mặt.

Tại nơi có Thế Tôn thì nơi đó có nhiều vị tỳ kheo đến gần,

đánh lễ dưới chân của Thế Tôn, đi nhiễu bên phải Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

2

Lúc bấy giờ, Tôn giả Tu Bồ Đề đi đến hội chúng ấy và ngồi xuống. Rồi Tôn giả Tu Bồ Đề từ chỗ ngồi đứng dậy, sau khi sửa y tăng già lê một bên, đầu gối chân phải quỳ xuống đất, chắp tay hướng về Thế Tôn bạch với Thế Tôn như vậy: Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu! Bạch Thiện Thệ, thật là vô cùng hy hữu, có bao nhiêu Bồ Tát Ma Ha Tát được Như Lai A

La Hán Chánh Đăng Chánh Giác nhiếp thọ bằng sự hộ niệm ân cần nhất. Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu, có bao nhiêu Bồ Tát Ma Ha Tát được Như Lai A La Hán Chánh Đăng Chánh Giác phó chúc bằng sự phó chúc tin cậy nhất. Bạch Thế Tôn, nếu có người con trai hoặc người con gái dòng họ cao quý hướng đến Bồ Tát thừa thì trụ như thế nào? Thành tựu như thế nào? Hàng phục tâm như thế nào? Được nghe như vậy, Thế Tôn nói với tôn giả Tu Bồ Đề rằng:

“Này Tu Bồ Đề, lành thay, lành thay. Chính như ông đã nói, Như Lai nhiếp thọ Bồ Tát Ma Ha Tát bằng sự hộ niệm ân cần nhất. Như Lai phó chúc Bồ Tát bằng sự phó chúc tin cậy nhất. Này Tu Bồ Đề, hãy tác ý lắng nghe Ta sẽ nói cho ông. Như vậy nên trụ bằng sự hướng đến Bồ Tát thừa, như vậy cần phải thành tựu, như vậy cần phải hàng phục tâm. Bạch Thế Tôn, thưa vâng. Tôn giả Tu Bồ Đề lắng nghe Thế Tôn.

3

Thế Tôn nói: Ở đây, này Tu Bồ Đề, đối với những người hướng đến Bồ Tát thừa, thì cần phải phát tâm như vậy: Này Tu Bồ Đề, có bao nhiêu loại chúng sanh trong chúng sanh giới hoặc trứng sanh hoặc thai sanh hoặc ẩm ướt sanh hoặc biến hóa sanh hoặc có hình tướng hoặc không có hình tướng hoặc có tướng hoặc không có tướng hoặc cũng không có tướng cũng không không có tướng cho đến những loại chúng sanh

nào trong chúng sanh giới có thể biết, có thể thấy được, có thể độ bằng thần lực, bằng thâm nhiếp, thì Ta độ cho tất cả vào cảnh giới Niết bàn không còn phiền não. Có vô số chúng sanh được độ như vậy nhưng không có chúng sanh nào được độ. Vì sao vậy? Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát khởi lên tưởng chúng sanh, thì vị ấy không được gọi là Bồ Tát. Vì sao vậy? Nay Tu Bồ Đề, nếu những người còn khởi lên tưởng ngã hoặc tưởng chúng sanh hoặc tưởng thọ mạng

hoặc tướng con người, thì không gọi là Bồ Tát.

4

Lại nữa, Nay Tu Bồ Đề, như vậy Bồ Tát không trụ vào tài vật cần phải bố thí, không trụ vào một cái gì cần phải bố thí, không trụ vào sắc cần phải bố thí, không trụ vào thanh, hương, vị, xúc, pháp cần phải bố thí. Nay Tu Bồ Đề, như vậy Bồ Tát Ma Ha Tát cần phải bố thí. Cũng vậy không trụ vào tướng nhân duyên. Vì sao vậy? Nay Tu Bồ Đề, người nào bố thí mà không trụ vào chỗ

nào, này Tu Bồ Đề, thì người đó có tụ công đức không thể tính đếm, không thể đo lường, không thể nghĩ bàn. Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Hư không ở phương đông có thể đo lường không? Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, không. Thế Tôn nói rằng: Cũng vậy hư không phương nam, hư không phương tây, hư không phương bắc, hư không hướng dưới, hư không hướng trên, hư không ở giữa, hư không trong tất cả mười phương có thể đo lường

**không? Tu Bồ Đề bạch rằng:
Bạch Thế Tôn, không. Thế
Tôn nói rằng: Này Tu Bồ Đề,
Bồ Tát bố thí mà không trụ
vào chỗ nào, này Tu Bồ Đề, thì
tụ công đức của người ấy
không thể tính đếm, không
thể đo lường, không thể nghĩ
bàn. Này Tu Bồ Đề, như vậy
phải bố thí với sự hướng đến
Bồ Tát thừa. Cũng vậy không
trụ vào tướng nhân duyên.**

5

**Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như
thế nào? Như Lai có được
thấy qua tướng cụ túc không?**

Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, không thể có điều này, Như Lai không được thấy qua tướng cụ túc. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, Như Lai nói rằng phàm có tướng cụ túc thì không có tướng cụ túc. Khi được nghe như vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Tu Bồ Đề rằng: Này Tu Bồ Đề, cái gì là tướng cụ túc thì cái đó hư dối, cái gì không là tướng cụ túc thì cái đó không hư dối. Thật sự phải thấy Như Lai tướng không là tướng.

6

Khi nghe nói như vậy Tôn giả Tu Bồ Đề bạch với Thế Tôn rằng: Bạch Thế Tôn, có chúng sanh nào trong tương lai, vào thời vị lai, ở đời sau năm trăm năm cuối, trong thời chánh Pháp hoại diệt, đối với những câu kệ của kinh hình thức như vậy này đem giảng nói, thì sẽ khởi lên tưởng chân thật không? Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ Đề, ông chớ nói như vậy: Có chúng sanh nào trong tương lai, vào thời vị lai, ở đời sau năm trăm

năm cuối, trong thời chánh Pháp hoại diệt, đối với những câu kệ của Kinh hình thức như vậy này đem giảng nói, thì sẽ khởi lên tướng chân thật. Lại nữa, này Tu Bồ Đề, cũng vậy trong tương lai, vào thời vị lai, ở đời sau năm trăm năm cuối, trong thời chánh Pháp hoại diệt sẽ có những Bồ Tát Ma Ha Tát là những vị có công đức, là những vị có giới, là những vị có trí tuệ sẽ giảng nói những câu kệ của kinh hình thức như vậy này, thì sẽ khởi lên

**tướng chân thật. Nay Tu Bồ
Đề, những Bồ Tát Ma Ha Tát
này, không phải chỉ có thân
cận với một Đức Phật, cũng
không phải chỉ có trồng căn
lành với một Đức Phật. Nay
Tu Bồ Đề, trái lại, những Bồ
Tát Ma Ha Tát mà đối với
những câu kệ của kinh hình
thức như vậy này giảng nói,
thì không những tìm thấy
lòng tin trong sáng bằng sự
nhất tâm mà còn sẽ được
thân cận với nhiều trăm ngàn
Đức Phật và sẽ trồng căn lành
với nhiều trăm ngàn Đức**

Phật. Này Tu Bồ Đề, Như Lai biết họ bằng cái biết của Phật. Này Tu Bồ Đề, Như Lai thấy họ bằng con mắt Phật. Này Tu Bồ Đề, đối với chư Phật và Như Lai, này Tu Bồ Đề, thì hết thấy Bồ Tát Ma Ha Tát này sẽ hàng phục tâm và thành tựu được tụ công đức không thể đo lường, không thể tính đếm bằng con số.

Vì sao vậy? Này Tu Bồ Đề, bởi vì thật sự đối với những Bồ Tát Ma Ha Tát này không khởi lên tưởng ngã, không khởi lên tưởng chúng sanh, không

khởi lên tướng thọ giả, không khởi lên tướng con người. Nay Tu Bồ Đề, đối với những Bồ Tát Ma Ha Tát này, cũng không khởi lên tướng Pháp, như vậy không khởi lên tướng không là Pháp. Nay Tu Bồ Đề, đối với những vị ấy cũng không khởi tướng không là tướng.

Vì sao vậy? Nay Tu Bồ Đề, nếu đối với những Bồ Tát Ma Ha Tát này khởi lên tướng Pháp, thì như vậy những vị ấy có sự chấp ngã, có sự chấp chúng sanh, có sự chấp thọ mạng, có

sự chấp con người. Nếu khởi lên tưởng không là Pháp, thì như vậy những vị ấy có sự chấp ngã, có sự chấp chúng sanh, có sự chấp thọ mạng, có sự chấp con người. Vì sao vậy? Lại nữa, này Tu Bồ Đề, đối với vị Bồ Tát Ma Ha Tát không nên nắm giữ Pháp tức không là Pháp. Do vậy, mật ý (saṃdhāya) này được Như Lai nói: Đối với những người vô trí thì Pháp phương tiện được ví như chiếc bè. Như vậy Pháp còn phải từ bỏ huống nữa là phi Pháp.

7

Rồi Đức Thế Tôn nói với Tôn Giả Tu Bồ Đề rằng: Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Có Pháp nào mà Pháp đó Như Lai chứng ngộ Vô thượng chánh đẳng chánh giác không? Hoặc có Pháp nào được Như Lai thuyết giảng không? Được nghe nói như vậy, Tôn giả Tu Bồ Đề bạch với Thế Tôn rằng: Bạch Thế Tôn, như thật con hiểu ý nghĩa lời của Thế Tôn như vậy: Không có Pháp nào mà Pháp đó Như Lai chứng ngộ Vô thượng chánh đẳng

chánh giác. Không có Pháp nào được Như Lai thuyết giảng. Vì sao vậy? Như Lai chứng ngộ hoặc thuyết giảng Pháp này, thì không thể nắm giữ được cũng không thể diễn tả được. Không là Pháp cũng không là phi Pháp. Vì sao vậy? Vì Thánh nhân có năng lực vô vi.

8

Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Nếu có người con trai hoặc người con gái dòng họ cao quý sau khi lấy bảy loại châu báu

làm đầy cõi Tam thiên đại thiên thế giới hệ rồi đem cúng dường cho các Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác, thì người con trai hoặc người con gái dòng họ cao quý đó, do duyên từ đó có được nhiều tụ công đức không? Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, nhiều. Bạch Thiện Thệ, nhiều, người con trai hoặc người con gái dòng họ cao quý này, do duyên từ đó mà có được nhiều tụ công đức. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, Như Lai nói cái gì là tụ công đức thì Như Lai

**nói cái đó không là tụ. Do vậy,
Như Lai nói tụ công đức là tụ
công đức.**

**Thế Tôn nói rằng: Lại nữa,
này Tu Bồ Đề, nếu có người
con trai hoặc người con gái
dòng họ cao quý sau khi lấy
bảy loại châu báu làm đầy
trong cõi Tam thiên đại thiên
thế giới hệ rồi đem cúng
dường cho các Như Lai A La
Hán Chánh Đẳng Chánh Giác.
Lại có người dù chỉ chấp nhận
và thọ trì bốn câu kệ ở trong
Pháp phương tiện này đem
chỉ bày, giảng nói, giải thích**

đầy đủ cho kẻ khác, thì nhờ duyên như vậy người này có nhiều tụ công đức không thể đo lường cũng không thể tính đếm bằng con số. Vì sao vậy? Nay Tu Bồ Đề, bởi vì các Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác chứng ngộ Vô Thượng Chánh Giác thì được sanh ra từ đây và Phật Thế Tôn cũng được sanh ra từ đây. Vì sao vậy? Nay Tu Bồ Đề, Phật Pháp là Phật Pháp, như vậy Như Lai nói không là Phật Pháp. Do vậy được gọi là Phật Pháp.

9

Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Vị Tu Đà Hoàn có khởi lên như vậy: Ta đắc quả Tu Đà Hoàn không? Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, thật sự điều này không có. Vị Tu Đà Hoàn không có khởi lên như vậy: Ta đắc quả Tu Đà Hoàn. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vị ấy trụ nơi không trụ Pháp nào. Do vậy được gọi là Tu Đà Hoàn. Sắc không được sanh ra, thanh, hương, vị, xúc, pháp không được sanh ra. Do vậy được gọi là Tu Đà Hoàn.

Bạch Thế Tôn, nếu vị Tu Đà Hoàn có khởi lên như vậy: Ta đắc quả Tu Đà Hoàn, thì như vậy vị ấy có sự chấp ngã, có sự chấp chúng sanh, có sự chấp thọ mạng, có sự chấp con người.

Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Vị Tỳ Đà Hàm có khởi lên như vậy: Ta đắc quả Tỳ Đà Hàm không? Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, thật sự điều này không có, vị Tỳ Đà Hàm không có khởi như vậy: Ta đắc quả Tỳ Đà Hàm. Vì sao

vậy? Bạch Thế Tôn, vì không có Pháp là Tư Đà Hàm được sanh ra. Do vậy được gọi là Tư Đà Hàm.

Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Vị A Na Hàm có khởi lên như vậy: Ta đắc quả A Na Hàm không? Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, quả thật điều này không có, vị A Na Hàm này có khởi lên như vậy: Ta đắc quả A Na Hàm. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì không có Pháp nào là A Na Hàm

được sanh ra. Do vậy được gọi là A Na Hàm.

Thế Tôn nói: Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Vị A La Hán có khởi lên như vậy: Ta đắc quả A La Hán không? Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, quả thật điều này không có, vị A La Hán không có khởi lên như vậy: Ta đắc quả A La Hán. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì không có Pháp nào có danh là A La Hán. Do vậy được gọi là A La Hán. Bạch Thế Tôn, nếu vị A La Hán có khởi lên như vậy: Ta đắc A La

Hán, thì như vậy đối với vị ấy có sự chấp ngã, có sự chấp chúng sanh, có sự chấp thọ mạng, có sự chấp con người. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác nói con là người dẫn đầu hạnh trụ a lan nhã, Bạch Thế Tôn, con là vị A La Hán ly dục. Bạch Thế Tôn, con không có khởi lên như vậy: Ta là vị A La Hán ly dục. Bạch Thế Tôn, nếu con có khởi lên như vậy: Ta đắc A La Hán, thì Như Lai không tuyên bố: Tu Bồ Đề một thiện gia nam tử

**dẫn đầu hạnh a lan nhã không
trụ chỗ nào. Do vậy được gọi
là hạnh a lan nhã là hạnh a
lan nhã.**

10

**Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ
Đề, ông nghĩ như thế nào? khi
xưa thân cận với Đức Nhiên
Đăng Như Lai A La Hán Chánh
Đẳng Chánh Giác thì Như Lai
có thọ trì Pháp nào không? Tu
Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế
Tôn, thật sự không có, khi
xưa thân cận với Đức Nhiên
Đăng Như Lai A La Hán Chánh**

Đẳng Chánh Giác thì Như Lai không thọ trì Pháp nào.

Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát nào nói như vậy: Ta sẽ trang nghiêm quốc độ, thì vị ấy nói không chân thật. Vì sao vậy? Này Tu Bồ Đề, trang nghiêm quốc độ là trang nghiêm quốc độ, Như Lai nói không là trang nghiêm. Do vậy được gọi là trang nghiêm quốc độ.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề, ở đây đối với vị Bồ Tát Ma Ha Tát nên phát tâm trụ như vậy, vị ấy nên phát tâm không trụ

**chỗ nào. Không trụ nơi sắc
phát tâm, không trụ nơi
thanh, không trụ nơi hương,
không trụ nơi vị, không trụ
nơi xúc, không trụ nơi pháp
phát tâm.**

**Này Tu Bồ Đề, ví như một
người đàn ông có thân hoàn
bị, thân to lớn. Hình thể của
người ấy như Tu di là vua các
núi. Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ
như thế nào? Hình thể người
này có lớn không? Tu Bồ Đề
bạch rằng: Bạch Thế Tôn, lớn.
Bạch Thiện Thệ, hình thể của
người đó là lớn. Vì sao vậy?**

Bạch Thế Tôn, sắc thân là sắc thân, Như Lai nói không là sắc thân. Do vậy được gọi là sắc thân. Bạch Thế Tôn, thật sự thân này không hiện hữu cũng không không là hiện hữu. Do vậy được gọi là sắc thân.

11

Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Có bao nhiêu cát trong sông Hằng là con sông lớn thì có bấy nhiêu sông Hằng, như vậy cát trong những sông này có nhiều không? Tu Bồ Đề bạch

rằng: Bạch Thế Tôn, thật là nhiều là những sông Hằng, huống nữa là cát trong những sông Hằng này. Thế Tôn nói: Này Tu Bồ Đề, Ta tuyên bố rằng, có bao nhiêu cát trong những sông Hằng này thì có bấy nhiêu thế giới hệ, như vậy nếu có người nữ hoặc người nam nào sau khi lấy bảy loại châu báu làm đầy trong bấy nhiêu thế giới hệ đó rồi đem cúng dường cho các Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác. Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Do nhờ

duyên từ đó người nữ hoặc người nam này có được nhiều tụ công đức không? Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn nhiều, bạch Thiện Thệ nhiều. Vì nhờ duyên từ đó người nữ hoặc người nam này có được nhiều tụ công đức không thể đo lường, không thể tính bằng con số.

Thế Tôn nói rằng: Lại nữa, này Tu Bồ Đề, nếu có người nữ hay người nam nào sau khi lấy bảy loại châu báu chất đầy trong bảy nhiều thế giới hệ đó, rồi đem cúng dường

cho các Đức Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác. Lại nữa, nếu có người con trai hoặc người con gái dòng họ cao quý tiếp nhận và thọ trì chỉ bốn câu kệ ở trong pháp phương tiện này đem chỉ bày, giảng nói, giải thích đầy đủ cho kẻ khác, thì nhờ duyên như vậy người này có tụ công đức không thể đo lường cũng không thể tính bằng con số nhiều hơn.

12

Lại nữa, này Tu Bồ Đề, nơi chỗ đất nào, nếu có người

**tiếp nhận và thọ trì bốn câu
kệ ở trong Pháp phương tiện
này đem nói hoặc giải thích
đầy đủ cho người khác. Đối
với chư thiên, loài người và a
tu la trong thế giới này, thì
nơi chỗ đất này là điện thờ.
Lại nữa, Ta nói nếu ai có được
đầy đủ Pháp phương tiện này
mà giữ gìn, đọc tụng, giảng
giải cho người, đem nói cho
số đông, này Tu Bồ Đề, người
này sẽ đạt được sự kính trọng
tối thượng. Này Tu Bồ Đề, ở
chỗ đất này là nơi có Đạo Sư**

hoặc những đệ tử tôn kính khác trú ngụ.

13

Được nghe như vậy, Tôn giả Tu Bồ Đề bạch Thế Tôn rằng: Bạch Thế Tôn, tên gọi của Pháp phương tiện này là gì? Con nên giữ gìn như thế nào? Được nghe bạch như vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Tu Bồ Đề rằng: Này Tu Bồ Đề, Pháp phương tiện này gọi là Bát nhã ba la mật, như vậy nên chấp nhận và thọ trì. Vì sao vậy? Này Tu Bồ Đề, như vậy Như Lai nói là Bát nhã ba la

mật, Như Lai nói không là ba la mật. Do vậy được gọi là Bát nhã ba la mật.

Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Có Pháp nào mà Pháp đó được Như Lai thuyết không? Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, không. Không có Pháp nào mà Pháp đó được Như Lai thuyết. Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Tất cả vi trần trong cõi Tam thiên đại thiên thế giới hệ, thì có nhiều không? Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, có nhiều. Bạch

Thiện Thệ, có nhiều vi trần. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, cái gì Như Lai nói là vi trần, bạch Thế Tôn, cái đó Như Lai nói không là vi. Do vậy, được gọi là vi trần. Lại nữa, Như Lai nói cõi thế giới hệ này, Như Lai nói đó không là cõi. Do vậy được gọi là cõi thế giới hệ. Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Có thể thấy được Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác qua ba mươi hai tướng đại nhân không? Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, không.

Không thể thấy Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác qua ba mươi hai tướng đại nhân. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, bởi cái gì mà cái đó Như Lai nói là ba mươi hai tướng đại nhân, Bạch Thế Tôn, Như Lai nói cái đó không là tướng. Do vậy được gọi là ba mươi hai tướng đại nhân.

Thế Tôn nói rằng: Lại nữa, này Tu Bồ Đề, ví như có người nữ hoặc người nam hằng ngày từ bỏ thân mạng của mình như cát sông Hằng, làm như vậy, từ bỏ thân mạng

trong nhiều kiếp bằng số cát sông Hằng. Lại nếu có người tiếp nhận và thọ trì chỉ bốn câu kệ ở trong Pháp phương tiện này rồi đem chỉ bày, giảng nói, giải thích đầy đủ cho kẻ khác. Nhờ duyên như vậy người này có nhiều hơn tu công đức không thể đo lường cũng không thể tính bằng con số.

14

Rồi lúc bấy giờ, Tôn giả Tu Bồ Đề xúc động rơi nước mắt vì Pháp lực này. Sau khi gạt nước mắt, đã bạch với Thế

Tôn rằng: Bạch Thế Tôn, thật hy hữu, bạch Thiện Thệ, thật rất là hy hữu. Như Lai thuyết Pháp phương tiện này vì lợi ích cho những chúng sanh phát tâm Tối thượng thừa, vì lợi ích phát tâm Vô thượng thừa. Bạch Thế Tôn, do vậy tri kiến này đã khởi lên trong con: Bạch Thế Tôn, trước đây con chưa từng nghe một Pháp phương tiện giống như vậy. Bạch Thế Tôn, có những Bồ Tát thành tựu tụ công đức hy hữu bậc nhất, ở đây khi được nghe thuyết Kinh này sẽ khởi

lên thật tướng. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, cái gì là thật tướng thì cái đó không là thật tướng. Do vậy, Như Lai tuyên thuyết thật tướng là thật tướng. Bạch Thế Tôn, thật là vi diệu, nhưng đối với con không thể tin giải Pháp phương tiện đã được thuyết này. Bạch Thế Tôn, cũng vậy, nếu có chúng sanh nào trong thời vị lai, trong thời gian cuối, trong thời kỳ cuối, trong năm trăm năm cuối chánh Pháp hoại diệt, bạch Thế Tôn, chúng sanh đó chấp nhận và

thọ trì Pháp phương tiện này, đọc tụng, như thuyết thực hành, chỉ bày và giảng giải rộng rãi cho người khác, thì những chúng sanh này sẽ thành tựu tụ công đức hy hữu bậc nhất. Lại nữa, bạch Thế Tôn, đối với những chúng sanh này, không có khởi lên ngã tưởng, không có khởi lên chúng sanh tưởng, không có khởi lên thọ mạng tưởng, không có khởi lên nhân tưởng. Những chúng sanh này cũng không khởi lên tưởng nào không là tưởng. Vì sao

vậy? Bạch Thế Tôn, cái gì là ngã tướng thì cái đó không là tướng, cái gì là chúng sanh tướng, thọ mạng tướng, nhân tướng chính cái đó không là tướng. Vì sao vậy? Vì Phật Thế Tôn lìa hết mọi tướng.

Được nghe như vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Tu Bồ Đề rằng: Này Tu Bồ Đề, đúng như vậy, đúng như vậy. Có những chúng sanh nào đạt được sự thành tựu hy hữu bậc nhất, này Tu Bồ Đề, thì ở đây khi kinh này được thuyết giảng sẽ không kinh động, không sợ

hãi, không khủng hoảng. Vì sao vậy? Này Tu Bồ Đề, Như Lai nói cái gì là đệ nhất Ba la mật thì cái đó được gọi không là Ba la mật. Lại nữa, này Tu Bồ Đề, Như Lai nói cái gì là đệ nhất Ba la mật, thì Phật Thế Tôn cũng nói cái đó không là Ba la mật. Do vậy được gọi là đệ nhất Ba la mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề, đối với Như Lai cái gì là nhãn Ba la mật như vậy, thì cái đó không là Ba la mật. Vì sao vậy? Này Tu Bồ Đề, như khi xưa vua Ca Lợi lóc thịt tay chân Ta, khi ấy

**Ta không có ngã tướng,
không có chúng sanh tướng,
không có thọ mạng tướng,
không có nhân tướng, cũng
không có tướng hoặc không
có không là tướng nào hiện
hành. Vì sao vậy? Này Tu Bồ
Đề, nếu lúc bấy giờ, Ta có ngã
tướng thì sân hận tướng cũng
có mặt. Nếu lúc bấy giờ Ta có
chúng sanh tướng, thọ mạng
tướng, nhân tướng, thì sân
hận tướng cũng có mặt. Vì sao
vậy? Này Tu Bồ Đề, Ta biết rõ
trong thời quá khứ cách nay
năm trăm kiếp, khi ấy Ta là**

một ẩn sĩ trường phái nhĩ nhục. Lúc đó Ta cũng không có ngã tướng, không có chúng sanh tướng, không có thọ mạng tướng, không có nhân tướng.

Do vậy, này Tu Bồ Đề, ở đây đối với vị Bồ Tát Ma Ha Tát sau khi xả ly chúng sanh tướng cần phải phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Không sanh tâm trụ nơi sắc, không sanh tâm trụ nơi thanh hương vị xúc pháp, không sanh tâm trụ nơi pháp, không sanh tâm trụ nơi

không là pháp, không sanh tâm trụ nơi cái gì. Vì sao vậy? Cái gì có trụ thì chính cái đó không là trụ. Vì duyên có này Như Lai nói rằng: Bồ tát không trụ nơi đâu nên bố thí. Không trụ nơi sắc thanh hương vị xúc pháp nên bố thí.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề, Bồ Tát thực hành hạnh thí xả như vậy vì lợi lạc cho tất cả chúng sanh. Vì sao vậy? Này Tu Bồ Đề, cái gì là chúng sanh tưởng, thì chính cái đó không là tưởng. Như vậy, Như Lai nói tất cả chúng sanh không

là chúng sanh. Vì sao vậy? Này Tu Bồ Đề, Như Lai nói lời thật, Như Lai nói lời chân thật, nói lời như thật, nói lời không trái ngược. Như Lai không nói lời xa lìa sự thật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề, Như Lai chỉ bày Pháp được chứng ngộ là tư duy. Pháp này không thật cũng không hư. Này Tu Bồ Đề, như một người đi vào trong đêm tối thì không thể thấy gì, Bồ Tát phải biết rằng rơi vào sự tướng cũng như vậy, người rơi vào sự tướng để xả bỏ tài vật. Này

Tu Bồ Đề, như người có mắt lại được ánh mặt trời ban ngày xuất hiện chiếu sáng có thể thấy nhiều loại sắc khác nhau, Bồ Tát phải biết không chấp vào sự tướng thì cũng như vậy, người không rơi vào sự tướng để xả bỏ tài vật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề, có người con trai hoặc người con gái dòng họ cao quý chấp nhận Pháp phương tiện này, thọ trì, đọc tụng, như thuyết thực hành, chỉ bày và giảng giải rộng rãi cho người khác. Này Tu Bồ Đề, Như Lai biết

người này với Phật trí. Nay Tu Bồ Đề, Như Lai thấy người này với Phật nhãn, đối với Như Lai người này là người tỉnh thức. Nay Tu Bồ Đề, tất cả chúng sanh này sẽ thành tựu và đạt được tụ công đức không thể đo lường không thể tính đếm.

15

Lại nữa, nay Tu Bồ Đề, nếu có người nữ hay người nam vào thời buổi sáng lấy hằng hà sa thân mạng xả thí, vào thời buổi trưa lại lấy hằng hà sa thân mạng xả thí, vào thời

buổi chiều cũng lấy hằng hà sa thân mạng xả thí. Trải qua nhiều trăm ngàn vạn ức kiếp lấy thân mạng xả thí. Lại có người sau khi nghe Pháp phương tiện này mà không phỉ báng. Do duyên như vậy, người này thành tựu được tụ công đức không thể đo lường, không thể tính đếm nhiều hơn, huống nữa là sao chép, giữ gìn, đọc tụng, như thuyết thực hành, chỉ bày, giảng giải rộng rãi cho người khác.

Này Tu Bồ Đề, Pháp phương tiện này không thể nghĩ bàn,

**không thể so sánh. Này Tu Bồ
Đề, Như Lai nói pháp phương
tiện này vì lợi ích cho những
chúng sanh phát tâm Tối
thượng thừa, vì lợi ích cho
những chúng sanh phát tâm
Vô thượng thừa. Những
người chấp nhận và thọ trì
Pháp phương tiện này, đọc
 tụng, như thuyết thực hành,
 chỉ bày và giảng giải rộng rãi
 cho người khác. Này Tu Bồ
Đề, Như Lai biết người này
 với Phật trí, Như Lai thấy
 người với Phật nhãn. Đối với
 Như Lai người này là người**

tĩnh thức. Nay Tu Bồ Đề, tất cả chúng sanh này sẽ có đầy đủ vô lượng tụ công đức, sẽ có đầy đủ tụ công đức không thể nghĩ, không thể so sánh, vô lượng, vô biên.

Nay Tu Bồ Đề, đối với sự bình đẳng của sự giác ngộ, thì tất cả chúng sanh này sẽ giữ gìn, đọc tụng, như thuyết thực hành. Vì sao vậy? Nay Tu Bồ Đề, vì đối với chúng sanh có lòng tin yếu kém để nghe Pháp phương tiện này, thì không có kiến về ngã, không có kiến về chúng sanh, không

có kiến về thọ mạng, không có kiến về nhân. Đối với những chúng sanh không có trí của Bồ tát, thì không có khả năng để nghe hoặc chấp nhận hoặc thọ trì hoặc đọc tụng hoặc giảng giải pháp phương tiện này. Không thể làm sáng tỏ.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề, tại chỗ nào trên mặt đất nơi có kinh này được lưu bố thì chỗ đất đó sẽ có trời, người, a tu la trong thế giới đến cúng dường. Nơi đó đáng được đánh lễ và tùy thuận, chỗ đất đó như là điện thờ.

16

Cũng vậy, này Tu Bồ Đề, người con trai hoặc người con gái dòng họ cao quý đối với Kinh hình thức như vậy này sẽ chấp nhận và thọ trì, đọc tụng, như thuyết thực hành, như lý tác ý, chỉ bày và giảng giải rộng rãi cho người khác. Nhưng nếu người này bị chê bai, bị mỉa mai, bị dè bĩu. Vì sao vậy? Này Tu Bồ Đề, bởi vì đời trước những chúng sanh này đã tạo ra những nghiệp bất tịnh mà lẽ ra phải rơi vào đường ác, nhưng

**trong hiện tại bị chê bai, bị
mỉa mai, bị dè bủ, thì như
vậy tiêu trừ được nghiệp bất
tịnh đời trước và sẽ đạt được
sự giác ngộ của Phật.**

**Này Tu Bồ Đề, Ta biết rõ trong
thời quá khứ vô lượng a tăng
kỳ kiếp ở trước thời Đức
Nhiên Đăng Như Lai A La Hán
Chánh Đăng Chánh Giác, Ta
đã từng thân cận phụng hiến
tám trăm bốn ngàn vạn ức na
do tha Đức Phật. Này Tu Bồ
Đề, Ta thân cận phụng hiến
chư Phật Thế Tôn này mà
không bỏ sót vị nào. Trong**

thời tương lai, đời vị lai, trong năm trăm năm cuối, trong khoảng thời gian cuối thời chánh pháp hoại diệt có người chấp nhận Kinh này, thọ trì, đọc tụng, như thuyết thực hành, chỉ bày và giảng giải rộng rãi cho người khác. Nay Tu Bồ Đề, tụ công đức của người này so sánh với tụ công đức trước của Ta thì trăm phần hơn, ngàn phần hơn, ức phần hơn, trăm ức phần hơn, ngàn ức phần hơn, ức na do tha phần hơn cho đến không thể hình dung bằng con số,

không thể ví dụ, không thể tính, không thể có cái tương tự, không thể so sánh, không thể có gì giống như vậy.

Này Tu Bồ Đề, lại nữa nếu Ta nói tụ công đức của những người con trai hoặc những người con gái dòng dõi cao quý này rằng, trong đời này, những người con trai hoặc những người con gái dòng họ cao quý đó tạo ra và nhận được bao nhiêu tụ công đức, thì chúng sanh sẽ hoài nghi không tin hoặc có thể dẫn đến cuồng loạn tâm trí.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề, Như Lai thuyết pháp phương tiện này thì không thể nghĩ bàn không thể so sánh. Cũng vậy nên biết quả dị thực không thể nghĩ bàn.

17

Rồi lúc bấy giờ, Tôn Giả Tu Bồ Đề bạch với Thế Tôn rằng: Bạch Thế Tôn, nên trụ với sự an trụ Bồ Tát thừa như thế nào? Nên phát tâm như thế nào? Nên hàng phục tâm như thế nào?

Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ Đề, ở đây đối với sự an trụ Bồ Tát thừa nên phát tâm như vậy: Ta phải làm cho tất cả chúng sanh vào Niết bàn trong cảnh giới Niết bàn vô dư y. Như vậy, những chúng sanh đã vào Niết bàn, nhưng không có chúng sanh nào vào Niết bàn. Vì sao vậy? Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát Ma Ha Tát khởi lên tưởng chúng sanh, thì vị ấy không gọi là Bồ Tát. Hoặc khởi lên tưởng thọ mạng cho đến khởi lên tưởng con người, thì vị ấy không gọi

là Bồ Tát. Vì sao vậy? Nay Tu Bồ Đề, không có pháp nào mà pháp đó có tên gọi là an trụ Bồ Tát thừa.

Nay Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Có Pháp nào mà Pháp đó Như Lai chứng đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác trong thời của Nhiên Đăng Như Lai không? Được nghe nói như vậy Tôn giả Tu Bồ Đề bạch với Thế Tôn rằng: Như con hiểu ý nghĩa lời nói của Thế Tôn, bạch Thế Tôn, không có Pháp nào mà Pháp đó Như Lai chứng đắc Vô

**thượng chánh đẳng chánh
giác trong thời của Nhiên
Đăng Như Lai A La Hán Chánh
Đẳng Chánh Giác. Được nghe
bạch như vậy, Thế Tôn nói
với Tôn giả Tu Bồ Đề rằng:
Này Tu Bồ Đề, đúng như vậy,
đúng như vậy. Không có Pháp
nào mà Pháp đó Như Lai
chứng đắc Vô thượng chánh
đẳng chánh giác trong thời
của Nhiên Đăng Như Lai A La
Hán Chánh Đẳng Chánh Giác.
Này Tu Bồ Đề, nếu có Pháp
nào mà Pháp đó Như Lai sở
hữu là Chánh giác, thì Nhiên**

Đấng Như Lai không thọ ký cho Ta rằng: Trong thời tương lai, khi còn trẻ ông sẽ là Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Nay Tu Bồ Đề, Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác chứng đắc không có Pháp nào mà Pháp đó là Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Do vậy, Nhiên Đăng Như Lai thọ ký cho Ta rằng: Trong thời tương lai, khi còn trẻ ông sẽ là Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác hiệu là Thích Ca Mâu Ni.

Vì sao vậy? Này Tu Bồ Đề, Như Lai là danh xưng của như thật. Này Tu Bồ Đề, Như Lai là danh xưng của các Pháp vô sanh. Này Tu Bồ Đề, Như Lai là danh xưng của sự đoạn diệt các Pháp. Này Tu Bồ Đề, Như Lai là danh xưng của tất cánh bất sanh. Vì sao vậy? Vì rằng, này Tu Bồ Đề, cái vô sanh là sự thành tựu tối thượng.

Này Tu Bồ Đề, nếu người nào nói như vậy: Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác chứng đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì người đó

nói lời xa lìa sự thật. Này Tu Bồ Đề, người này đã phỉ báng Ta bằng sự chấp trước điều sai lầm. Vì sao vậy? Này Tu Bồ Đề, Như Lai chứng đắc không có Pháp nào mà Pháp đó là Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Này Tu Bồ Đề, Như Lai chứng đắc hoặc thuyết giảng Pháp nào thì Pháp đó không thật cũng không hư dối. Do vậy, Như Lai nói tất cả Pháp là Phật Pháp. Vì sao vậy? Này Tu Bồ Đề, Như Lai nói tất cả Pháp không là Pháp. Do vậy được gọi tất cả Pháp là Phật Pháp.

Này Tu Bồ Đề, ví như một người nam có thân hoàn bị là thân lớn. Tôn giả Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, Như Lai nói người nam này có thân hoàn bị là thân lớn, bạch Thế Tôn, Như Lai nói không là thân. Do vậy được gọi thân hoàn bị là thân lớn.

Đức Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ Đề, đúng như vậy. Nếu Bồ Tát nói như vậy: Ta sẽ độ chúng sanh vào Niết bàn, thì không được gọi là Bồ Tát. Vì sao vậy? Này Tu Bồ Đề, có Pháp nào mà Pháp đó tên là

Bồ Tát không? Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, không có. Không có pháp nào mà pháp đó tên là Bồ Tát. Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ Đề, chúng sanh là chúng sanh, Như Lai nói không là chúng sanh. Do vậy gọi là chúng sanh. Vì vậy, Như Lai nói tất cả Pháp không là ngã, không là chúng sanh, không là thọ mạng, không là con người. Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát nói như vậy: Ta sẽ thành tựu sự trang nghiêm quốc độ, thì người ấy nói xa lìa sự thật. Vì có sao? Này Tu

**Bồ Đề, trang nghiêm quốc độ
là trang nghiêm quốc độ, Như
Lai nói không là trang
nghiêm. Do vậy được gọi là
trang nghiêm quốc độ.**

**Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát nào tín
giải Pháp vô ngã là Pháp vô
ngã, thì Như Lai A La Hán
Chánh Đẳng Chánh Giác gọi vị
ấy là Bồ Tát Ma Ha Tát.**

18

**Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ
Đề, ông nghĩ như thế nào?
Như Lai có mắt không? Tu Bồ
Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn,**

có như vậy. Như Lai có mắt. Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ Đề, Như Lai có mắt trời không? Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, có như vậy. Như Lai có mắt trời. Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ Đề, Như Lai có mắt tuệ không? Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, có như vậy. Như Lai có mắt tuệ. Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ Đề, Như Lai có mắt Pháp không? Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, có như vậy. Như Lai có mắt Pháp. Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ Đề, Như

Lai có mắt Phật không? Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, có như vậy. Như Lai có mắt Phật.

Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Có bao nhiêu cát của sông Hằng là con sông lớn, Như Lai có nói đó là cát không? Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, đúng như vậy, Bạch Thiện Thệ, đúng như vậy. Như Lai nói là cát. Đức Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Thí như có bao cát của sông Hằng là con sông

**lớn thì có bấy nhiêu sông
Hằng như vậy. Và có bao
nhiều cát của hằng hà sa sông
Hằng thì có bấy nhiêu thế giới
hệ. Vậy những thế giới hệ này
có nhiều không? Tu Bồ Đề
bạch rằng: Bạch Thế Tôn,
đúng như vậy. Bạch Thiện
Thệ, đúng như vậy. Thật là
nhiều những thế giới hệ này.
Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ
Đề, có bao nhiêu chúng sanh
ở trong bấy nhiêu thế giới hệ
này, Như Lai biết nhiều loại
tâm khác nhau của những
chúng sanh này. Vì sao vậy?**

**Này Tu Bồ Đề, tâm là tâm,
Như Lai nói không là tâm. Do
vậy được gọi là tâm. Vì sao
vậy? Tâm quá khứ không thể
đạt được, tâm tương lai
không thể đạt được, tâm hiện
tại không thể đạt được.**

19

**Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như
thế nào? Có người con trai
hoặc người con gái dòng họ
cao quý sau khi làm đầy bảy
loại châu báu trong cõi Tam
thiên đại thiên thế giới hệ, rồi
đem cúng dường cho Như Lai
A La Hán Chánh Đẳng Chánh**

Giác, thì người con trai hoặc người con gái dòng họ cao quý này nhờ duyên này có đạt được nhiều tụ công đức không? Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, nhiều. Bạch Thiện Thệ, nhiều. Thế Tôn nói rằng : Này Tu Bồ Đề, đúng như vậy, đúng như vậy. Người con trai hoặc người con gái dòng họ cao quý này nhờ duyên này đạt được nhiều công đức tụ không thể suy lường không thể tính bằng con số. Vì sao vậy? Tụ công đức là tụ công đức, Như Lai

**nói đó không là tỵ. Do vậy
được gọi là tỵ công đức. Nay
Tu Bồ Đề, nếu có tỵ công đức,
thì Như Lai không nói là tỵ
công đức là tỵ công đức.**

20

**Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như
thế nào? Như Lai có được
nhìn thấy qua sắc thân cụ túc
không? Tu Bồ Đề bạch rằng:
Bạch Thế Tôn, thật sự là
không. Như Lai không được
nhìn thấy qua sắc thân cụ túc.
Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, sắc
thân cụ túc là sắc thân cụ túc,
Như Lai nói đó không là sắc**

thân cụ túc. Do vậy được gọi là sắc thân cụ túc. Thế Tôn nói rằng: Nay Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Như Lai có nhìn thấy được qua tướng cụ túc không? Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, thật sự là không. Như Lai không nhìn thấy được qua tướng cụ túc. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, Như Lai nói cái nào là tướng cụ túc, thì cái đó Như Lai nói không là tướng cụ túc. Do vậy được gọi là tướng cụ túc.

21

Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Như Lai có khởi lên như vậy: Ta thuyết pháp. Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, thật sự không. Như Lai không có khởi lên như vậy: Ta thuyết Pháp. Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ Đề, người nào nói như vậy: Như Lai thuyết Pháp. Này Tu Bồ Đề, vì do không hiểu mà người ấy nói không đúng sự thật, chính là báng bổ Ta. Vì sao vậy? Này Tu Bồ Đề, thuyết Pháp là thuyết Pháp,

này Tu Bồ Đề, không có Pháp nào mà Pháp đó có tên là thuyết Pháp.

Được nghe như vậy, tôn giả Tu Bồ Đề bạch Thế Tôn rằng: Bạch Thế Tôn, có chúng sanh nào trong thời tương lai, trong thời kỳ cuối, năm trăm năm trong khoảng thời gian cuối, thời kỳ chánh Pháp hoại diệt khi nghe kinh này sẽ khởi tín tâm không? Thế Tôn nói rằng: Nay Tu Bồ Đề, không có chúng sanh tức không không là chúng sanh. Vì sao vậy? Nay Tu Bồ Đề, chúng

**sanh là chúng sanh, này Tu Bồ
Đề, Như Lai nói tất cả chúng
sanh không là chúng sanh. Do
vậy được gọi là chúng sanh.**

22

**Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như
thế nào? Lại nữa có Pháp nào
mà Pháp đó Như Lai chứng
ngộ Vô thượng chánh đẳng
chánh giác không? Tôn giả Tu
Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế
Tôn, thật sự là không. Không
có Pháp nào mà Pháp đó Như
Lai chứng ngộ Vô thượng
chánh đẳng chánh giác. Thế
Tôn nói rằng: Này Tu Bồ Đề,**

đúng như vậy, đúng như vậy. Ở đây, Pháp thì không có liễu ngộ, không có chứng đắc. Do vậy được gọi là Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

23

Này Tu Bồ Đề, lại nữa Pháp này thì đồng nhất không có dị biệt. Do vậy được gọi là Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đối với tất cả thiện pháp bình đẳng không ngã, không chúng sanh, không thọ mạng, không con người, thì sẽ chứng ngộ Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì sao vậy?

Này Tu Bồ Đề, thiện Pháp là thiện Pháp chính vì vậy Như Lai nói không là Pháp. Do vậy được gọi là thiện Pháp.

24

Này Tu Bồ Đề, có bao nhiêu Tu di là những vua của các núi trong cõi Tam thiên đại thiên thế giới hệ, nếu có người nữ hay người nam sau khi làm đầy bằng bảy loại châu báu rồi đem cúng dường cho các Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác. Lại nếu có người con trai hoặc người con gái dòng họ cao quý

chấp nhận và thọ trì chỉ có bốn câu kệ trong Pháp phương tiện Bát Nhã Ba La Mật, rồi giảng giải cho người khác. Nay Tu Bồ Đề, tỳ công đức của người này và tỳ công đức của người trước, thì trăm phần không được một phần, trăm ngàn vạn ức phần không được một phần, cho đến toán số không thể diễn tả cũng không thể so sánh được.

25

Nay Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Cũng vậy, đối với Như Lai có khởi lên như vậy:

Ta độ thoát cho chúng sanh. Lại nữa, này Tu Bồ Đề, không nên có ý niệm như vậy. Vì sao vậy? Này Tu Bồ Đề, Không có chúng sanh nào mà chúng sanh đó được Như Lai độ thoát. Này Tu Bồ Đề, lại nữa nếu có chúng sanh nào mà chúng sanh đó được Như Lai độ thoát, thì như vậy Như Lai chấp ngã, chấp chúng sanh, chấp thọ mạng, chấp con người. Này Tu Bồ Đề, chấp ngã Như Lai nói đó không là chấp. Người phàm ngu thì tham chấp. Này Tu Bồ Đề,

người phạm ngu như vậy Như Lai nói không là người. Do vậy được gọi là người phạm ngu.

26

Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Như Lai nên được nhìn thấy qua tướng cụ túc không? Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, thật sự là không. Như con hiểu ý nghĩa lời nói của Thế Tôn, Như Lai không nên được nhìn thấy qua tướng cụ túc. Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ Đề, lành thay, lành thay. Này Tu Bồ Đề, đúng

như vậy, đúng như vậy. Như ông nói rằng Như Lai không nên được nhìn thấy qua tướng cụ túc. Vì sao vậy? Này Tu Bồ Đề, lại nữa nếu Như Lai có được nhìn thấy qua tướng cụ túc, thì Chuyển Luân Vương cũng là Như lai. Do vậy, Như Lai không nên được nhìn thấy qua tướng cụ túc. Tôn giả Tu Bồ Đề bạch với Thế Tôn rằng: Như vậy con hiểu ý nghĩa lời nói của Thế Tôn là Như Lai không nên được nhìn thấy qua tướng cụ túc.

**Rồi khi ấy, Thế Tôn nói lên
bài kệ này:**

Ai thấy Ta qua sắc

Ai theo Ta qua thanh

Khởi lên con đường tà

Người ấy không thấy Ta

Từ Pháp phải thấy Phật

Pháp Thân chính Đạo Sư

Pháp Tánh không tỏ rõ

Không liễu tri diệu dụng.

27

**Này Tu Bồ Đề, ý của ông nghĩ
như thế nào? Như Lai có**

**chứng ngộ Vô thượng chánh
đẳng chánh giác nhờ tướng
cụ túc không? Lại nữa, này Tu
Bồ Đề, không nên nhìn thấy
như vậy. Bởi vì sao? Này Tu
Bồ Đề, Như Lai không có
chứng ngộ Vô thượng chánh
đẳng chánh giác nhờ tướng
cụ túc. Này Tu Bồ Đề, không
có người nào khởi lên như
vậy: Người phát tâm Bồ Tát
thừa, thì khởi lên ý niệm có
sự đoạn diệt của bất kỳ Pháp
nào. Này Tu Bồ Đề, người ấy
không nên thấy như vậy. Vì
sao vậy? Người phát tâm Bồ**

Tát thừa, thì không khởi lên ý niệm có sự đoạn diệt của các Pháp.

28

Lại nữa, này Tu Bồ Đề, nếu có người con trai hoặc người con gái dòng họ cao quý sau khi làm đầy bảy loại châu báu trong những thế giới nhiều như cát trong sông Hằng rồi đem cúng dường cho các Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác. Lại nữa, nếu có Bồ Tát đối với các Pháp vô ngã, vô sanh mà thành tựu hạnh nhẫn, thì như vậy do

duyên này có tụ công đức không thể nghĩ bàn, không thể tính bằng con số nhiều hơn người trước. Nay Tu Bồ Đề, lại nữa Bồ Tát Ma Ha Tát không nên thọ nhận tụ công đức. Tôn giả Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, thế nào là Bồ Tát không nên thọ nhận tụ công đức? Thế Tôn nói rằng: Nay Tu Bồ Đề, nên thọ nhận là không nên thọ nhận. Do vậy được gọi là nên thọ nhận.

29

Này Tu Bồ Đề, lại nữa người nào nói như vậy: Như Lai hoặc có đi hoặc có đến hoặc có đứng hoặc có ngồi hoặc có nằm. Này Tu Bồ Đề, người này không hiểu ý nghĩa lời nói của Ta. Vì sao vậy? Này Tu Bồ Đề, Như Lai được nói là không có nơi đâu để đi, không chỗ nào để đến. Do vậy được gọi là Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác.

30

Lại nữa, này Tu Bồ Đề, có bao nhiêu vi trần trong cõi Tam thiên đại thiên thế giới hệ, thì có bấy nhiêu đống như cõi thế giới hệ đó được người con trai hoặc người con gái dòng họ cao quý làm thành với sự tinh tấn không thể nghĩ bàn. Như vậy gọi là tập hợp bụi. Này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Tập hợp bụi có nhiều không? Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, đúng như vậy. Bạch Thiện Thệ, đúng như vậy. Tập hợp bụi có

nhieu. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, nếu tập hợp bụi có nhiều, bạch Thế Tôn, thì không nói là tập hợp bụi. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, Như Lai nói tập hợp bụi, Như Lai nói không là tập hợp. Do vậy được gọi là tập hợp bụi. Như Lai nói cõi Tam thiên đại thiên thế giới hệ, Như Lai nói đó không là cõi. Do vậy được gọi là cõi Tam thiên đại thiên thế giới hệ. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, nếu có cõi thế giới hệ, thì như vậy có hợp tướng. Cái đó Như Lai nói là hợp

tướng, Như Lai nói không là hợp tướng. Do vậy được gọi là hợp tướng. Thế Tôn nói rằng: Nay Tu Bồ Đề, hợp tướng thì không thể nói bằng lời, không diễn tả bằng ngôn ngữ. Đó là Pháp không không là Pháp, chỉ vì người phàm ngu chấp vào cái đó.

31

Vì sao vậy? Nay Tu Bồ Đề, nếu có người nào nói như vậy: Như Lai nói có ngã kiến, Như Lai nói có chúng sanh kiến, thọ mạng kiến, nhân kiến. Nay Tu Bồ Đề, người này có

nói lời chân thật không? Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thiện Thệ, không. Người này không nói lời chân thật. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, Như Lai nói ngã kiến, thì Như Lai nói không là kiến. Do vậy được gọi là ngã kiến.

Thế Tôn nói rằng: Này Tu Bồ Đề, như vậy người phát tâm Bồ Tát thừa, phải biết, phải thấy, phải hiểu tất cả Pháp. Như vậy phải biết, phải thấy, phải hiểu. Như vậy không trụ Pháp tướng cũng không trụ

**phi Pháp tướng. Vì sao vậy?
Này Tu Bồ Đề, Pháp tướng là
Pháp tướng, Như lai nói
không là Pháp tướng. Do vậy
được gọi là Pháp tướng.**

32

**Này Tu Bồ Đề, lại nữa có Bồ
Tát Ma Ha Tát sau khi lấy bảy
loại châu báu làm đầy thế giới
hệ không thể tính bằng số,
không thể nghĩ lường, rồi
cúng dường cho Như Lai A La
Hán Chánh Đẳng Chánh Giác.
Lại nữa có người con trai
hoặc con gái dòng họ cao quý
chấp nhận và thọ trì chỉ bốn**

**câu kệ ở trong Pháp phương
tiện Bát nhã ba la mật này, rồi
đem chỉ bày, giảng nói, giải
thích đầy đủ cho kẻ khác, thì
nhờ duyên như vậy người
này có tụ công đức không thể
đo lường cũng không thể tính
bằng con số nhiều hơn.**

**Và thế nào là mở bày chỉ cho
thấy? Như vậy không là mở
bày chỉ cho thấy. Do vậy được
gọi là mở bày chỉ cho thấy:**

Như tinh tú,

nhậm mắt, ngọn đèn

**Như huyễn hóa,
sương rơi, bọt nước
Như giấc mơ,
chớp sáng, áng mây
Pháp hữu vi
như vậy hãy quán.**

**Thế Tôn thuyết kinh này
xong. Tự thân Trưởng Lão Tu
Bồ Đề, chúng Tỳ kheo, Tỳ
kheo ni, Ưu bà tắc và Ưu bà
di, chúng Bồ Tát, chư Thiên,
loài Người, A tu la, Càn thát**

**bà trong thế gian hoan hỷ tín
thọ lời dạy của Thế Tôn.**

***Kinh Bậc Thánh Kim Cang Sắc
Bén Bát Nhã Ba La Mật đã hết.***

*Bí Số Thích Như Minh
Trú Trì Chùa Việt Nam
Los Angeles, Hoa Kỳ
dịch từ nguyên bản Phạn ngữ
xong Ngày 01 tháng 01 năm 2015*

वज्रच्छेदिका नाम त्रिशतिका प्रज्ञापारमिता सूत्रम्।।

॥नमो भगवत्या आर्यप्रज्ञापारमितायै॥

एवं मया श्रुतम्। एकस्मिन् समये भगवान् श्रावस्त्यां
विहरति स्म जेतवनेऽनाथपिण्डदस्यारामे महता
भिक्षुसंघेन सार्थं त्रयोदशभिर्भिक्षुशतैः संबहुलैश्च
बोधिसत्त्वैर्महासत्त्वैः। अथ खलु भगवान्
पूर्वाहणकालसमये निवास्य पात्रचीवरमादाय श्रावस्तीं
महानगरीं पिण्डाय प्राविक्षत्। अथ खलु भगवान्
श्रावस्तीं महानगरीं पिण्डाय चरित्वा कृतभक्तकृत्यः
पश्चाद्भक्तपिण्डपातप्रतिक्रान्तः पात्रचीवरं प्रतिशाम्य
पादौ प्रक्षाल्य न्यषीदत्प्रज्ञप्त एवासने
पर्यङ्कमाभुज्य ऋजुं कायं प्रणिधाय प्रतिमुखीं
स्मृतिमुपस्थाप्य। अथ खलु संबहुला भिक्षवो येन
भगवांस्तेनोपसंक्रामन्। उपसंक्रम्य भगवतः पादौ

शिरोभिरभिवन्द्य भगवन्तं त्रिष्प्रदक्षिणीकृत्य
एकान्ते न्यषीदन् ॥ १ ॥

तेन खलु पुनः समयेनायुष्मान् सुभुतिस्तस्यामेव
पर्षदि संनिपतितोऽभूत्संनिषण्णः। अथ खल्वायुष्मान्
सुभूतिरुत्थायासनादेकांसमुत्तरासङ्गं कृत्वा दक्षिणं
जानुमण्डलं पृथिव्यां प्रतिष्ठाप्य येन
भगवांस्तेनाञ्जलिं प्रणम्य भगवन्तमेतदवोचत्-
आश्चर्यं भगवन्, परमाश्चर्यं सुगत, यावदेव
तथागतेनार्हता सम्यक्संबुद्धेन बोधिसत्त्वा
महासत्त्वा अनुपरिगृहीताः परमेणानुग्रहेण। आश्चर्यं
भगवन् यावदेव तथागतेनार्हता सम्यक्संबुद्धेन
बोधिसत्त्वा महासत्त्वाः परीन्दिताः परमया
परीन्दनया। तत्कथं भगवन् बोधिसत्त्वयान-
संप्रस्थितेन कुलपुत्रेण वा कुलदुहित्रा वा स्थातव्यं कथं
प्रतिपत्तव्यं कथं चित्तं प्रग्रहीतव्यम् ?

एवमुक्ते भगवानायुष्मन्तं सुभूतिमेतदवोचत्- साधु
साधु सुभूते, एवमेतत्सुभूते, एवमेतद्यथा वदसि।
अनुपरिगृहीतास्तथागतेन बोधिसत्त्वा महासत्त्वाः
परमेणानुग्रहेण। परीन्दितास्तथागतेन बोधिसत्त्वा
महासत्त्वाः परमया परीन्दनया। तेन हि सुभूते शृणु,
साधु च सुष्ठु च मनसि कुरु, भाषिष्येऽहं ते-यथा
बोधिसत्त्वयानसंप्रस्थितेन स्थातव्यं यथा
प्रतिपत्तव्यं यथा चित्तं प्रग्रहीतव्यम्। एवं भगवन्
इत्यायुष्यान् सुभूतिर्भगवतः प्रत्यश्रौषीत्॥२॥

भगवानस्यैतदवोचत्-इह सुभूते बोधिसत्त्वयान-
संप्रस्थितेनैव चित्तमुत्पादयितव्यम्-यावन्तः सुभूते
सत्त्वाः सत्त्वधातौ सत्त्वसंग्रहेण संगृहीता अण्डजा
वा जरायुजा वा संस्वेदजा वा औपपादुका वा रूपिणो
वा अरूपिणो वा संज्ञिनो वा असंज्ञिनो वा नैवसंज्ञिनो
नासंज्ञिनो वा, यावान् कश्चित्सत्त्वधातुः प्रज्ञप्यमानः
प्रज्ञप्यते, ते च मया सर्वेऽनुपधिशेषे निर्वाणधातौ

परिनिर्वापयितव्याः। एवमपरिमाणानपि सत्त्वान्
 परिनिर्वाप्य न कश्चित्सत्त्वः परिनिर्वापितो भवति।
 तत्कस्य हेतोः ? सचेत्सुभूते बोधिसत्त्वस्य
 सत्त्वसंज्ञा प्रवर्तेत, न स बोधिसत्त्व इति वक्तव्यः।
 तत्कस्य हेतोः ? न स सुभूते बोधिसत्त्वो वक्तव्यो
 यस्य सत्त्वसंज्ञा प्रवर्तेत, जीवसंज्ञा वा पुद्गलसंज्ञा वा
 प्रवर्तेत ॥३॥

अपि तु खलु पुनः सुभूते न बोधिसत्त्वेन
 वस्तुप्रतिष्ठितेन दानं दातव्यम्, न
 क्वचित्प्रतिष्ठितेन दानं दातव्यम्। न रूपप्रतिष्ठितेन
 दानं दातव्यम्। न शब्दगन्धरसस्पर्शव्यधर्मेषु
 प्रतिष्ठितेन दानं दातव्यम्। एवं हि सुभूते
 बोधिसत्त्वेन महासत्त्वेन दानं दातव्यं यथा न
 निमित्तसंज्ञायामपि प्रतितिष्ठेत्। तत्कस्य हेतोः ?
 यः सुभूते बोधिसत्त्वोऽप्रतिष्ठितो दानं ददाति, तस्य
 सुभूते पुण्यस्कन्धस्य न सुकरं प्रमाणामुद्ग्रहीतुम्।

तत्किं मन्यसे सुभूते सुकरं पूर्वस्यां दिशि आकाशस्य
 प्रमाणमुद्ग्रहीतुम् ? सुभूतिराह-नो हीदं भगवन्।
 भगवानाह- एवं दक्षिणपश्चिमोत्तरासु अध ऊर्ध्वं
 दिग्विदिक्षु समन्ताद्दशसु दिक्षु सुकरमाकाशस्य
 प्रमाणमुद्ग्रहीतुम् ? सुभूतिराह-नो हीदं भगवन्।
 भगवानाह-एवमेव सुभूते यो बोधिसत्त्वोऽप्रतिष्ठितो
 दानं ददाति, तस्य सुभूते पुण्यस्कन्धस्य न सुकरं
 प्रमाणमुद्ग्रहीतुम्। एवं हि सुभूते बोधिसत्त्वयान-
 संप्रस्थितेन दानं दातव्यं यथा न निमित्तसंज्ञायामपि
 प्रतितिष्ठेत्॥४॥

तत्किं मन्यसे सुभूते लक्षणसंपदा तथागतो द्रष्टव्यः
 ? सुभूतिराह-नो हीदं भगवन्। न लक्षणसंपदा
 तथागतो द्रष्टव्यः। तत्कस्य हेतोः ? या सा भगवन्
 लक्षणसंपत्तथागतेन भाषिता सैवालक्षणसंपत्।
 एवमुक्ते भगवानायुष्मन्तं सुभूतिमेतदवोचत्
 यावत्सुभूते लक्षणसंपत् तावन्मृषा, यावदलक्षणसंपत्

तावन्न मृषेति हि लक्षणालक्षणतस्तथागतो
द्रष्टव्यः॥५॥

एवमुक्ते आयुष्मान् सुभूतिर्भगवन्तमेतदवोचत्-
अस्ति भगवन्। केचित्सत्त्वा भविष्यन्त्यनागते-
ऽध्वनि पश्चिमे काले पश्चिमे समये पश्चिमायां
पञ्चशत्यां सद्धर्मविप्रलोपकाले वर्तमाने, ये
इमेष्वेवंरूपेषु सूत्रान्तपदेषु भाष्यमाणेषु
भूतसंज्ञामुत्पादयिष्यन्ति। अपि तु खलु पुनः सुभूते
भविष्यन्त्यनागतेऽध्वनि बोधिसत्त्वा महासत्त्वाः
पश्चिमे काले पश्चिमे समये पश्चिमायां पञ्चशत्यां
सद्धर्मविप्रलोपे वर्तमाने गुणवन्तः शीलवन्तः
प्रज्ञावन्तश्च भविष्यन्ति, ये इमेष्वेवंरूपेषु
सूत्रान्तपदेषु भाष्यमाणेषु भूतसंज्ञामुत्पादयिष्यन्ति।
न खलु पुनस्ते सुभूते बोधिसत्त्वा महासत्त्वा
एकबुद्धपर्युपासिता भविष्यन्ति, नैकबुद्धावरो-
पितकुशलमूला भविष्यन्ति। अपि तु खलु पुनः सुभूते

अनेकबुद्धशतसहस्रपर्युपासिता अनेकबुद्धशतसह-
 स्रावरोपितकुशलमूलास्ते बोधिसत्त्वा महासत्त्वा
 भविष्यन्ति, ये इमेष्वेवंरूपेषु सूत्रान्तपदेषु
 भाष्यमाणेषु एकचित्तप्रसादमपि प्रतिलप्स्यन्ते।
 ज्ञातास्ते सुभूते तथागतेन बुद्धज्ञानेन, दृष्टास्ते सुभूते
 तथागतेन बुद्धचक्षुषा, बुद्धास्ते सुभूते तथागतेन। सर्वे
 ते सुभूते अप्रमेयमसंख्येयं पुण्यस्कन्धं प्रसविष्यन्ति
 प्रतिग्रहीष्यन्ति। तत्कस्य हेतोः ? न हि सुभूते तेषां
 बोधिसत्त्वानां महासत्त्वानामात्मसंज्ञा प्रवर्तते, न
 सत्त्वसंज्ञा, न जीवसंज्ञा, न पुद्गलसंज्ञा प्रवर्तते।
 नापि तेषां सुभूते बोधिसत्त्वानां महासत्त्वानां
 धर्मसंज्ञा प्रवर्तते। एवं नाधर्मसंज्ञा। नापि तेषां सुभूते
 संज्ञा नासंज्ञा प्रवर्तते। तत्कस्य हेतोः ? सचेत्सुभूते
 तेषां बोधिसत्त्वानां महासत्त्वानां धर्मसंज्ञा प्रवर्तते,
 स एव तेषामात्मग्राहो भवेत्, सत्त्वग्राहो जीवग्राहः
 पुद्गलग्राहो भवेत्। सचेदधर्मसंज्ञा प्रवर्तते, स एव

तेषामात्मग्राहो भवेत्, सत्त्वग्राहो जीवग्राहः
पुद्गलग्राह इति। तत्कस्य हेतोः ? न खलु पुनः सुभूते
बोधिसत्त्वेन महासत्त्वेन धर्म उद्ग्रहीतव्यो नाधर्मः।
तस्मादियं तथागतेन संधाय वाग्भाषिता-कोलोपमं
धर्मपर्यायमाजानद्धिधर्मा एव प्रहातव्याः प्रागेवाधर्मा
इति॥६॥

पुनरपरं भगवानायुष्मन्तं सुभूतिमेतदवोचत्- तत्किं
मन्यसे सुभूते, अस्ति स कश्चिद्धर्मो
यस्तथागतेनानुत्तरा सम्यक्संबोधिरित्यभिसंबुद्धः,
कश्चिद्वा धर्मस्तथागतेन देशितः ? एवमुक्ते
आयुष्मान् सुभूतिर्भगवन्तमेतदवोचत्-यथाहं भगवन्
भगवतो भाषितस्यार्थमाजानामि, नास्ति स
कश्चिद्धर्मो यस्तथागतेन अनुत्तरा
सम्यक्संबोधिरित्यभिसंबुद्धः, नास्ति धर्मो
यस्तथागतेन देशितः। तत्कस्य हेतोः ? योऽसौ
तथागतेन धर्मोऽभिसंबुद्धो देशितो वा, अग्राहयः

सोऽनभिलप्यः। न स धर्मो नाधर्मः। तत्कस्य हेतोः ?

असंस्कृतप्रभाविता ह्यार्यपुद्गलाः ॥७॥

भगवानाह- तत्किं मन्यसे सुभूते यः कश्चित्कुलपुत्रो
वा कुलदुहिता वा इमं त्रिसाहस्रमहासाहस्रं लोकधातुं
सप्तरत्नपरिपूर्णं कृत्वा तथागतेभ्योऽर्हद्भ्यः
सम्यक्संबुद्धेभ्यो दानं दद्यात्, अपि नु स कुलपुत्रो वा
कुलदुहिता वा ततोनिदानं बहु पुण्यस्कन्धं प्रसनुयात्।
सुभूतिराह-बहु भगवन्, बहु सुगत स कुलपुत्रो वा
कुलदुहिता वा ततोनिदानं पुण्यस्कन्धं प्रसनुयात्।
तत्कस्य हेतोः ? योऽसौ भगवन्
पुण्यस्कन्धस्तथागतेन भाषितः, अस्कन्धः स
तथागतेन भाषितः। तस्मात्तथागतो भाषते-
पुण्यस्कन्धः पुण्यस्कन्ध इति। भगवानाह-यश्च खलु
पुनः सुभूते कुलपुत्रो वा कुलदुहिता वा इमं
त्रिसाहस्रमहासाहस्रं लोकधातुं सप्तरत्नपरिपूर्णं कृत्वा
तथागतेभ्योऽर्हद्भ्यः सम्यक्संबुद्धेभ्यो दानं दद्यात्,

यश्च इतो धर्मपर्यायादन्तश्चतुष्पादिकामपि
गाथामुद्गृह्य परेभ्यो विस्तरेण देशयेत् संप्रकाशयेत्,
अयमेव ततोनिदानं बहुतरं पुण्यस्कन्धं
प्रसुन्यादप्रमेयसंख्येयम्। तत्कस्य हेतोः ?
अतोनिर्जाता हि सुभूते तथागतानामर्हतां
सम्यक्संबुद्धानामनुत्तरा सम्यक्संबोधिः, अतो-
निर्जाताश्च बुद्धा भगवन्तः। तत्कस्य हेतोः ? बुद्धधर्मा
बुद्धधर्मा इति सुभूते अबुद्धधर्माश्चैव ते तथागतेन
भाषिताः। तेनोच्यन्ते बुद्धधर्मा इति ॥८॥

तत्किं मन्यसे सुभूते अपि नु स्रोतआपन्नस्यैवं
भवति-मया स्रोतआपत्तिफलं प्राप्तमिति?
सुभूतिराह-नो हीदं भगवन्। न स्रोतआपन्नस्यैवं
भवति-मया स्रोतआपत्तिफलं प्राप्तमिति। तत्कस्य
हेतोः ? न हि स भगवन् कंचिद्धर्ममापन्नः, तेनोच्यते
स्रोतआपन्न इति। न रूपमापन्नो न शब्दान् न
गन्धान् न रसान् न स्पृष्टव्यान् धर्मानापन्नः।

तेनोच्यते स्रोतआपन्न इति। सचेद्भगवन्
स्रोतआपन्नस्यैवं भवेत्- मया स्रोतआपत्तिफलं
प्राप्तमिति, स एव तस्यात्मग्राहो भवेत्, सत्त्वग्राहो
जीवग्राहः पुद्गलग्राहो भवेदिति॥

भगवानाह- तर्हि मन्यसे सुभूते अपि नु सकृदागामिन
एवं भवति-मया सकृदागामिफलं प्राप्तमिति ?
सुभूतिराह-नो हीदं भगवन्। स सकृदागामिन एवं
भवति-मया सकृदागामिफलं प्राप्तमिति। तत्कस्य
हेतोः ? न हि स कश्चिद्धर्मो यः
सकृदागामित्वमापन्नः। तेनोच्यते सकृदागामीति॥

भगवानाह-तत्किं मन्यसे सुभूते अपि नु अनागामिन
एवं भवति-मयानागामिफलं प्राप्तमिति ? सुभूतिराह-
नो हीदं भगवन्। न अनागामिन एवं भवति-मया
अनागामिफलं प्राप्तमिति। तत्कस्य हेतोः ? न हि स
भगवन् कश्चिद्धर्मो योऽनागामित्वमापन्नः।
तेनोच्यते अनागामीति॥

भगवानाह- तत्किं मन्यसे सुभूते अपि नु अर्हत एवं भवति-मया अर्हत्त्वं प्राप्तमिति ? सुभूतिराह-नो हीदं भगवन्। नार्हत एवं भवति-मया अर्हत्त्वं प्राप्तमिति। तत्कस्य हेतोः ? न हि स भगवन् कश्चिद्धर्मो योऽर्हन्नाम। तेनोच्यते-अर्हन्निति। सचेद्भगवन् अर्हत एवं भवेत्-मया अर्हत्त्वं प्राप्तमिति, स एव तस्यात्मग्राहो भवेत्, सत्त्वग्राहो जीवग्राहः पुद्गलग्राहो भवेत्। तत्कस्य हेतोः ? अहमस्मि भगवंस्तथागतेनार्हता सम्यक्संबुद्धेन अरणा-विहारिणामग्र्यो निर्दिष्टः। अहमस्मि भगवन् अर्हन् वीतरागः। न च मे भगवन्नेवं भवति- अर्हन्नस्म्यहं वीतराग इति। सचेन्मम भगवन्नेवं भवेत्-मया अर्हत्त्वं प्राप्तमिति, न मां तथागतो व्याकरिष्यदरणाविहारिणामग्र्यः सुभूतिः कुलपुत्रो न क्वचिद्विहरति, तेनोच्यते अरणाविहारी अरणाविहारीति॥९॥

भगवानाह-तत्किं मन्यसे सुभूते-अस्ति स कश्चिद्धर्मो
यस्तथागतेन दीपंकरस्य तथागतस्यार्हत-
सम्यक्संबुद्धस्यान्तिकादुद्गृहीतः? सुभूतिराह- नो
हीदं भगवन्। नास्ति स कश्चिद्धर्मो यस्तथागतेन
दीपंकरस्य तथागतस्यार्हतः सम्यक्संबुद्धस्या-
न्तिकादुद्गृहीतः॥

भगवानाह-यः कश्चित्सुभूते बोधिसत्त्व एवं वदेत्-
अहं क्षेत्रव्यूहान् निष्पादयिष्यामीति, स वितथं वदेत्।
तत्कस्य हेतोः ? क्षेत्रव्यूहाः क्षेत्रव्यूहा इति सुभूते
अव्यूहास्ते तथागतेन भाषिताः। तेनोच्यन्ते क्षेत्रव्यूहा
इति। तस्मात्तर्हि सुभूते बोधिसत्त्वेन महासत्त्वेन
एवमप्रतिष्ठितं चित्तमुत्पादयितव्यं यन्न
क्वचित्प्रतिष्ठितं चित्तमुत्पादयितव्यम्। न
रूपप्रतिष्ठितं चित्तमुत्पादयितव्यं न
शब्दगन्धरसस्प्रष्टव्यधर्मप्रतिष्ठितं
चित्तमुत्पादयितव्यम्। तद्यथापि नाम सुभूते पुरुषो

भवेदुपेतकायो महाकायो यत्तस्यैवं रूप आत्मभावः
 स्यात् तद्यथापि नाम सुमेरुः पर्वतराजः। तत्किं
 मन्यसे सुभूते अपि नु महान् स आत्मभावो भवेत् ?
 सुभूतिराह-महान् स भगवान्, महान् सुगत स
 आत्मभावो भवेत्। तत्कस्य हेतोः ? आत्मभाव
 आत्मभाव इति भगवन् न भावः स तथागतेन
 भाषितः। तेनोच्यत आत्मभाव इति। न हि भगवन् स
 भावो नाभावः। तेनोच्यते आत्मभाव इति ॥१०॥

भगवानाह- तत्किं मन्यसे सुभूते-यावत्यो गङ्गायां
 महानद्यां वालुकास्तावत्य एव गङ्गानद्यो भवेयुः ?
 तासु या वालुकाः, अपि नु ता बहवयो भवेयुः ?
 सुभूतिराह-ता एव तावद्भगवन् बहवयो गङ्गानद्यो
 भवेयुः, प्रागेव यास्तासु गङ्गानदीषु वालुकाः।
 भगवानाह- आरोचयामि ते सुभूते, प्रतिवेदयामि ते।
 यावत्यस्तासु गङ्गानदीषु वालुका भवेयुस्तावतो
 लोकधातून् कश्चिदेव स्त्री वा पुरुषो वा

सप्तरत्नपरिपूर्णं कृत्वा तथागतेभ्योऽर्हद्भ्यः
सम्यक्संबुद्धेभ्यो दानं दद्यात्, तत् किं मन्यसे
सुभूते-अपि नु सा स्त्री वा पुरुषो वा ततोनिदानं बहु
पुण्यस्कन्धं प्रसुनुयात् ? सुभूतिराह-बहु भगवन्, बहु
सुगत स्त्री वा पुरुषो वा ततोनिदानं पुण्यस्कन्धं
प्रसुनुयादप्रमेयमसंख्येयम्। भगवानाह- यश्च खलु
पुनः सुभूते स्त्री वा पुरुषो वा तावतो लोकधातून्
सप्तरत्नपरिपूर्णं कृत्वा तथागतेभ्योऽर्हद्भ्यः
सम्यक्संबुद्धेभ्यो दानं दद्यात्, यश्च कुलपुत्रो वा
कुलदुहिता वा इतो धर्मपर्यायादन्तशश्चतुष्पादि-
कामपि गाथामुद्गृह्य परेभ्यो देशयेत् संप्रकाशयेत्,
अयमेव ततोनिदानं बहुतरं पुण्यस्कन्धं
प्रसुनुयादप्रमेयमसंख्येयम्॥११॥
अपि तु खलु पुनः सुभूते यस्मिन् पृथिवीप्रदेशे इतो
धर्मपर्यायादन्तशश्चतुष्पादिकामपि गाथामुद्गृह्य
भाष्येत वा संप्रकाशयेत वा, स पृथिवीप्रदेशश्चैत्यभूतो

भवेत् सदेवमानुषासुरस्य लोकस्य, कः पुनर्वादो ये इमं
धर्मपर्यायं सकलसमाप्तं धारयिष्यन्ति
वाचयिष्यन्ति पर्यवाप्स्यन्ति, परेभ्यश्च विस्तरेण
संप्रकाशयिष्यन्ति। परमेण ते सुभूते आश्चर्येण
समन्वागता भविष्यन्ति। तस्मिंश्च सुभूते
पृथिवीप्रदेशे शास्ता विहरत्यन्यतरान्यतरो वा
विज्ञगुरुस्थानीयः ॥१२॥

एवमुक्ते आयुष्मान् सुभूतिर्भगवन्तमेतदवोचत्-को
नाम अयं भगवन् धर्मपर्यायः, कथं चैनं धारयामि ?
एवमुक्ते भगवानायुष्मन्तं सुभूतिमेतदवोचत्-
प्रज्ञापारमिता नामायं सुभूते धर्मपर्यायः। एवं चैनं
धारय। तत्कस्य हेतोः ? यैव सुभूते प्रज्ञापारमिता
तथागतेन भाषिता, सैव अपारमिता तथागतेन
भाषिता। तेनोच्यते प्रज्ञापारमितेति ॥

तत्किं मन्यसे सुभूते-अपि नु अस्ति स कश्चिद्धर्मो
यस्तथागतेन भाषितः ? सुभूतिराह-नो हीदं भगवन्।
नास्ति स कश्चिद्धर्मो यस्तथागतेन भाषितः ॥

भगवानाह-तत्किं मन्यसे सुभूते-यावत्
त्रिसाहस्रमहासाहस्रे लोकधातौ पृथिवीरजः कच्चित्,
तद्बहु भवेत् ? सुभूतिराह-बहु भगवन्, बहु सुगत
पृथिवीरजो भवेत्। तत्कस्य हेतोः ? यत्तद्भगवन्
पृथिवीरजस्तथागतेन भाषितम्, अरजस्त-
द्भगवंस्तथागतेन भाषितम्। तेनोच्यते पृथिवीरज
इति। योऽप्यसौ लोकधातुस्तथागतेन भाषितः,
अधातुः स तथागतेन भाषितः। तेनोच्यते
लोकधातुरिति ॥

भगवानाह- तत्किं मन्यसे सुभूते द्वात्रिं-
शन्महापुरुषलक्षणैस्तथागतोऽर्हन् सम्यक्संबुद्धो
द्रष्टव्यः ? सुभूतिराह-नो हीदं भगवन्।
द्वात्रिंशन्महापुरुषलक्षणैस्तथागतोऽर्हन्

सम्यक्संबुद्धो द्रष्टव्यः। तत्कस्य हेतोः ? यानि हि तानि भगवन् द्वात्रिंशन्महापुरुषलक्षणानि तथागतेन भाषितानि, अलक्षणानि तानि भगवंस्तथागतेन भाषितानि। तेनोच्यन्ते द्वात्रिंशन्महापुरुषलक्षणानीति॥

भगवानाह-यश्च खलु पुनः सुभूते स्त्री वा पुरुषो वा दिने दिने गङ्गानदीवालुकासमानात्मभावान् परित्यजेत्, एवं परित्यजन् गङ्गानदीवालुकासमान् कल्पांस्तानात्मभावान् परित्यजेत्, यश्च इतो धर्मपर्यायदन्तशश्चतुष्पादिकामपि गाथामुद्गृह्यपरेभ्यो देशयेत् संप्रकाशयेत्, अयमेव ततोनिदानं बहुतरं पुण्यस्कन्धं प्रसुनुयादप्रमेयमसंख्येयम्॥१३॥

अथ खल्वायुष्मान् सुभूतिर्धर्मवेगेनाश्रूणि प्रामुञ्चत्। सोऽश्रूणि प्रमृज्य भगवन्तमेतदवोचत्-आश्चर्यं भगवन्, परमाश्चर्यं सुगत, यावदयं धर्मपर्यायस्तथागतेन भाषितोऽग्रयानसंप्रस्थितानां

सत्त्वानामर्थाय, श्रेष्ठयानसंप्रस्थितानामर्थाय, यतो
मे भगवन् ज्ञानमुत्पन्नम्। न मया भगवन्
जात्वेवंरूपो धर्मपर्यायः श्रुतपूर्वः। परमेण ते भगवन्
आश्चर्येण समन्वागता बोधिसत्त्वा भविष्यन्ति, ये
इह सूत्रे भाष्यमाणे श्रुत्वा भूतसंज्ञामुत्पादयिष्यन्ति।
तत्कस्य हेतोः ? या चैषा भगवन् भूतसंज्ञा, सैव
अभूतसंज्ञा। तस्मात्तथागतो भाषतेभूतसंज्ञा
भूतसंज्ञेति॥

न मम भगवन् आश्चर्यं यदहमिमं धर्मपर्यायं
भाष्यमाणमवकल्पयामि अधिमुच्ये। येऽपि ते
भगवन् सत्त्वा भविष्यन्त्यनागतेऽध्वनि पश्चिमे
काले पश्चिमे समये पश्चिमायां पञ्चशत्यां
सद्धर्मविप्रलोपे वर्तमाने, ये इमं भगवन् धर्म-
पर्यायमुद्ग्रहीष्यन्ति धारयिष्यन्ति वाचयिष्यन्ति
पर्यवाप्स्यन्ति, परेभ्यश्च विस्तरेण
संप्रकाशयिष्यन्ति, ते परमाश्चर्येण समन्वागता

भविष्यन्ति। अपि तु खलु पुनर्भगवन् न तेषामात्मसंज्ञा प्रवर्तिष्यते, न सत्त्वसंज्ञा न जीवसंज्ञा न पुद्गलसंज्ञा प्रवर्तिष्यते, नापि तेषां काचित्संज्ञा नासंज्ञा प्रवर्तते। तत्कस्य हेतोः ? या सा भगवन् आत्मसंज्ञा, सैवासंज्ञा। या सत्त्वसंज्ञा जीवसंज्ञा पुद्गलसंज्ञा, सैवासंज्ञा। तत्कस्य हेतोः ? सर्वसंज्ञापगता हि बुद्ध भगवन्तः ॥

एवमुक्ते भगवानायुष्मन्तं सुभूतिमेतदवोचत्- एवमेतत् सुभूते, एवमेतत्। परमाश्चर्यसमन्वागतास्ते सत्त्वा भविष्यन्ति, ये इह सुभूते सूत्रे भाष्यमाणे नोत्रसिष्यन्ति न संत्रसिष्यन्ति न संत्रासमापत्स्यन्ते। तत्कस्य हेतोः ? परमपारमितेयं सुभूते तथागतेन भाषिता यदुत्तापारमिता। यां च सुभूते तथागतः परमपारमितां भाषते, तामपरिमाणा अपि बुद्धा भगवन्तो भाषन्ते। तेनोच्यन्ते परमपारमितेति ॥

अपि तु खलु पुनः सुभूते या तथागतस्य
क्षान्तिपारमिता, सैव अपारमिता। तत्कस्य हेतोः ?
यदा मे सुभूते कलिराजा अङ्गप्रत्यङ्गमां-
सान्यच्छैत्सीत्, नासीन्मे तस्मिन् समये आत्मसंज्ञा
वा सत्त्वसंज्ञा वा जीवसंज्ञा वा पुद्गलसंज्ञा वा, नापि
मे काचित्संज्ञा वा असंज्ञा वा बभूव। तत्कस्य हेतोः ?
सचेन्मे सुभूते तस्मिन् समये आत्मसंज्ञा अभविष्यत्,
व्यापादसंज्ञापि मे तस्मिन् समयेऽभविष्यत्।
सचेत्सत्त्वसंज्ञा जीवसंज्ञा पुद्गलसंज्ञाभविष्यत्,
व्यापादसंज्ञापि मे तस्मिन् समयेऽभविष्यत्।
तत्कस्य हेतोः ? अभिजानाम्यहं सुभूते अतीतेऽध्वनि
पञ्च जातिशतानि यदहं क्षान्तिवादी ऋषिरभूवम्।
तत्रापि मे नात्मसंज्ञा बभूव, न सत्त्वसंज्ञा, न
जीवसंज्ञा, न पुद्गलसंज्ञा बभूव। तस्मात्तर्हि सुभूते
बोधिसत्त्वेन महासत्त्वेन सर्वसंज्ञा विवर्जयित्वा
अनुत्तरायां सम्यक्संबोधौ चित्तमुत्पादयितव्यम्। न

रूपप्रतिष्ठितं चित्तमुत्पादयितव्यम्, न
 शब्दगन्धरसस्प्रष्टव्य धर्मप्रतिष्ठितं चित्तमुत्पाद-
 यितव्यम्, न धर्मप्रतिष्ठितं चित्तमुत्पादयितव्यम्,
 नाधर्मप्रतिष्ठितं चित्तमुत्पादयितव्यम्, न
 क्वचित्प्रतिष्ठितं चित्तमुत्पादयितव्यम्। तत्कस्य
 हेतोः ? यत्प्रतिष्ठितं तदेवाप्रतिष्ठितम्। तस्मादेव
 तथागतो भाषते-अप्रतिष्ठितेन बोधिसत्त्वेन दानं
 दातव्यम्। न रूपशब्दगन्धरसस्पर्शधर्मप्रतिष्ठितेन
 दानं दातव्यम्॥

अपि तु खलु पुनः सुभूते बोधिसत्त्वेन एवरूपो
 दानपरित्यागः कर्तव्यः सर्वसत्त्वानामर्थाय। तत्कस्य
 हेतोः ? या चैषा सुभूते सत्त्वसंज्ञा, सैव असंज्ञा। य एवं
 ते सर्वसत्त्वास्तथागतेन भाषितास्त एव असत्त्वाः।
 तत्कस्य हेतोः ? भूतवादी सुभूते तथागतः, सत्यवादी
 तथावादी अनन्यथावादी तथागतः, न वितथवादी
 तथागतः॥

अपि तु खलु पुनः सुभूते यस्तथागतेन धर्मोऽभिसंबुद्धो
देशितो निध्यातः, न तत्र सत्यं न मृषा। तद्यथापि
नाम सुभूते पुरुषोऽन्धकारप्रविष्टो न किञ्चिदपि
पश्येत्, एवं वस्तुपतितो बोधिसत्त्वो द्रष्टव्यो यो
वस्तुपतितो दानं परित्यजति। तद्यथापि नाम सुभूते
चक्षुष्मान् पुरुषः प्रभातायां रात्रौ सूर्येऽभ्युद्गते
नानविधानि रूपाणि पश्येत्, एवमवस्तुपतितो
बोधिसत्त्वो द्रष्टव्यो योऽवस्तुपतितो दानं
परित्यजति॥

अपि तु खलु पुनः सुभूते ये कुलपुत्रा वा कुलदुहितरो वा
इमं धर्मपर्यायमुद्ग्रहीष्यन्ति धारयिष्यन्ति
वाचयिष्यन्ति पर्यवाप्स्यन्ति, परेभ्यश्च विस्तरेण
संप्रकाशयिष्यन्ति, ज्ञातास्ते सुभूते तथागतेन
बुद्धज्ञानेन, दृष्टास्ते सुभूते तथागतेन बुद्धचक्षुषा,
बुद्धास्ते तथागतेन। सर्वे ते सुभूते सत्त्वा

अप्रमेयमसंख्येयं पुण्यस्कन्धं प्रसविष्यन्ति
प्रतिग्रहीष्यन्ति॥१४॥

यश्च खलु पुनः सुभूते स्त्री वा पुरुषो वा
पूर्वाहणकालसमये गङ्गानदीवालुकासमानात्म-
भावान् परित्यजेत्, एवं मध्याह्नकालसमये
गङ्गानदीवालुकासमानात्मभावान् परित्यजेत्,
सायाह्नकालसमये गङ्गानदीवालुकासमाना-
त्मभावान् परित्यजेत्, अनेन पर्यायेण बहूनि
कल्पकोटिनियुतशतसहस्राण्यात्मभावान् परित्यजेत्,
यश्चेमं धर्मपर्यायं श्रुत्वा न प्रतिक्षिपेत्, अयमेव
ततोनिदानं बहुतरं पुण्यस्कन्धं प्रसुनुयादप्रमेयम-
संख्येयम्, कः पुनर्वादो यो लिखित्वा
उद्गृहणीयाद्धारयेद्वाचयेत्पर्यवाप्नुयात्, परेभ्यश्च
विस्तरेण संप्रकाशयेत्॥

अपि तु खलु पुनः सुभूते अचिन्त्योऽतुल्योऽयं
धर्मपर्यायः। अयं च सुभूते धर्मपर्यायस्तथागतेन

भाषितोऽग्रयानसंप्रस्थितानां सत्त्वानामर्थाय,
 श्रेष्ठयानसंप्रस्थितानां सत्त्वानामर्थाय। ये इमं
 धर्मपर्यायमुद्ग्रहीष्यन्ति धारयिष्यन्ति
 वाचयिष्यन्ति पर्यवाप्स्यन्ति, परेभ्यश्च विस्तरेण
 संप्रकाशयिष्यन्ति, ज्ञातास्ते सुभूते तथागतेन
 बुद्धज्ञानेन, दृष्टास्ते सुभूते तथागतेन बुद्धचक्षुषा,
 बुद्धास्ते तथागतेन। सर्वे ते सुभूते सत्त्वा अप्रमेयेण
 पुण्यस्कन्धेनां समन्वागता भविष्यन्ति।
 अचिन्त्येनातुल्येनामाप्येनापरिमाणेन पुण्यस्कन्धेन
 समन्वागता भविष्यन्ति। सर्वे ते सुभूते सत्त्वाः
 समांशेन बोधिं धारयिष्यन्ति वचयिष्यन्ति
 पर्यवाप्स्यन्ति। तत्कस्य हेतोः ? न हि शक्यं सुभूते
 अयं धर्मपर्यायो हीनाधिमुक्तिकैः सत्त्वैः श्रोतुम्,
 नात्मदृष्टिकैर्न सत्त्वदृष्टिकैर्न जीवदृष्टिकैर्न
 पुद्गलदृष्टिकैः। नाबोधिसत्त्वप्रतिज्ञैः सत्त्वैः

शक्यमयं धर्मपर्यायः श्रोतुं वा उद्ग्रहीतुं वा धारयितुं
वा वाचयितुं वा पर्यवाप्तुं वा। नेदं स्थानं विद्यते॥

अपि तु खलु पुनः सुभूते यत्र पृथिवीप्रदेशे इदं सूत्रं
प्रकशयिष्यते, पूजनीयः स पृथिवीप्रदेशो भविष्यति
सदेवमानुषासुरस्य लोकस्य। वन्दनीयः
प्रदक्षिणीयश्च स पृथिवीप्रदेशो भविष्यति, चैत्यभूतः
स पृथिवीप्रदेशो भविष्यति॥१५॥

अपि तु ये ते सुभूते कुलपुत्रा वा कुलदुहितरो वा
इमानेवरूपान् सूत्रान्तानुद्ग्रहीष्यन्ति धारयिष्यन्ति
वाचयिष्यन्ति पर्यवाप्स्यन्ति, योनिशश्च
मनसिकरिष्यन्ति, परेभ्यश्च विस्तरेण
संप्रकाशयिष्यन्ति, ते परिभूता भविष्यन्ति,
सुपरिभूताश्च भविष्यन्ति। तत्कस्य हेतोः ? यानि च
तेषां सुभूते सत्त्वानां पौर्वजन्मिकान्यशुभानि
कर्माणि कृतान्यपायसंवर्तनीयानि, दृष्ट एव धर्मे

परिभूततया तानि पौर्वजन्मिकान्यशुभानि कर्माणि
क्षपयिष्यन्ति, बुद्धबोधिं चानुप्राप्स्यन्ति ॥

अभिजानाम्यहं सुभूते अतीतेऽध्वन्यसंख्येयैः
कल्पैरसंख्येयतरैर्दीपंकरस्य तथागतस्यार्हतः
सम्यक्संबुद्धस्य परेण परतरेण चतुरशीति-
बुद्धकोटिनियुतशतसहस्राण्यभूवन् ये मयारागिताः,
आराग्य न विरागिताः। यच्च मया सुभूते ते बुद्धा
भगवन्त आरागिताः, आराग्य न विरागिताः, यच्च
पश्चिमे काले पश्चिमे समये पश्चिमायां पञ्चशत्यां
सद्धर्मविप्रलोपकाले वर्तमाने इमानेवंरूपान्
सूत्रान्तानुद्ग्रहीष्यन्ति धारयिष्यन्ति वाचयिष्यन्ति
पर्यवाप्स्यन्ति, परेभ्यश्च विस्तरेण
संप्रकाशयिष्यन्ति, अस्य खलु पुनः सुभूते
पुण्यस्कन्धस्यान्तिकादसौ पौर्वकः पुण्यस्कन्धः
शततमीमपि कलां नोपैति, सहस्रतमीमपि
शतसहस्रतमीमपि कोटिममिपि कोटिशततमीमपि

कोटिशतसहस्रतमीमपि कोटिनियुतशतसहस्रत-
मीमपि। संख्यामपि कलामपि गणनामपि उपमामपि
उपनिषदमपि यावदौपम्यमपि न क्षमते॥

सचेत्पुनः सुभूते तेषां कुलपुत्राणां कुलदुहितृणां वा अहं
पुण्यस्कन्धं भाषेयम्, यावत्ते कुलपुत्रा वा कुलदुहितरो
वा तस्मिन् समये पुण्यस्कन्धं प्रसविष्यन्ति,
प्रतिग्रहीष्यन्ति, उन्मादं सत्त्वा अनुप्राप्नुयुश्चित्त-
विक्षेपं वा गच्छेयुः। अपि तु खलु पुनः सुभूते
अचिन्त्योऽतुल्योऽयं धर्मपर्यायस्तथागतेन भाषितः।
अस्य अचिन्त्य एव विपाकः प्रतिकाङ्क्षितव्यः॥१६॥

अथ खल्वायुष्मान् सुभूतिर्भगवन्तमेतदवोचत्-कथं
भगवन् बोधिसत्त्वयानसंप्रस्थितेन स्थातव्यम्, कथं
प्रतिपत्तव्यम्, कथं चित्तं प्रग्रहीतव्यम् ? भगवानाह-
इह सुभूते बोधिसत्त्वयानसंप्रस्थितेन एवं
चित्तमुत्पादयितव्यम्- सर्वे सत्त्वा मया अनुपदिशेषे
निर्वाणधातौ परिनिर्वापयितव्याः। एवं स सत्त्वान्

परिनिर्वाप्य न कश्चित्सत्त्वः परिनिर्वापितो भवति।
तत्कस्य हेतोः ? सचेत्सुभूते बोधिसत्त्वस्य
सत्त्वसंज्ञा प्रवर्तेत, न स बोधिसत्त्व इति वक्तव्यः।
जीवसंज्ञा वा यावत्पुद्गलसंज्ञा वा प्रवर्तेत, न स
बोधिसत्त्व इति वक्तव्यः। तत्कस्य हेतोः ? नास्ति
सुभूते स कश्चिद्धर्मो यो बोधिसत्त्वयानसंप्रस्थितो
नाम॥

तत्किं मन्यसे सुभूते अस्ति स कश्चिद्धर्मो
यस्तथागतेन दीपंकरस्य तथागतस्यान्तिकादनुत्तरां
सम्यक्संबोधिमभिसंबुद्धः ? एवमुक्ते आयुष्मान्
सुभूतिर्भगवन्तमेतदवोचत्- यथाहं भगवतो
भाषितस्यार्थमाजानामि, नास्ति स भगवन्
कश्चिद्धर्मो यस्तथागतेन दीपंकरस्य तथागतस्यार्हतः
सम्यक्संबुद्धस्यान्तिकादनुत्तरां सम्यक्संबोधिमभि-
संबुद्धः। एवमुक्ते भगवानायुष्मन्तं
सुभूतिमेतदवोचत्- एवमेतत्सुभूते, एवमेतत्। नास्ति

सुभूते स कश्चिद्धर्मो यस्तथागतेन दीपंकरस्य
तथागतस्यार्हतः सम्यक्संबुद्धस्यान्तिकादनुत्तरां
सम्यक्संबोधिमभिसंबुद्धः। सचेत्पुनः सुभूते
कश्चिद्धर्मस्तथागतेनाभिसंबुद्धोऽभविष्यत्, न मां
दीपंकरस्तथागतो व्याकरिष्यत्-भविष्यसि त्वं माणव
अनागतेऽध्वनि शाक्यमुनिर्नाम तथागतोऽर्हन्
सम्यक्संबुद्ध इति। यस्मात्तर्हि सुभूते तथागतेनार्हता
सम्यक्संबुद्धेन नास्ति स कश्चिद्धर्मो योऽनुत्तरां
सम्यक्संबोधिमभिसंबुद्धः, तस्मादहं दीपंकरेण
तथागतेन व्याकृतभविष्यसि त्वं माणव
अनागतेऽध्वनि शाक्यमुनिर्नाम तथागतोऽर्हन्
सम्यक्संबुद्ध। तत्कस्य हेतोः ? तथागत इति सुभूते
भूततथताया एतदधिवचनम्। तथागत इति सुभूते
अनुत्पादधर्मताया एतदधिवचनम्। तथागत इति
सुभूते धर्मोच्छेदस्यैतदधिवचनम्। तथागत इति
सुभूते अत्यन्तानुत्पन्नस्यैतदधिवचनम्। तत्कस्य

हेतोः ? एष सुभूते अनुत्पादो यः परमार्थः। यः कश्चित्सुभूते एवं वदेत्-तथागतेनार्हता सम्यक्संबुद्धेन अनुत्तरा सम्यक्संबोधिरभिसंबुद्धेति, स वितथं वदेत्। अभ्याचक्षीत मां स सुभूते असतोद्गृहीतेन। तत्कस्य हेतोः- ? नास्ति सुभूते स कश्चिद्धर्मो यस्तथागतेन अनुत्तरां सम्यक्संबोधिमभिसंबुद्धः। यश्च सुभूते तथागतेन धर्मोऽभिसंबुद्धो देशितो वा तत्र न सत्यं न मृषा। तस्मात्तथागतो भाषतेसर्वधर्मा बुद्धधर्मा इति। तत्कस्य हेतोः ? सर्वधर्मा इति सुभूते अधर्मास्तथागतेन भाषिताः। तस्मादुच्यन्ते सर्वधर्मा बुद्धधर्मा इति॥

तद्यथापि नाम सुभूते पुरुषो भवेदुपेतकायो महाकायः? आयुष्मान् सुभूतिराह- योऽसौ भगवंस्तथागतेन पुरुषो भाषित उपेतकायो महाकाय इति, अकायः स भगवंस्तथागतेन भाषितः। तेनोच्यते उपेतकायो महाकाय इति॥

भगवानाह -एवमेतत्सुभूते। यो बोधिसत्त्व एवं वदेत्-
अहं सत्त्वान् परिनिर्वापयिष्यामिति, न स
बोधिसत्त्व इति वक्तव्यः। तत्कस्य हेतोः ? अस्ति
सुभूते स कश्चिद्धर्मो यो बोधिसत्त्वो नाम ?
सुभूतिराह-नो हीदं भगवन्। नास्ति स कश्चिद्धर्मो यो
बोधिसत्त्वो नाम। भगवानाह- सत्त्वाः सत्त्वा इति
सुभूते असत्त्वास्ते तथागतेन भाषिताः, तेनोच्यन्ते
सत्त्वा इति। तस्मात्तथागतो भाषते-निरात्मानः
सर्वधर्मा निर्जीवा निष्पोषा निष्पुद्गलाः सर्वधर्मा
इति॥

यः सुभूते बोधिसत्त्व एवं वदेत्- अहं
क्षेत्रव्यूहान्निष्पादयिष्यामीति, स वितथं वदेत्।
तत्कस्य हेतोः ? क्षेत्रव्यूहाः क्षेत्रव्यूहा इति सुभूते
अव्यूहास्ते तथागतेन भाषिताः। तेनोच्यन्ते क्षेत्रव्यूहा
इति॥

यः सुभूते बोधिसत्त्वो निरात्मानो धर्मा निरात्मानो
धर्मा इत्यधिमुच्यते, तथागतेनार्हता सम्यक्संबुद्धेन
बोधिसत्त्वो महासत्त्व इत्याख्यातः ॥१७॥

भगवानाह- तत्किं मन्यसे सुभूते-संविद्यते
तथागतस्य मांसचक्षुः ? सुभूतिराह- एवमेतद्भगवन्,
संविद्यते तथागतस्य मांसचक्षुः। भगवानाह-तत्किं
मन्यसे सुभूते संविद्यते तथागतस्य दिव्यं चक्षुः ?
सुभूतिराह-एवमेतद्भगवन्, संविद्यते तथागतस्य
दिव्यं चक्षुः। भगवानाह-तत्किं मन्यसे सुभूते
संविद्यते तथागतस्य प्रज्ञाचक्षुः ? सुभूतिराह-
एवमेतद्भगवन्, संविद्यते तथागतस्य प्रज्ञाचक्षुः।
भगवानाह-तत्किं मन्यसे सुभूते संविद्यते
तथागतस्य धर्मचक्षुः ? सुभूतिराह-एवमेतद्भगवन्,
संविद्यते तथागतस्य धर्मचक्षुः। भगवानाह- तत्किं
मन्यसे सुभूते संविद्यते तथागतस्य बुद्धचक्षुः ?
सुभूतिराह-एवमेतद्भगवन्, संविद्यते तथागत

बुद्धचक्षुः। भगवानाह-तत्किं मन्यसे सुभूते यावन्त्यो
 गङ्गायां महानद्यां वालुकाः, अपि नु ता
 वालुकास्तथागतेन भाषिताः ? सुभूतिराह-
 एवमेतद्भगवन्, एवमेतत् सुगत। भाषितास्तथागतेन
 वालुकाः। भगवानाह-तत्किं मन्यसे सुभूते यावत्यो
 गङ्गायां महानद्यां वालुकाः, तावत्य एव गङ्गानद्या
 भवेयुः, तासु वा वालुकाः, तावन्तश्च लोकधातवो
 भवेयुः, कच्चिद्बहवस्ते लोकधातवो भवेयुः ?
 सुभूतिराह-एवमेतद्भगवन्, एवमेतत् सुगत। बहवस्ते
 लोकधातवो भवेयुः। भगवानाह-यावन्तः सुभूते तेषु
 लोकधातुषु सत्त्वाः, तेषामहं नानाभावां चित्तधारां
 प्रजानामि। तत्कस्य हेतोः ? चित्तधारा चित्तधारेति
 सुभूते अधारैषा तथागतेन भाषिता, तेनोच्यते
 चित्तधारेति। तत्कस्य हेतोः ? अतीतं सुभूते चित्तं
 नोपलभ्यते। अनागतं चित्तं नोपलभ्यते। प्रत्युत्पन्नं
 चित्तं नोपलभ्यते॥१८॥

तत्किं मन्यसे सुभूते यः कश्चित्कुलपुत्रो वा
 कुलदुहिता वा इमं त्रिसाहस्रमहासाहस्रं लोकधातुं
 सप्तरत्नपरिपूर्णं कृत्वा तथागतेभ्योऽर्हद्भ्यः
 सम्यक्संबुद्धेभ्यो दानं दद्यात्, अपि नु स कुलपुत्रो वा
 कुलदुहिता वा ततोनिदानं बहु पुण्यस्कन्धं
 प्रसुनुयात्? सुभूतिराह- बहु भगवन्, बहु सुगत।
 भगवानाह-एवमेतत्सुभूते, एवमेतत्। बहु स कुलपुत्रो
 वा कुलदुहिता वा ततोनिदानं पुण्यस्कन्धं
 प्रसुनुयादप्रमेयमसंख्येयम्। तत्कस्य हेतोः ?
 पुण्यस्कन्धः पुण्यस्कन्ध इति सुभूते अस्कन्धः स
 तथागतेन भाषितः। तेनोच्यते पुण्यस्कन्ध इति।
 सचेत् पुनः सुभूते पुण्यस्कन्धोऽभविष्यत्, न
 तथागतोऽभाषिष्यत् पुण्यस्कन्धः पुण्यस्कन्ध
 इति॥१९॥

तत्किं मन्यसे सुभूते रूपकायपरिनिष्पत्त्या तथागतो
 द्रष्टव्यः ? सुभूतिराह-नो हीदं भगवन्। न

रूपकायपरिनिष्पत्त्या तथागतो द्रष्टव्यः। तत्कस्य हेतोः ? रूपकायपरिनिष्पत्ती रूपकायपरिनिष्पत्तिरिति भगवन् अपरिनिष्पत्तिरेषा तथागतेन भाषिता। तेनोच्यते रूपकायपरिनिष्पत्तिरिति॥

भगवानाह- तत्किं मन्यसे सुभूते लक्षणसंपदा तथागतो द्रष्टव्यः ? सुभूतिराह-नो हीदं भगवान्। न लक्षणसंपदा तथागतो द्रष्टव्यः। तत्कस्य हेतोः ? यैषा भगवन् लक्षणसंपत्तथागतेन भाषिता, अलक्षणसंपदेषा तथागतेन भाषिता। तेनोच्यते लक्षणसंपदिति॥२०॥

भगवानाह- तत्किं मन्यसे सुभूते अपि नु तथागतस्यैवं भवति-मया धर्मो देशित इति ? सुभूतिराह-नो हीदं भगवन् तथागतस्यैवं भवति-मया धर्मो देशित इति। भगवानाह-यः सुभूते एवं वदेत्- तथागतेन धर्मो देशित इति, स वितथं वदेत्। अभ्याचक्षीत मां स सुभूते असतोद्गृहीतेन। तत्कस्य

हेतोः ? धर्मदेशना धर्मदेशनेति सुभूते नास्ति स
कश्चिद्धर्मो यो धर्मदेशना नामोपलभ्यते॥

एवमुक्ते आयुष्मान् सुभूतिर्भगवन्तमेतदवोचत्-
अस्ति भगवन् केचित्सत्त्वा भविष्यन्त्यनागते-
ऽध्वनि पश्चिमे काले पश्चिमे समये पश्चिमायां
पञ्चशत्यां सद्धर्मविप्रलोपे वर्तमाने, य इमानेवरूपान्
धर्मान् श्रुत्वा अभिश्रद्धास्यन्ति। भगवानाह- न ते
सुभूते सत्त्वा नासत्त्वाः। तत्कस्य हेतोः ? सत्त्वाः
सत्त्वा इति सुभूते सर्वे ते सुभूते असत्त्वास्तथागतेन
भाषिताः। तेनोच्यन्ते सत्त्वा इति॥२१॥

तत्किं मन्यसे सुभूते-अपि नु अस्ति स कश्चिद्धर्मः,
यस्तथागतेनानुत्तरां सम्यक्संबोधिमभिसंबुद्धः ?
आयुष्मान् सुभूतिराह-नो हीदं भगवन्। नास्ति स
भगवन् कश्चिद्धर्मो यस्तथागतेनानुत्तरां
सम्यक्संबोधिमभिसंबुद्धः। भगवानाह-एवमेतत्सुभूते,
एवमेतत्। अणुरपि तत्र धर्मो न संविद्यते

नोपलभ्यते। तेनोच्यते अनुत्तरा सम्यक्संबोधिरिति
॥२२॥

अपि तु खलु पुनः सुभूते समः स धर्मो न तत्र
कश्चिद्विषमः। तेनोच्यते अनुत्तरा
सम्यक्संबोधिरिति। निरात्मत्वेन निःसत्त्वत्वेन
निर्जीवत्वेन निष्पुद्गलत्वेन समा सा अनुत्तरा
सम्यक्संबोधिः सर्वैः कुशलैर्धर्मैरभिसंबुध्यते।
तत्कस्य हेतोः ? कुशला धर्माः कुशला धर्मा इति
सुभूते अधर्माश्चैव ते तथागतेन भाषिताः। तेनोच्यन्ते
कुशला धर्मा इति॥२३॥

यश्च खलु पुनः सुभूते स्त्री वा पुरुषो वा
यावन्तस्त्रिसाहस्रमहासाहस्रे लोकधातौ सुमेरवः
पर्वतराजानः, तावतो राशीन् सप्तानां रत्नानाम-
भिसंहृत्य तथागतेभ्योऽर्हद्भ्यः सम्यक्संबुद्धेभ्यो दानं
दद्यात्, यश्च कुलपुत्रो वा कुलदुहिता वा इतः
प्रजापारमिताया धर्मपर्यायादन्तशश्चतुष्पादिकामपि

गाथामुद्गृह्य परेभ्यो देशयेत्, अस्य सुभूते
पुण्यस्कन्धस्य असौ पौर्वकः पुण्यस्कन्धः
शततमीमपि कलां नोपैति, यावदुपनिषदमपि न
क्षमते ॥२४॥

तत्किं मन्यसे सुभूते-अपि नु तथागतस्यैवं भवति-
मया सत्त्वाः परिमोचिता इति? न खलु पुनः सुभूते
एवं द्रष्टव्यम्। तत्कस्य हेतोः ? नास्ति सुभूते
कश्चित्सत्त्वो यस्तथागतेन परिमोचितः। यदि पुनः
सुभूते कश्चित्सत्त्वोऽभविष्यद्यस्तथागतेन परिमो-
चितः स्यात्, स एव तथागतस्यात्मग्राहोऽभविष्यत्,
सत्त्वग्राहो जीवग्राहः पुद्गलग्राहोऽभविष्यत्।
आत्मग्राह इति सुभूते अग्राह एष तथागतेन भाषितः।
स च बालपृथग्जनैरुद्गृहीतः। बालपृथग्जना इति
सुभूते अजना एव ते तथागतेन भाषिताः। तेनोच्यन्ते
बालपृथग्जना इति ॥२५॥

तत्किं मन्यसे सुभूते-लक्षणसंपदा तथागतो द्रष्टव्यः?
सुभूतिराह-नो हीदं भगवन्। यथाहं भगवतो
भाषितस्यार्थमाजानामि, न लक्षणसंपदा तथागतो
द्रष्टव्यः। भगवानाह-साधु साधु सुभूते,
एवमेतत्सुभूते, एवमेतद्यथा वदसि। न लक्षणसंपदा
तथागतो द्रष्टव्यः। तत्कस्य हेतोः ? सचेत्पुनः सुभूते
लक्षणसंपदा तथागतो द्रष्टव्योऽभविष्यत्, राजापि
चक्रवर्ती तथागतोऽभविष्यत्। तस्मान्न लक्षणसंपदा
तथागतो द्रष्टव्यः। आयुष्मान् सुभूतिर्भगवन्तमेतद
वोचत्- यथाहं भगवतो भाषितस्यार्थमाजानामि, न
लक्षणसंपदा तथागतो द्रष्टव्यः॥

अथ खलु भगवांस्तस्यां वेलायामिमे गाथे अभाषत-
ये मां रूपेण चाद्राक्षुर्ये मां घोषेण चान्वगुः।
मिथ्याप्रहाणप्रसृता न मां द्रक्ष्यन्ति ते जनाः॥१॥
धर्मतो बुद्धो द्रष्टव्यो धर्मकाया हि नायकाः।

धर्मता च न विज्ञेया न सा शक्या
विजानितुम्॥२॥२६॥

तत्किं मन्यसे सुभूते लक्षणसंपदा तथागतेन
अनुत्तरा सम्यक्संबोधिरभिसंबुद्धा ? न खलु पुनस्ते
सुभूते एवं द्रष्टव्यम्। तत्कस्य हेतोः ? न हि सुभूते
लक्षणसंपदा तथागतेन अनुत्तरा
सम्यक्संबोधिरभिसंबुद्धा स्यात्। न खलु पुनस्ते
सुभूते कश्चिदेवं वदेत्-बोधिसत्त्वयानसंप्रस्थितैः
कस्यचिद्धर्मस्य विनाशः प्रज्ञप्तः उच्छेदो वेति। न
खलु पुनस्ते सुभूते एवं द्रष्टव्यम्। तत्कस्य हेतोः ? न
बोधिसत्त्वयानसंप्रस्थितैः कस्यचिद्धर्मस्य विनाशः
प्रज्ञप्तो नोच्छेदः॥२७॥

यश्च खलु पुनः सुभूते कुलपुत्रो वा कुलदुहिता वा
गङ्गानदीवालुकासमाल्लोकधातून् सप्तरत्नपरिपूर्ण
कृत्वा तथागतेभ्योऽर्हद्भ्यः सम्यक्संबुद्धेभ्यो दानं
दद्यात्, यश्च बोधिसत्त्वो निरात्मकेष्वनुत्पत्तिकेषु

धर्मेषु क्षान्तिं प्रतिलभते, अयमेव ततोनिदानं बहुतरं
 पुण्यस्कन्धं प्रसवेदप्रमेयमसंख्येयम्। न खलु पुनः
 सुभूते बोधिसत्त्वेन महासत्त्वेन पुण्यस्कन्धः
 परिग्रहीतव्यः। आयुष्मान् सुभूतिराह- ननु भगवन्
 बोधिसत्त्वेन पुण्यस्कन्धः परिग्रहीतव्यः ?
 भगवानाह-परिग्रहीतव्यः सुभूते नो ग्रहीतव्यः।
 तेनोच्यते परिग्रहीतव्य इति॥२८॥

अपि तु खलु पुनः सुभूते यः कश्चिदेवं वदेत्-तथागतो
 गच्छति वा आगच्छति वा तिष्ठति वा निषीदति वा,
 शय्यां वा कल्पयति, न मे सुभूते (स)
 भाषितस्यार्थमाजानाति। तत्कस्य हेतोः ? तथागत
 इति सुभूते उच्यते न क्वचिद्गतो न कुतश्चिदागतः।
 तेनोच्यते तथागतोऽर्हन् सम्यक्संबुद्ध इति॥२९॥

यश्च खलु पुनः सुभूते कुलपुत्रो वा कुलदुहिता वा
 यावन्ति त्रिसाहस्रमहासाहस्रे लोकधातौ
 पृथिवीरजांसि, तावतां लोकधातूनामेवंरूपं मर्षिं

कुर्यात् यावदेवमसंख्येयेन वीर्येण तद्यथापि नाम
 परमाणुसंचयः, तत्किं मन्यसे सुभूते-अपि नु बहुः स
 परमाणुसंचयो भवेत् ? सुभूतिराह-एवमेतद्भगवन्,
 एवमेतत्सुगत। बहुः स परमाणुसंचयो भवेत्।
 तत्कस्य हेतोः ? सचेद्भगवन् बहुः
 परमाणुसंचयोऽभविष्यत्, न भगवानवक्ष्यत्-
 परमाणुसंचय इति। तत्कस्य हेतोः ? योऽसौ भगवन्
 परमाणुसंचयस्तथागतेन भाषितः, असंचयः स
 तथागतेन भाषितः। तेनोच्यते परमाणुसंचय इति।
 यश्च तथागतेन भाषितस्त्रिसाहस्रमहासाहस्रो
 लोकधातुरिति, अधातुः स तथागतेन भाषितः।
 तेनोच्यते त्रिसाहस्रमहासाहस्रो लोकधातुरिति।
 तत्कस्य हेतोः ? सचेद्भगवन् लोकधातुरभविष्यत्, स
 एव पिण्डग्राहोऽभविष्यत्। यश्चैव
 पिण्डग्राहस्तथागतेन भाषितः, अग्राहः स तथागतेन
 भाषितः। तेनोच्यते पिण्डग्राह इति। भगवानाह-

पिण्डग्राहश्चैव सुभूते अव्यवहारोऽनभिलाप्यः। न स
धर्मो नाधर्मः। स च बालपृथग्जनैरुद्गृहीतः॥३०॥
तत्कस्य हेतोः ? यो हि कश्चित्सुभूते एवं वदेत्-
आत्मदृष्टिस्तथागतेन भाषिता, सत्त्वदृष्टि-
र्जीवदृष्टिः पुद्गलदृष्टिस्तथागतेन भाषिता, अपि नु
स सुभूते सम्यग्वदमानो वदेत् ? सुभूतिराह-नो हीदं
भगवन्, नो हीदं सुगत, न सम्यग्वदमानो वदेत्।
तत्कस्य हेतोः ? या सा भगवन्
आत्मदृष्टिस्तथागतेन भाषिता, अदृष्टिः सा
तथागतेन भाषिता। तेनोच्यते आत्मदृष्टिरिति॥
भगवानाह-एवं हि सुभूते बोधिसत्त्वयानसंप्रस्थितेन
सर्वधर्मा ज्ञातव्या द्रष्टव्या अधिमोक्तव्याः। तथाच
ज्ञातव्या द्रष्टव्या अधिमोक्तव्याः, यथा न
धर्मसंज्ञायामपि प्रत्युपतिष्ठेन्नाधर्मसंज्ञायाम्।
तत्कस्य हेतोः ? धर्मसंज्ञा धर्मसंज्ञेति सुभूते असंज्ञैषा
तथागतेन भाषिता। तेनोच्यते धर्मसंज्ञेति॥३१॥

यश्च खलु पुनः सुभूते बोधिसत्त्वो
महासत्त्वोऽप्रमेयानसंख्येयांल्लोकधातून् सप्तरत्न-
परिपूर्णं कृत्वा तथागतेभ्योऽर्हद्भ्यः सम्यक्संबुद्धेभ्यो
दानं दद्यात्, यश्च कुलपुत्रो वा कुलदुहिता वा इतः
प्रज्ञापारमिताया धर्मपर्यायादन्तशश्चतुष्पादिकामपि
गाथामुद्गृह्य धारयेद्देशयेद्वाचयेत् पर्यवाप्नुयात्,
परेभ्यश्च विस्तरेण संप्रकाशयेत्, अयमेव ततोनिदानं
बहुतरं पुण्यस्कन्धं प्रसुनुयादप्रमेयमसंख्येयम्। कथं
च संप्रकाशयेत् ? तद्यथाकाशे-

तारका तिमिरं दीपो मायावश्याय बुद्बुदम्।

स्वप्नं च विद्युदभ्रं च एवं द्रष्टव्यं संस्कृतम्॥

तथा प्रकाशयेत्, तेनोच्यते संप्रकाशयेदिति॥

इदमवोचद्गवान् आत्तमनाः। स्थविरसुभूतिस्ते च
भिक्षुभिक्षुण्युपासकोपासिकास्ते च बोधिसत्त्वाः
सदेवमानुषासुरगन्धर्वश्च लोको भगवतो
भाषितमभ्यनन्दन्निति॥३२॥

॥आर्यवज्रच्छेदिका भगवती
प्रज्ञापारमिता समाप्ता॥

vajracchedikā nāma trisatikā prajñāpāramitāsūtram | |

|| namo bhagavatyā āryaprajñāpāramitāyai ||

evaṃ mayā śrutam| ekasmin samaye
bhagavān śrāvastyāṃ viharati sma
jetavane'nāthapiṇḍadasyārāme mahatā
bhikṣusamghena sārtham trayodaśabhir
bhikṣuśataiḥ sambahulaiś ca bodhisattvair
mahāsattvaiḥ| atha khalu bhagavān
pūrvāhṇakālasamaye nivāsyā pātra-
cīvaram ādāya śrāvastīm mahā-
nagarīm piṇḍāya prāvikṣat| atha khalu bhagavān
śrāvastīm mahānagarīm piṇḍāya caritvā
kṛtabhaktakṛtyaḥ paścādbhakta piṇḍa-
pātapratikrāntaḥ pātracīvaram
pratiśāmya pādau prakṣālyā nyaṣīdat
prajñapta evāsane paryaṅkamābhujya
ṛjuṃ kāyaṃ praṇidhāya pratimukhīm
smṛtimupasthāpya| atha khalu sambahulā
bhikṣavo yena bhagavāns
tenopasaṃkrāman| upasaṃkrāmya
bhagavataḥ pādau śirobhirabhivandya
bhagavantam triṣpradakṣiṇīkṛtya ekānte
nyaṣīdan||1||

tena khalu punaḥ samayenāyusmān
subhūtiḥ tasyāṃ eva parṣadi saṃnipatito
'bhūtsaṃniṣaṇṇaḥ| atha khalvāyusmān
subhūtiḥ utthāyāsanādekāṃsam
uttarāsaṅgaṃ kṛtvā dakṣiṇaṃ
jānumaṇḍalaṃ pṛthivyāṃ pratiṣṭhāpya
yena bhagavāṃstenāñjalim praṇamya
bhagavantam etad avocat- āścaryaṃ
bhagavan, paramāścaryaṃ sugata, yāvad
eva tathāgatenārhatā samyak-
sambuddhena bodhisattvā mahāsattvā
anupariḡhītāḥ parameṇānugraheṇa|
āścaryaṃ bhagavan yāvad eva
tathāgatenārhatā samyak- sambuddhena
bodhisattvā mahāsattvāḥ parīnditāḥ
paramayā parīndanayā| tat kathaṃ
bhagavan bodhisattvayāna-
saṃprasthitena kulaputreṇa vā
kuladuhitrā vā sthātavyaṃ kathaṃ
pratipattavyaṃ kathaṃ cittaṃ
pragrahītavyam ?

evam ukte bhagavān āyusmantam
subhūtim etad avocat- sādhu sādhu
subhūte, evam etat subhūte, evam etad
yathā vadasi| anupariḡhītās
tathāgatena bodhisattvā mahāsattvāḥ

parameṇānugraheṇa| parīnditās
tathāgatena bodhisattvā mahāsattvāḥ
paramayā parīndanayā| tena hi subhūte
śṛṇu, sādhu ca suṣṭhu ca manasi kuru,
bhāṣiṣye 'ham te yathā bodhisattvayāna-
samprasthitena sthātavyam yathā
pratipattavyam yathā cittam
pragrahītavyam| evam bhagavan
ityāyuṣyān subhūtir bhagavataḥ
pratyāśrauṣīt||2||

bhagavān asya itad avocat- iha subhūte
bodhisattvayānasamprasthitenaiva cittam
utpādayitavyam yāvantaḥ subhūte sattvāḥ
sattvadhātau sattvasamgrahaṇa samgrhītā
aṇḍajā vā jarāyujā vā saṁsvedajā vā
aupapādukā vā rūpiṇo vā arūpiṇo vā
samjñino vā asamjñino vā naivasamjñino
nāsamjñino vā, yāvān kaścit sattvadhātuḥ
prajñapyamānaḥ prajñapyate, te ca mayā
sarve 'nupadhiśeṣe nirvāṇadhātau
parinirvāpayitavyāḥ| evam
aparimāṇānapi sattvān parinirvāpya na
kaścit sattvaḥ parinirvāpito bhavati| tat
kasya hetoḥ ? sacet subhūte
bodhisattvasya sattvasamjñā pravarteta,
na sa bodhisattva iti vaktavyaḥ| tat kasya

hetoh? na sa subhūte bodhisattvo
vaktavyo yasya sattvasamjñā pravarteta,
jīvasamjñā vā pudgalasamjñā va
pravarteta||3||

api tu khalu punaḥ subhūte na
bodhisattvena vastupraṭiṣṭhitena dānaṃ
dātavyam, na kvacit praṭiṣṭhitena dānaṃ
dātavyam| na rūpapraṭiṣṭhitena dānaṃ
dātavyam| na śabdagandharasaspraṣṭavya
dharmeṣu praṭiṣṭhitena dānaṃ dātavyam|
evam hi sūbhūte bodhisattvena
mahāsattvena dānaṃ dātavyam yathā na
nimittasamjñāyāmapi pratitiṣṭhet|
tatkasya hetoh ? yaḥ subhūte bodhisattvo
'praṭiṣṭhito dānaṃ dadāti, tasya subhūte
puṇyaskandhasya na sukaraṃ
pramāṇāmudgrahītum| tat kim manyase
subhūte sukaraṃ pūrvasyām diśi
ākāśasya pramāṇamudgrahītum ?
subhūtir āha- no hīdaṃ bhagavan|
bhagavān āha- evam
dakṣiṇapaścimottarāsu adha ūrdhvaṃ
digvidikṣu samantāddaśasu dikṣu
sukaramākāśasya pramāṇam udgrahītum
? subhūtir āha- no hīdaṃ bhagavan|
bhagavān āha- evam eva subhūte yo

bodhisattvo 'pratiṣṭhito dānaṃ dadāti,
tasya subhūte puṇyaskandhasya na
sukaraṃ pramāṇamudgrahītum| evaṃ hi
subhūte bodhisattvayānasamprasthitena
dānaṃ dātavyaṃ yathā na
nimittasamjñāyām api pratitiṣṭhet||4||

tat kiṃ manyase subhūte lakṣaṇasāmpadā
tathāgato draṣṭavyaḥ ? subhūtir āha- no
hīdaṃ bhagavan| na lakṣaṇasāmpadā
tathāgato draṣṭavyaḥ| tat kasya hetoḥ ? yā
sā bhagavan lakṣaṇasāmpattathāgatena
bhāṣitā saivālakṣaṇasāmpat| evam ukte
bhagavānāyusmantam subhūtim etad
avocat yāvatsubhūte lakṣaṇasāmpat
tāvanmrṣā, yāvad alakṣaṇasāmpat tāvan
na mrṣeti hi lakṣaṇālakṣaṇatastathāgato
draṣṭavyaḥ||5||

evam ukte āyusmān subhūtir
bhagavantam etad avocat- asti bhagavan|
kecitsattvā bhaviṣyantyanāgate'dhvani
paścime kāle paścime samaye paścimāyām
pañcaśatyām saddharmavipralopakāle
vartamāne, ye imeṣvevaṃrūpeṣu
sūtrāntapadeṣu bhāṣyamāṇeṣu
bhūtasamjñāmutpādayiṣyanti| api tu

khalu punaḥ subhūte bhaviṣyanty
 anāgate'dhvani bodhisattvā mahāsattvāḥ
 paścime kāle paścime samaye paścimāyāṃ
 pañcaśatyāṃ saddharmavipralope
 vartamāne guṇavantaḥ śīlavantaḥ
 prajñāvantaśca bhaviṣyanti, ye imeṣu
 evaṃ rūpeṣu sūtrāntapadeṣu
 bhāṣyamāṇeṣu bhūtasamjñām-
 utpādayiṣyanti| na khalu punas te
 subhūte bodhisattvā mahāsattvā
 ekabuddhaparyupāsītā bhaviṣyanti,
 naikabuddhāvaropita kuśalamūlā
 bhaviṣyanti| api tu khalu punaḥ subhūte
 anekabuddhaśatasahasraparyupāsītā
 anekabuddha śatasahasrāvaropita
 kuśalamūlās te bodhisattvā mahāsattvā
 bhaviṣyanti, ye imeṣvevaṃrūpeṣu
 sūtrāntapadeṣu bhāṣyamāṇeṣu
 ekacittaprasādamapi pratilapsyante|
 jñātās te subhūte tathāgatena
 buddhajñānena, dr̥ṣṭāste subhūte
 tathāgatena buddhacakṣuṣā, buddhāste
 subhūte tathāgatena| sarve te subhūte
 aprameyamasamkhyeyaṃ puṇya-
 skandhaṃ prasaviṣyanti pratigrahīṣyanti|
 tat kasya hetoḥ ? na hi subhūte teṣāṃ
 bodhisattvānāṃ mahāsattvānāṃ

ātmasamjñā pravartate, na sattvasamjñā,
na jīvasamjñā, na pudgalasamjñā
pravartate| nāpi teṣāṃ subhūte
bodhisattvānām mahāsattvānām
dharmaśamjñā pravartate| evaṃ
nādharmasamjñā| nāpi teṣāṃ subhūte
samjñā nāśamjñā pravartate| tatkasya
hetoḥ ? sacetsubhūte teṣāṃ
bodhisattvānām mahāsattvānām
dharmaśamjñā pravarteta, sa eva
teṣāṃātmaḡrāho bhavet, sattvaḡrāho
jīvaḡrāhaḥ pudgalaḡrāho bhavet|
sacedadharmasamjñā pravarteta, sa eva
teṣāṃātmaḡrāho bhavet, sattvaḡrāho
jīvaḡrāhaḥ pudgalaḡrāha iti| tat kasya
hetoḥ ? na khalu punaḥ subhūte
bodhisattvena mahāsattvena dharma
udḡrahītavyo nādharmaḥ| tasmād iyaṃ
tathāgatena saṃdhāya vāḡbhāṣitā-
kolopamaṃ dharmaparyāyamājānadbhi-
dharmā eva prahātavyāḥ prāḡevādharmā
iti||6||

punar aparaṃ bhagavān āyuṣmantaṃ
subhūtim etad avocat- tatkiṃ manyase
subhūte, asti sa kaścid dharmo yas
tathāgatenānuttarā samyaksambodhir ity

abhisambuddhaḥ, kaścīd vā dharmas
tathāgatena deśitaḥ ? evam ukte āyuṣmān
subhūtir bhagavantam etad avocat-
yathāhaṃ bhagavan bhagavato
bhāṣitasyārthamājānāmi, nāsti sa kaścīd
dharmo yas tathāgatena anuttarā
samyaksambodhirityabhisambuddhaḥ,
nāsti dharmo yas tathāgatena deśitaḥ|
tatkasya hetoḥ ? yo'sau tathāgatena
dharmo'bhisambuddho deśito vā,
agrāhyaḥ so'nabhilapyāḥ| na sa dharmo
nādharmāḥ| tatkasya hetoḥ ?
asaṃskṛtaprabhāvitā hyāryapudgalāḥ||7||

bhagavān āha- tat kiṃ manyase subhūte
yaḥ kaścīd kulaputro vā kuladuhitā vā
imaṃ trisāhasramahāsāhasraṃ
lokadhātuṃ saptaratnaparipūrṇaṃ kṛtvā
tathāgatebhyo 'rhadbhayaḥ
samyaksambuddhebhyo dānaṃ dadyāt,
api nu sa kulaputro vā kuladuhitā vā
tatonidānaṃ bahu puṇyaskandhaṃ
prasunuyāt| subhūtir āha- bahu bhagavan,
bahu sugata sa kulaputro vā kuladuhitā vā
tatonidānaṃ puṇyaskandhaṃ prasunuyāt|
tat kasya hetoḥ ? yo 'sau bhagavan
puṇyaskandhas tathāgatena bhāṣitaḥ,

askandhaḥ sa tathāgatena bhāṣitaḥ|
 tasmāt tathāgato bhāṣate- puṇyaskandhaḥ
 puṇyaskandha iti| bhagavān āha- yaś ca
 khalu punaḥ subhūte kulaputro vā
 kuladuhitā va imaṁ
 trisāhasramahāsāhasraṁ lokadhātum
 saptaratnaparipūrṇaṁ kṛtvā
 tathāgatebhyo 'rhadbhyaḥ samyak-
 sambuddhebhyo dānaṁ dadyāt, yaśca ito
 dharmaparyāyādantaśaścatuspādikāmapi
 gāthāmudgṛhya parebhyo vistareṇa
 deśayet saṁprakāśayet, ayam eva
 tatonidānaṁ bahutaraṁ puṇyaskandhaṁ
 prasunuyādaprameyasamkhyeyam|
 tatkasya hetoḥ ? atonirjātā hi subhūte
 tathāgatānām arhatām samyak-
 sambuddhānām anuttarā samyak-
 sambodhiḥ, atonirjātāśca buddhā
 bhagavantaḥ| tat kasya hetoḥ ?
 buddhadharmā buddhadharmā iti subhūte
 abuddhadharmāś caiva te tathāgatena
 bhāṣitaḥ| tenocyante buddhadharmā
 iti||8||

tat kim manyase subhūte api nu srota-
 āpannasyaivam bhavati mayā srotaāpatti-
 phalaṁ prāptamiti? Subhūtir āha- no

**hīdam bhagavan| na srotaāpannasyaivaṃ
bhavati- mayā srotaāpattiphalaṃ
prāptamiti| tat kasya hetoḥ ? na hi sa
bhagavan kaṃcid dharmamāpannaḥ,
tenocyate srotaāpanna iti| na rūpam
āpanno na śabdān na gandhān na rasān na
spraṣṭavyān dharmānāpannaḥ| tenocyate
srotaāpanna iti| saced bhagavan
srotaāpannasyaivaṃ bhavet- mayā
srotaāpattiphalaṃ prāptam iti, sa eva
tasyātmagrāho bhavet, sattvagrāho
jīvagrāhaḥ pudgalagrāho bhaved iti||**

**bhagavān āha- tat kiṃ manyase subhūte
api nu sakṛdāgāmina evaṃ bhavati- mayā
sakṛdāgāmiphalaṃ prāptam iti ? subhūtir
āha- no hīdam bhagavan| sa sakṛdāgāmina
evaṃ bhavati- mayā sakṛdāgāmiphalaṃ
prāptamiti| tatkasya hetoḥ ? na hi sa
kaścid dharmo yaḥ
sakṛdāgāmitvamāpannaḥ| tenocyate
sakṛdāgāmīti||**

**bhagavān āha- tat kiṃ manyase subhūte
api nu anāgāmina evaṃ bhavati-
mayānāgāmiphalaṃ prāptam iti ? subhūtir
āha- no hīdam bhagavan| na anāgāmina**

evam bhavati- mayā anāgāmiphalaṃ
prāptamiti| tat kasya hetoḥ ? na hi sa
bhagavan kaścid dharmo yo
'nāgāmitvamāpanaḥ| tenocyate
anāgāmīti||

bhagavān āha- tat kiṃ manyase subhūte
api nu arhata evaṃ bhavati- mayā
arhattvaṃ prāptam iti ? subhūtir āha- no
hīdaṃ bhagavan| nārhata evaṃ bhavati-
mayā arhattvaṃ prāptam iti| tat kasya
hetoḥ ? na hi sa bhagavan kaścid dharmo
yo 'rhan nāma| tenocyate- arhann iti|
saced bhagavan arhata evaṃ bhavet- mayā
arhattvaṃ prāptam iti, sa eva
tasyātmagrāho bhavet, sattvagrāho
jīvagrāhaḥ pudgalagrāho bhavet| tat kasya
hetoḥ ? aham asmi bhagavaṃs
tathāgatenārhatā samyaksambuddhena
araṇāvihāriṇāmagryō nirdiṣṭaḥ| aham
asmi bhagavan arhan vītarāgaḥ| na ca me
bhagavann evaṃ bhavati-
arhannasmyahaṃ vītarāga iti| sacen
mama bhagavann evaṃ bhavet- mayā
arhattvaṃ prāptam iti, na mām tathāgato
vyākariṣyadaraṇāvihāriṇāmagryaḥ

subhūtiḥ kulaputro na kvacid viharati,
tenocyate araṇāvihārī araṇāvihārīti||9||

bhagavān āha- tat kiṃ manyase subhūte-
asti sa kaścīd dharmo yas tathāgatena
dīpaṃkarasya tathāgatasyārhatasamyak-
sambuddhasyāntikād udgrhītaḥ ? subhūtir
āha- no hīdaṃ bhagavan| nāsti sa kaścīd
dharmo yas tathāgatena dīpaṃkarasya
tathāgatasyārhataḥ samyak-
sambuddhasyāntikād udgrhītaḥ||

bhagavān āha- yaḥ kaścit subhūte
bodhisattva evaṃ vadet- ahaṃ
kṣetravyūhān niṣpādayiṣyāmīti, sa
vitathaṃ vadet| tatkasya hetoḥ ?
kṣetravyūhāḥ kṣetravyūhā iti subhūte
avyūhāste tathāgatena bhāṣitāḥ|
tenocyante kṣetravyūhā iti| tasmāt tarhi
subhūte bodhisattvena mahāsattvena
evam apratiṣṭhitaṃ cittam
utpādayitavyaṃ yanna kvacit pratiṣṭhitaṃ
cittam utpādayitavyam| na
rūpapратиṣṭhitaṃ cittam utpādayitavyaṃ
na śabdagandharasapraṣṭavyadharmā-
pratiṣṭhitaṃ cittam utpādayitavyam|
tadyathāpi nāma subhūte puruṣo bhaved

upetakāyo mahākāyo yattasyaivaṃ rūpa
ātmabhāvaḥ syāt tadyathāpi nāma
sumeruḥ parvatarājaḥ| tat kiṃ manyase
subhūte api nu mahān sa ātmabhāvo
bhavet ? subhūtir āha- mahān sa
bhagavān, mahān sugata sa ātmabhāvo
bhavet| tat kasya hetoḥ ? ātmabhāva
ātmabhāva iti bhagavan na bhāvaḥ sa
tathāgatena bhāṣitaḥ| tenocyata
ātmabhāva iti| na hi bhagavan sa bhāvo
nābhāvaḥ| tenocyate ātmabhāva iti||10||

bhagavān āha- tat kiṃ manyase subhūte-
yāvatyō gaṅgāyāṃ mahānadyāṃ
vālukāstāvatyā eva gaṅgānadyo
bhaveyuḥ? tāsu yā vālukāḥ, api nu tā
bahvayo bhaveyuḥ ? subhūtir āha- tā eva
tāvadbhagavan bahvayo gaṅgānadyo
bhaveyuḥ, prāgeva yāstāsu gaṅgānādīṣu
vālukāḥ| bhagavān āha- ārocayāmi te
subhūte, prativedayāmi te| yāvatyastāsu
gaṅgānādīṣu vālukā bhaveyus tāvato
lokadhātūn kaścīd eva strī vā puruṣo vā
saptaratnaparipurṇaṃ kṛtvā
tathāgatebhyo 'rhadbhayaḥ samyak-
sambuddhebhyo dānaṃ dadyāt, tat kiṃ
manyase subhūte- api nu sā strī vā puruṣo

vā tatonidānaṃ bahu puṇyaskandhaṃ
prasunuyāt ? subhūtir āha- bahu
bhagavan, bahu sugata strī vā puruṣo vā
tatonidānaṃ puṇyaskandhaṃ
prasunuyādaprameyam asaṃkhyeyam|
bhagavān āha- yaś ca khalu punaḥ subhūte
strī vā puruṣo vā tāvato lokadhātūn
saptaratnaparipūrṇaṃ kṛtvā
tathāgatebhyo 'rhadbhayaḥ
samyaksaṃbuddhebhyo dānaṃ dadyāt,
yaśca kulaputro vā kuladuhitā vā ito
dharmaparyāyādantaśaścatuṣpādikāmapi
gāthāṃ udgr̥hya parebhyo deśayet
saṃprakāśayet, ayam eva tatonidānaṃ
bahutaraṃ puṇyaskandhaṃ
prasunuyādaprameyamasāṃkhyeyam ||
11||

api tu khalu punaḥ subhute yasmin
pṛthivīpradeśe ito
dharmaparyāyādantaśaścatuṣpādikāmapi
gāthāmudgr̥hya bhāṣyeta vā
saṃprakāśyeta vā, sa
pṛthivīpradeśaścaityabhūto bhavet sa
devamānuṣāsurasya lokasya, kaḥ punar
vādo ye imaṃ dharmaparyāyaṃ
sakalasaṃpṛāptaṃ dhārayiṣyanti

vācayiṣyanti paryavāpsyanti, parebhyaśca
vistareṇa samprakāśayiṣyanti| parameṇa
te subhūte āścaryeṇa samanvāgatā
bhaviṣyanti| tasmiṃś ca subhūte
pṛthivīpradeśe śāstā
viharatyanyatarānyataro vā vijña-
gurusthānīyaḥ ||12||

evam ukte āyusmān subhūtir
bhagavantam etad avocat- ko nāma ayam
bhagavan dharmaparyāyaḥ, katham
cainam dhārayāmi ? evam ukte bhagavān
āyusmantam subhūtim etad avocat-
prajñāpāramitā nāmāyam subhūte
dharmaparyāyaḥ| evam cainam dhāraya|
tatkasya hetoḥ ? yaiva subhūte
prajñāpāramitā tathāgatena bhāṣitā, saiva
apāramitā tathāgatena bhāṣitā| tenocyate
prajñāpāramiteti||

tat kiṃ manyase subhūte- api nu asti sa
kaścid dharmo yas tathāgatena bhāṣitaḥ ?
subhūtir āha- no hīdam bhagavan| nāsti sa
kaściddharmo yastathāgatena bhāṣitaḥ||

bhagavān āha- tat kiṃ manyase subhūte-
yāvat trisāhasramahāsāhasrelokadhātau

pr̥thivīrajaḥ kaccit, tad bahu bhavet ?
subhūtir āha- bahu bhagavan, bahu sugata
pr̥thivīrajo bhavet| tat kasya hetoḥ ? yat
tad bhagavan pr̥thivīrajastathāgatena
bhāṣitam, arajas tad bhagavaṁs
tathāgatena bhāṣitam| tenocyate
pr̥thivīraja iti| yo 'py asau lokadhātus
tathāgatena bhāṣitaḥ, adhātuḥ sa
tathāgatena bhāṣitaḥ| tenocyate
lokadhātur iti||

bhagavān āha- tat kiṁ manyase subhūte
dvātriṁśanmahāpuruṣalakṣaṇais
tathāgato 'rhan samyaksāmbuddho
draṣṭavyaḥ ? subhūtir āha- no hidaṁ
bhagavan| dvātriṁśanmahāpuruṣa-
lakṣaṇais tathāgato 'rhan
samyaksāmbuddho draṣṭavyaḥ| tat kasya
hetoḥ ? yāni hi tāni bhagavan
dvātriṁśanmahāpuruṣalakṣaṇāni
tathāgatena bhāṣitāni, alakṣaṇāni tāni
bhagavaṁs tathāgatena bhāṣitāni|
tenocyante dvātriṁśan-
mahāpuruṣalakṣaṇānīti||

bhagavān āha- yaś ca khalu punaḥ subhūte
strī vā puruṣo vā dine dine gaṅgānādī-

vālukāsamānātmabhāvān parityajet, evaṃ
parityajan gaṅgānadīvālukāsamān
kalpāmstānātmabhāvān parityajet, yaś ca
ito dharmaparyāyadantaśaścatuṣ-
pādikāmapi gāthāmudgṛhyaparebhyo
deśayet saṃprakāśayet, ayameva
tatonidānaṃ bahutaraṃ puṇyaskandhaṃ
prasunuyādaprameyamasamkhyeyam. ||
13||

atha khalv āyusmān subhūtir
dharmavegenāśrūṇi prāmuñcat| so 'śrūṇi
pramṛjya bhagavantam etad avocat-
āścaryaṃ bhagavan, paramāścaryaṃ
sugata, yāvad ayaṃ dharmaparyāyas
tathāgatena bhāṣito'grayāna-
saṃprasthitānāṃ sattvānāṃ arthāya,
śreṣṭhayanasaṃprasthitānāṃ arthāya,
yato me bhagavan jñānamutpannam| na
mayā bhagavan jātv evaṃrūpo
dharmaparyāyaḥ śrutapūrvah| parameṇa
te bhagavan āścaryeṇa samanvāgatā
bodhisattvā bhaviṣyanti, ye iha sūtre
bhāṣyamāṇe śrutvā bhūtasamjñā-
utpādayiṣyanti| tat kasya hetoḥ ? yā caiṣā
bhagavan bhūtasamjñā, sa iva

**abhūtasamjñā| tasmāt tathāgato
bhāṣatebhūtasamjñā bhūtasamjñeti||**

**na mama bhagavan āścaryaṃ yad aham
imaṃ dharmaparyāyaṃ bhāṣyamāṇam-
avakalpayāmi adhimucye| ye 'pi te
bhagavan sattvā bhaviṣyantyanāgate
'dhvani paścime kāle paścime samaye
paścimāyāṃ pañcaśatyāṃ
saddharmavipralope vartamāne, ye imaṃ
bhagavan dharmaparyāyam udgrahīṣyanti
dhārayiṣyanti vācayiṣyanti
paryavāpsyanti, parebhyaśca vistareṇa
saṃprakāśayiṣyanti, te paramāścaryeṇa
samanvāgatā bhaviṣyanti| api tu khalu
punar bhagavan na teṣāṃ ātmasamjñā
pravartīṣyate, na sattvasamjñā na
jīvasamjñā na pudgalasamjñā
pravartīṣyate, nāpi teṣāṃ kācit samjñā
nāsamjñā pravartate| tatkasya hetoḥ ? yā
sā bhagavan ātmasamjñā, saivāsamjñā| yā
sattvasamjñā jīvasamjñā pudgalasamjñā,
saivāsamjñā| tat kasya hetoḥ ?
sarvasamjñāpagatā hi buddha
bhagavantaḥ||**

evam ukte bhagavān āyusmantam
 subhūtim etad avocat- evam etat subhūte,
 evam etat| paramāścaryasamanvāgatāste
 sattvā bhaviṣyanti, ye iha subhūte sūtre
 bhāṣyamāṇe notraṣiṣyanti na
 samtrasiṣyanti na samtrāsamāpatsyante|
 tatkasya hetoḥ ? paramapāramiteyaṁ
 subhūte tathāgatena bhāṣitā
 yadutāpāramitā| yām ca subhūte
 tathāgataḥ paramapāramitāṁ bhāṣate,
 tāmaparimāṇā api buddhā bhagavanto
 bhāṣante| tenocyante paramapāramiteti||

api tu khalu punaḥ subhūte yā
 tathāgatasya kṣāntipāramitā, saiva
 apāramitā| tat kasya hetoḥ ? yadā me
 subhūte kalirājā aṅgapraty-
 aṅgamāmsānyacchaitṣīt, nāsīn me tasmin
 samaye ātmasamjñā vā sattvasamjñā vā
 jīvasamjñā vā pudgalasamjñā vā, nāpi me
 kācitsamjñā vā asamjñā vā babhūva| tat
 kasya hetoḥ ? sacen me subhūte tasmin
 samaye ātmasamjñā abhaviṣyat,
 vyāpādasamjñāpi me tasmin samaye
 'bhaviṣyat| sacet sattvasamjñā jīvasamjñā
 pudgalasamjñābhaviṣyat, vyāpāda-
 samjñāpi me tasmin samaye'bhaviṣyat| tat

kasya hetoḥ ? abhijānāmy ahaṁ subhūte
 atīte'dhvani pañca jātiśatāni yadahaṁ
 kṣāntivādī ṛṣir abhūvam| tatrāpi me
 nātmasamjñā babhūva, na sattvasamjñā,
 na jīvasamjñā, na pudgalasamjñā
 babhūva| tasmāt tarhi subhūte
 bodhisattvena mahāsattvena sarva samjñā
 vivarjayitvā anuttarāyāṁ samyak-
 sambodhau cittam utpādayitavyam| na
 rūpapraṭiṣṭhitam cittam utpādayitavyam,
 na śabdagandha- rasaspraṣṭavya-
 dharmapraṭiṣṭhitam cittam
 utpādayitavyam, na dharmapraṭiṣṭhitam
 cittam utpādayitavyam, nādharma-
 praṭiṣṭhitam cittam utpādayitavyam, na
 kvacit praṭiṣṭhitam cittam
 utpādayitavyam| tat kasya hetoḥ ? yat
 praṭiṣṭhitam tad evāpraṭiṣṭhitam| tasmād
 eva tathāgato bhāṣate-apraṭiṣṭhitena
 bodhisattvena dānaṁ dātavyam|
 na rūpaśabdagandharasasparśadharmā-
 praṭiṣṭhitena dānaṁ dātavyam||

api tu khalu punaḥ subhūte bodhisattvena
 evaṁrūpo dānaparityāgaḥ kartavyaḥ
 sarvasattvānāmarthāya| tat kasya hetoḥ ?
 yā caiṣā subhūte sattvasamjñā, saiva

asamjñā| ya evam te
sarvasattvāstathāgatena bhāṣitāsta eva
asattvāḥ| tat kasya hetoḥ ? bhūtavādī
subhūte tathāgataḥ, satyavādī tathāvādī
ananyathāvādī tathāgataḥ, na vitathavādī
tathāgataḥ||

api tu khalu punaḥ subhūte yas
tathāgatena dharmo 'bhisambuddho
deśito nidhyātaḥ, na tatra satyam na mṛṣā|
tadyathāpi nāma subhūte puruṣo
'ndhakārapraviṣṭo na kiṁcid api paśyet,
evam vastupatito bodhisattvo draṣṭavyo
yo vastupatito dānam parityajati|
tadyathāpi nāma subhūte cakṣuṣmān
puruṣaḥ prabhātāyām rātrau sūrye
'bhyudgate nānavidhāni rūpāṇi paśyet,
evam avastupatito bodhisattvo draṣṭavyo
yo 'vastupatito dānam parityajati||

api tu khalu punaḥ subhūte ye kulaputrā
vā kuladuhitaro vā imaṁ dharmā-
paryāyamudgrahīṣyanti dhārayiṣyanti
vācayiṣyanti paryavāpsyanti, parebhyaś ca
vistareṇa samprakāśayiṣyanti, jñātāste
subhūte tathāgatena buddhajñānena,
dṛṣṭāste subhūte tathāgatena

buddhacakṣuṣā, buddhāste tathāgatena|
sarve te subhūte sattvā
aprameyamasamkhyeyaṁ puṇya-
skandhaṁ prasaviṣyanti pratigrahīṣyanti
||14||

yaś ca khalu punaḥ subhūte strī vā puruṣo
vā purvāhṇakālasamaye gaṅgānadī-
vālukāsamānātmabhāvān parityajet, evaṁ
madhyāhṇakālasamaye gaṅgānadīvālukā-
samānātmabhāvān parityajet, sâyāhna-
kālasamaye gaṅgānadīvālukāsamān-
ātmabhāvān parityajet, anena paryāyeṇa
bahūni kalpakotīniyutaśatasahasrāṇy-
ātmabhāvān parityajet, yaś cemaṁ
dharmaparyāyaṁ śrutvā na pratikṣipet,
ayameva tattonidānaṁ bahutaraṁ
puṇyaskandhaṁ prasunuyādaprameyam-
asamkhyeyam, kaḥ punar vādo yo
likhitvā udgrhṇīyāddhārayedvācayet
paryavāpnuyāt, parebhyaś ca vistareṇa
samprakāśayet||

api tu khalu punaḥ subhūte acintyo 'tulyo
'yaṁ dharmaparyāyaḥ| ayaṁ ca subhūte
dharmaparyāyas tathāgatena bhāṣito
'grayānasamprasthitānām sattvānām

arthāya, śreṣṭhayānasamprasthitānām
sattvānām arthāya| ye imaṁ
dharmaparyāyam udgrahīṣyanti
dhārayīṣyanti vācayīṣyanti
paryavāpsyanti, parebhyaśca vistareṇa
samprakāśayīṣyanti, jñātās te subhūte
tathāgatena buddhajñānena, drṣṭāste
subhūte tathāgatena buddhacakṣuṣā,
buddhāste tathāgatena| sarve te subhūte
sattvā aprameyeṇa puṇyaskandhenām
samanvāgatā bhaviṣyanti| acintyenātulye-
nāmāpyenāparimāṇena puṇyaskandhena
samanvāgatā bhaviṣyanti| sarve te
subhūte sattvāḥ samāśena bodhiṁ
dhārayīṣyanti vacayīṣyanti paryavāp-
syanti| tat kasya hetoḥ ? na hi śakyaṁ
subhūte ayaṁ dharmaparyāyo
hīnādhimuktiakaiḥ sattvaiḥ śrotum,
nātmadrṣṭikair na sattvadrṣṭikair na
jīvadrṣṭikair na pudgaladrṣṭikaiḥ|
nābodhisattvapratijñaiḥ sattvaiḥ śakya
mayam dharmaparyāyaḥ śrotum vā
udgrahītuṁ vā dhārayituṁ vā vācayituṁ
vā paryavāptuṁ vā| nedaṁ sthānaṁ
vidyate||

api tu khalu punaḥ subhūte yatra
pṛthivīpradeśe idaṁ sūtram
prakaśayiṣyate, pūjanīyaḥ sa pṛthivī-
pradeśo bhaviṣyati sa devamānuṣāsurasya
lokasya| vandanīyaḥ pradakṣiṇīyaś ca sa
pṛthivīpradeśo bhaviṣyati, caityabhūtaḥ sa
pṛthivīpradeśo bhaviṣyati ||15||

api tu ye te subhūte kulaputrā vā
kuladuhitaro vā imān evaṁ rūpān
sūtrāntānudgrahīṣyanti dhārayiṣyanti
vācayiṣyanti paryavāpsyanti, yonīśāś ca
manasikariṣyanti, parebhyaśca vistareṇa
saṁprakāśayiṣyanti, te paribhūtā
bhaviṣyanti, suparibhūtāś ca bhaviṣyanti|
tat kasya hetoḥ ? yāni ca teṣāṁ subhūte
sattvānāṁ paurvajānmikānyaśubhāni
karmāṇi kṛtānyapāyasaṁvartanīyāni,
dṛṣṭa eva dharme paribhūtataḥ tāni
paurvajānmikānyaśubhāni karmāṇi
kṣapayiṣyanti, buddhabodhiṁ
cānuprāpsyanti||

abhijānāmyahaṁ subhūte atīte 'dhvany
asaṁkhyeyaiḥ kalpairasaṁkhyeyatarair
dīpaṁkarasya tathāgatasyārhtaḥ
samyaksambuddhasya pareṇa paratareṇa

caturaśītibuddhakoṭīniyutaśatasahasrāṇy
abhūvan ye mayārāgitāḥ, ārāgya na
virāgitāḥ| yacca mayā subhūte te buddhā
bhagavanta ārāgitāḥ, ārāgya na virāgitāḥ,
yac ca paścime kāle paścime samaye
paścimāyāṃ pañcaśatyāṃ saddharma-
vipralopakāle vartamāne imān
evamrūpān sūtrāntānudgrahīṣyanti
dhārayiṣyanti vācayiṣyanti
paryavāpsyanti, parebhyaś ca vistareṇa
saṃprakāśayiṣyanti, asya khalu punaḥ
subhūte puṇyaskandhasyāntikādasau
paurvakaḥ puṇyaskandhaḥ śatatamīmapi
kalām nopaiti, sahasratamīmapi
śatasahasratamīmapi koṭimamipi
koṭīśatatamīmapi koṭīśata-
sahasratamīmapi koṭīniyutaśatasahasra-
tamīmapi| saṃkhyā- api kalāmapi
gaṇanāmapi upamāmapi upaṇiṣadamapi
yāvadaupamyamapi na kṣamate||

sacet punaḥ subhūte teṣāṃ kulaputrāṇāṃ
kuladuhitṛṇāṃ vā ahaṃ puṇyaskandhaṃ
bhāṣeyam, yāvatte kulaputrā vā
kuladuhitaro vā tasmin samaye
puṇyaskandhaṃ prasaviṣyanti,
pratigrahīṣyanti, unmādaṃ sattvā

anuprāpnuyuścittavikṣepaṃ vā
gaccheyuḥ| api tu khalu punaḥ subhūte
acintyo'tulyo 'yaṃ dharmaparyāyas-
tathāgatena bhāṣitaḥ| asya acintya eva
vipākaḥ pratikāṅkṣitavyaḥ||16||

atha khalv āyusmān subhūtir
bhagavantam etad avocat- katham
bhagavan bodhisattva-
yānasamprasthitena sthātavyam, katham
pratipattavyam, katham cittam
pragrahītavyam ? bhagavān āha- iha
subhūte bodhisattvayānasamprasthitena
evam cittam utpādayitavyam- sarve sattvā
mayā anupadhiśeṣe nirvāṇadhātau
parinirvāpayitavyāḥ| evam sa sattvān
parinirvāpya na kaścit sattvaḥ
parinirvāpito bhavati| tatkasya hetoḥ ?
sacet subhūte bodhisattvasya
sattvasamjñā pravarteta, na sa
bodhisattva iti vaktavyaḥ| jīvasamjñā vā
yāvat pudgalasamjñā vā pravarteta, na sa
bodhisattva iti vaktavyaḥ| tat kasya hetoḥ?
nāsti subhūte sa kaścid dharmo yo
bodhisattvayānasamprasthito nāma||

tat kiṃ manyase subhūte asti sa kaścīd
dharmo yastathāgatena dīpaṃkarasya
tathāgatasyāntikād anuttarāṃ
samyaksāmbodhim abhisāmbuddhaḥ ?
evamukte āyuṣmān subhūtir bhagavantam
etat avocat- yathāhaṃ bhagavato
bhāṣitasyārtham ājānāmi, nāsti sa
bhagavan kaścīd dharmo yas tathāgatena
dīpaṃkarasya tathāgatasyārhatāḥ
samyaksāmbuddhasyāntikādanuttarāṃ
samyaksāmbodhimabhisāmbuddhaḥ|
evam ukte bhagavān āyuṣmantam
subhūtim etad avocat- evam etat subhūte,
evam etat| nāsti subhūte sa kaścīd dharmo
yas tathāgatena dīpaṃkarasya
tathāgatasyārhatāḥ samyak-
sāmbuddhasyāntikādanuttarāṃ samyak-
sāmbodhimabhisāmbuddhaḥ| sacet punaḥ
subhūte kaścīd dharmas
tathāgatenābhisāmbuddho'bhaviṣyat, na
māṃ dīpaṃkarastathāgato vyākariṣyat-
bhaviṣyasi tvaṃ māṇava anāgate 'dhvani
śākyamunirnāma tathāgato 'rhan samyak-
sāmbuddha iti| yasmāt tarhi subhūte
tathāgatenārhatā samyaksāmbuddhena
nāsti sa kaścīd dharmo yo 'nuttarāṃ
samyaksāmbodhimabhisāmbuddhaḥ

tasmād ahaṃ dīpaṃkareṇa tathāgatena
 vyākṛta bhaviṣyasi tvaṃ māṇava
 anāgate'dhvani śākyamunirnāma
 tathāgato'rhan samyaksāmbuddha|
 tatkasya hetoḥ ? tathāgata iti subhūte
 bhūtatathatāyā etad adhivacanam|
 tathāgata iti subhūte
 anutpādadharmatāyā etad adhivacanam|
 tathāgata iti subhūte
 dharmocchedasyaitad adhivacanam|
 tathāgata iti subhūte
 atyantānutpannasyaitad adhivacanam| tat
 kasya hetoḥ ? eṣa subhūte anutpādo yaḥ
 paramārthaḥ| yaḥ kaścit subhūte evaṃ
 vadet- tathāgatenārhatā
 samyaksāmbuddhena anuttarā
 samyaksāmbodhir abhisāmbuddheti, sa
 vitathaṃ vadet| abhyākakṣīta mām sa
 subhūte asatodgrhītena| tatkasya hetoḥ ?
 nāsti subhūte sa kaścīd dharmo yas
 tathāgatena anuttarāṃ
 samyaksāmbodhim abhisāmbuddhaḥ|
 yaśca subhūte tathāgatena dharmo
 'bhisāmbuddho deśīto vā tatra na satyaṃ
 na mṛṣā| tasmāt tathāgato bhāṣate-
 sarvadharmā buddhadharmā iti| tatkasya
 hetoḥ ? sarvadharmā iti subhūte

**adharmās tathāgatena bhāṣitāḥ| tasmād
ucyante sarvadharmā buddhadharmā iti||**

**tad yathāpi nāma subhūte puruṣo
bhavedupetakāyo mahākāyaḥ ? āyuṣmān
subhūtir āha- yo'sau bhagavaṁs
tathāgatena puruṣo bhāṣita upetakāyo
mahākāya iti, akāyaḥ sa bhagavaṁs
tathāgatena bhāṣitaḥ| tenocyate
upetakāyo mahākāya iti||**

**bhagavān āha- evam etat subhūte| yo
bodhisattva evaṁ vadet- ahaṁ sattvān
parinirvāpayiṣyāmiti, na sa bodhisattva iti
vaktavyaḥ| tatkasya hetoḥ ? asti subhūte
sa kaścīd dharmo yo bodhisattvo nāma ?
subhūtir āha- no hīdaṁ bhagavan| nāsti sa
kaścīd dharmo yo bodhisattvo nāma|
bhagavānāha- sattvāḥ sattvā iti subhūte
asattvāste tathāgatena bhāṣitāḥ,
tenocyante sattvā iti| tasmāt tathāgato
bhāṣate- nirātmānaḥ sarvadharmā nirjīvā
niṣpoṣā niṣpudgalāḥ sarvadharmā iti||**

**yaḥ subhūte bodhisattva evaṁ vadet-
ahaṁ kṣetravyūhāniṣpādayiṣyāmiti, sa
vitathaṁ vadet| tat kasya hetoḥ ?**

kṣetravyūhāḥ kṣetravyūhā iti subhūte
avyūhāste tathāgatena bhāṣitāḥ|
tenocyante kṣetravyūhā iti||

yaḥ subhūte bodhisattvo nirātmāno
dharmā nirātmāno dharmā ity
adhimucyate, tathāgatenārhatā
samyaksāmbuddhena bodhisattvo
mahāsattva ity ākhyātaḥ||17||

bhagavān āha- tat kiṃ manyase subhūte
saṃvidyate tathāgatasya māṃsacakṣuḥ ?
subhūtir āha- evam etad bhagavan,
saṃvidyate tathāgatasya māṃsacakṣuḥ|
bhagavān āha- tat kiṃ manyase subhūte
saṃvidyate tathāgatasya divyaṃ cakṣuḥ ?
subhūtir āha- evam etad bhagavan,
saṃvidyate tathāgatasya divyaṃ cakṣuḥ|
bhagavān āha- tat kiṃ manyase subhūte
saṃvidyate tathāgatasya prajñācakṣuḥ ?
subhūtir āha- evam etad bhagavan,
saṃvidyate tathāgatasya prajñācakṣuḥ|
bhagavān āha- tat kiṃ manyase subhūte
saṃvidyate tathāgatasya dharmacakṣuḥ ?
subhūtir āha- evam etad bhagavan,
saṃvidyate tathāgatasya dharmacakṣuḥ|
bhagavān āha- tat kiṃ manyase subhūte

saṃvidyate tathāgatasya buddhacakṣuḥ ?
subhūtir āha- evam etad bhagavan,
saṃvidyate tathāgata buddhacakṣuḥ|

bhagavān āha- tat kiṃ manyase subhūte
yāvantyo gaṅgāyāṃ mahānadyāṃ
vālukāḥ, api nu tā vālukāstathāgatena
bhāṣitāḥ ? subhūtir āha- evam etad
bhagavan, evam etad sugata| bhāṣitāsta
thāgatena vālukāḥ| bhagavān āha- tat kiṃ
manyase subhūte yāvantyo gaṅgāyāṃ
mahānadyāṃ vālukāḥ, tāvatya eva
gaṅgānadyo bhavyeḥ, tāsū vā vālukāḥ,
tāvantaś ca lokadhātavo bhavyeḥ, kaccid
bahavaste lokadhātavo bhavyeḥ ?
subhūtir āha- evam etad bhagavan, evam
etat sugata| bahavas te lokadhātavo
bhavyeḥ| bhagavān āha- yāvantaḥ
subhūte teṣu lokadhātuṣu sattvāḥ, teṣāṃ
ahaṃ nānābhāvāṃ cittadhārāṃ
prajānāmi| tat kasya hetoḥ ? cittadhārā
cittadhāreti subhūte adhāraiṣā
tathāgatena bhāṣitā, tenocyate
cittadhāreti| tat kasya hetoḥ ? atītaṃ
subhūte cittaṃ nopalabhyate| anāgataṃ
cittaṃ nopalabhyate| pratyutpannaṃ
cittaṃ nopalabhyate||18||

tat kiṃ manyase subhūte yaḥ kaścit
 kulaputro vā kuladuhitā vā imaṃ
 trisāhasramahāsāhasraṃ lokadhātum
 saptaratnaparipūrṇaṃ kṛtvā
 tathāgatebhyo 'rhadbhayaḥ samyak-
 sambuddhebhyo dānaṃ dadyāt, api nu sa
 kulaputro vā kuladuhitā vā tatonidānaṃ
 bahu puṇyaskandhaṃ prasunuyāt ?
 subhūtir āha- bahu bhagavan, bahu
 sugata| bhagavān āha- evam etat subhūte,
 evam etat| bahu sa kulaputro vā
 kuladuhitā vā tatonidānaṃ
 puṇyaskandhaṃ prasunuyādaprameyam-
 asaṃkhyeyam| tat kasya hetoḥ ?
 puṇyaskandhaḥ puṇyaskandha iti subhūte
 askandhaḥ sa tathāgatena bhāṣitaḥ|
 tenocyate puṇyaskandha iti| sacet punaḥ
 subhūte puṇyaskandho 'bhaviṣyat, na
 tathāgato 'bhāṣiṣyat puṇyaskandhaḥ
 puṇyaskandha iti||19||

tat kiṃ manyase subhūte rūpakāya-
 pariniṣpattyā tathāgato draṣṭavyaḥ ?
 subhūtir āha- no hīdaṃ bhagavan| na
 rūpakāyapariniṣpattyā tathāgato
 draṣṭavyaḥ| tatkasya hetoḥ ?
 rūpakāyapariniṣpattī rūpakāya-

pariniṣpattiriti bhagavan
apariṣpattireṣā tathāgatena bhāṣitā|
tenocyate rūpakāyapariṣpattir iti||

bhagavān āha- tat kiṃ manyase subhūte
lakṣaṇasaṃpadā tathāgato draṣṭavyaḥ ?
subhūtir āha- no hīdaṃ bhagavān| na
lakṣaṇasaṃpadā tathāgato draṣṭavyaḥ| tat
kasya hetoḥ ? yaiṣā bhagavan
lakṣaṇasaṃpattathāgatena bhāṣitā,
alakṣaṇasaṃpadeṣā tathāgatena bhāṣitā|
tenocyate lakṣaṇasaṃpad iti||20||

bhagavān āha- tat kiṃ manyase subhūte
apī nu tathāgatasyaivaṃ bhavati- mayā
dharmo deśita iti ? subhūtir āha- no hīdaṃ
bhagavan tathāgatasya ivaṃ bhavati-
mayā dharmo deśita iti| bhagavān āha-
yaḥ subhūte evaṃ vadet- tathāgatena
dharmo deśita iti, sa vitathaṃ vadet|
abhyācakṣīta mām sa subhūte
asatodgrhītena| tat kasya hetoḥ ?
dharmadeśanā dharmadeśaneti subhūte
nāsti sa kaścīd dharmo yo dharmadeśanā
nāmopalabhyate||

evam ukte āyusmān subhūtir
bhagavantam etad avocat- asti bhagavan
kecit sattvā bhaviṣyantyanāgate'dhvani
paścime kāle paścime samaye paścimāyām
pañcaśatyām saddharmavipralope
vartamāne, ya imānevaṃrūpān dharmān
śrutvā abhiśraddhāsyanti| bhagavān āha-
na te subhūte sattvā nāsattvāḥ| tat kasya
hetoḥ ? sattvāḥ sattvā iti subhūte sarve te
subhūte asattvāstathāgatena bhāṣitāḥ|
tenocyante sattvā iti||21||

tat kiṃ manyase subhūte- api nu asti sa
kaścīd dharmāḥ, yas tathāgatenānuttarām
samyaksambodhimabhisambuddhaḥ ?
āyusmān subhūtir āha- no hīdaṃ
bhagavan| nāsti sa bhagavan kaścīd
dharmo yas tathāgatenānuttarām samyak-
sambodhimabhisambuddhaḥ| bhagavān
āha- evam etat subhūte, evam etat|
aṇurapi tatra dharmo na saṃvidyate
nopalabhyate| tenocyate anuttarā
samyaksambodhir iti||22||

api tu khalu punaḥ subhūte samaḥ sa
dharmo na tatra kaścīd viśamaḥ|
tenocyate anuttarā samyaksambodhir iti|

nirātmavtena niḥsattvatvena nirjīvatvena
niṣpudgalatvena samā sā anuttarā
samyaksāmbodhiḥ sarvaiḥ kuśalair
dharmair abhisāmbudhyate| tat kasya
hetoḥ ? kuśalā dharmāḥ kuśalā dharmā iti
subhūte adharmāścaiva te tathāgatena
bhāṣitāḥ| tenocyante kuśalā dharmā
iti||23||

yaśca khalu punaḥ subhūte strī vā puruṣo
vā yāvantas trisāhasramahāsāhasre
lokadhātau sumeravaḥ parvatarājānaḥ,
tāvato rāśīn saptānām ratnānām
abhisāmhṛtya tathāgatebhyo 'rhadbhayaḥ
samyaksāmbuddhebhyo dānam dadyāt,
yaśca kulaputro vā kuladuhitā vā itaḥ
prajñāpāramitāyā dharmaparyāyād
antaśaścātuṣpādikāmapi gāthāmudgṛhya
parebhyo deśayet, asya subhūte
puṇyaskandhasya asau paurvakaḥ
puṇyaskandhaḥ śatamīmapi kalām
nopaiti, yāvadupaniṣadamapi na
kṣamate||24||

tatkiṃ manyase subhūte - api nu
tathāgatasya ivam bhavati - mayā sattvāḥ
parimocitā iti? na khalu punaḥ subhūte

evam draṣṭavyam| tat kasya hetoḥ ? nāsti
subhūte kaścit sattvo yas tathāgatena
parimocitaḥ| yadi punaḥ subhūte kaścit
sattvo'bhaviṣyadyas- tathāgatena
parimocitaḥ syāt, sa eva
tathāgatasyātmagrāho 'bhaviṣyat, sattva-
grāho jīvagrāhaḥ pudgalagrāho'bhaviṣyat|
ātmagrāha iti subhūte agrāha eṣa
tathāgatena bhāṣitaḥ| sa ca
bālapṛthagjanair udgrhītaḥ| bālapṛthag-
janā iti subhūte ajanā eva te tathāgatena
bhāṣitāḥ| tenocyante bālapṛthagjanā
iti||25||

tat kim manyase subhūte-
lakṣaṇasaṃpadā tathāgato draṣṭavyaḥ ?
subhūtir āha- no hīdam bhagavan|
yathāham bhagavato bhāṣitasyārtham
ājānāmi, na lakṣaṇa- saṃpadā tathāgato
draṣṭavyaḥ| bhagavān āha- sādhu sādhu
subhūte, evam etat subhūte, evam
etadyathā vadasi| na lakṣaṇasaṃpadā
tathāgato draṣṭavyaḥ| tatkasya hetoḥ ?
sacetpunaḥ subhūte lakṣaṇasaṃpadā
tathāgato draṣṭavyo 'bhaviṣyat, rājāpi
cakravartī tathāgato 'bhaviṣyat| tasmān na
lakṣaṇasaṃpadā tathāgato draṣṭavyaḥ|

āyusmān subhūtir bhagavantam etad
avocat- yathāhaṃ bhagavato
bhāṣitasyārtham ājānāmi, na lakṣaṇa-
sāmpadā tathāgato draṣṭavyaḥ||

atha khalu bhagavāms tasyām velāyām
ime gāthe abhāṣata-

ye mām rūpeṇa cādrākṣurye mām
ghoṣeṇa cānvaguḥ|

mithyāprahāṇaprasṛtā na mām draṣṭyanti
te janāḥ||1||

dharmato buddho draṣṭavyo dharmakāyā
hi nāyakāḥ|

dharmatā ca na vijñeyā na sā śakyā
vijānitum||2||26||

tat kim manyase subhūte lakṣaṇasāmpadā
tathāgatena anuttarā samyaksāmbodhir
abhisāmbuddhā? na khalu punaste
subhūte evaṃ draṣṭavyam| tat kasya
hetoḥ? na hi subhūte lakṣaṇasāmpadā
tathāgatena anuttarā samyak-
sāmbodhirabhisāmbuddhā syāt| na khalu
punaste subhūte kaścīd evaṃ vadet-

bodhisattvayānasamprasthitaiḥ kasyacid
dharmasya vināśaḥ prajñaptaḥ ucchedo
veti| na khalu punaste subhūte evaṃ
draṣṭavyam| tat kasya hetoḥ ? na
bodhisattvayānasamprasthitaiḥ kasyacid
dharmasya vināśaḥ prajñapto
nocchedaḥ||27||

yaśca khalu punaḥ subhūte kulaputro vā
kuladuhitā vā gaṅgānadīvālukāsamāml
lokadhātūn saptaratnaparipūrṇam kṛtvā
tathāgatebhyo 'rhadbhayaḥ samyak-
sambuddhebhyo dānam dadyāt, yaśca
bodhisattvo nirātmakeṣvanutpattikeṣu
dharmaṣu kṣāntim pratilabhate, ayam eva
tatonidānam bahutaram puṇyaskandham
prasavedaprameyamasamkhyeyam| na
khalu punaḥ subhūte bodhisattvena
mahāsattvena puṇyaskandhaḥ
parigrahītavyaḥ| āyusmān subhūtirāha-
nanu bhagavan bodhisattvena
puṇyaskandhaḥ parigrahītavyaḥ ?
bhagavān āha- parigrahītavyaḥ subhūte no
grahītavyaḥ| tenocyate parigrahītavya iti
||28||

api tu khalu punaḥ subhūte yaḥ kaścīd
 evaṃ vadet- tathāgato gacchati vā
 āgacchati vā tiṣṭhati vā niṣīdati vā, śayyāṃ
 vā kalpayati, na me subhūte (sa)
 bhāṣitasyārtham ājānāti| tat kasya hetoḥ ?
 tathāgata iti subhūte ucyate na kvaścīd gato
 na kutaścīd āgataḥ| tenocyate
 tathāgato'rhan samyaksambuddha iti||29||

yaśca khalu punaḥ subhūte kulaputro vā
 kuladuhitā vā yāvanti trisāhasra-
 mahāsāhasrelokadhātau pṛthivīrajāmsi,
 tāvatām lokadhātūnāmevaṃrūpaṃ maṣiṃ
 kuryāt yāvadevamasamkhyeyena vīryeṇa
 tadyathāpi nāma paramāṇusaṃcayaḥ, tat
 kiṃ manyase subhūte- api nu bahuḥ sa
 paramāṇusaṃcayo bhavet ? subhūtir āha-
 evam etad bhagavan, evam etat sugata|
 bahuḥ sa paramāṇusaṃcayo bhavet|
 tatkasya hetoḥ ? saced bhagavan bahuḥ
 paramāṇusaṃcayo 'bhaviṣyat, na
 bhagavānavakṣyatparamāṇusaṃcaya iti|
 tat kasya hetoḥ ? yo'sau bhagavan
 paramāṇusaṃcayastathāgatena bhāṣitaḥ,
 asaṃcayaḥ sa tathāgatena bhāṣitaḥ|
 tenocyate paramāṇusaṃcaya iti| yaśca
 tathāgatena bhāṣitas trisāhasra-

mahāsāhasro lokadhātur iti, adhātuḥ sa
tathāgatena bhāṣitaḥ| tenocyate
trisāhasramahāsāhasro lokadhātur iti|
tatkasya hetoḥ ? saced bhagavan
lokadhātur abhaviṣyat, sa eva piṇḍagrāho
'bhaviṣyat| yā ca iva piṇḍagrāhas
tathāgatena bhāṣitaḥ, agrāhaḥ sa
tathāgatena bhāṣitaḥ| tenocyate
piṇḍagrāha iti| bhagavān āha-
piṇḍagrāhas caiva subhūte
avyavahāro'nabhilāpyaḥ| na sa dharmo
nādharmah| sa ca bālapṛthagjanair
udgrhītaḥ||30||

tat kasya hetoḥ ? yo hi kaścit subhūte
evam vadet- ātmadrṣṭis tathāgatena
bhāṣitā, sattvadrṣṭir jīvadrṣṭiḥ
pudgaladrṣṭis tathāgatena bhāṣitā, api nu
sa subhūte samyagvadamāno vadet ?
subhūtir āha- no hīdam bhagavan, no
hīdam sugata, na samyagvadamāno vadet|
tatkasya hetoḥ ? yā sā bhagavan
ātmadrṣṭis tathāgatena bhāṣitā, adrṣṭiḥ sā
tathāgatena bhāṣitā| tenocyate ātmadrṣṭir
iti||

bhagavān āha- evaṃ hi subhūte
bodhisattvayānasamprasthitena sarva
dharmā jñātavyā draṣṭavyā
adhimoktavyāḥ| tathāca jñātavyā
draṣṭavyā adhimoktavyāḥ, yathā na
dharmaśamjñāyām api pratyupa-
tiṣṭhennādharmaśamjñāyām| tat kasya
hetoḥ ? dharmasamjñā dharmasamjñeti
subhūte asaṃjñaiṣā tathāgatena bhāṣitā|
tenocyate dharmasamjñeti||31||

yaś ca khalu punaḥ subhūte bodhisattvo
mahāsattvo'prameyānasamkhyeyāmlloka-
dhātūn saptaratnaparipūrṇaṃ kṛtvā
tathāgatebhyo'rhadbhayaḥ samyak-
sambuddhebhyo dānaṃ dadyāt, yaś ca
kulaputro vā kuladuhitā vā itaḥ prajñā-
pāramitāyā dharmaparyāyādantaśaś-
catuṣpādikāmapi gāthāṃ udgrhya
dhārayeddeśayedvācayet paryavāpnuyāt,
parebhyaśca vistareṇa samprakāśayet,
ayameva tatonidānaṃ bahutaraṃ
puṇyaskandhaṃ prasunuyādaprameyam
asaṃkhyeyam| kathaṃ ca samprakāśayet?

tad yathā kāṣe-

**tārakā timiraṃ dīpo māvāśyāya
budbudam|**

**svapnaṃ ca vidyudabhraṃ ca evaṃ
draṣṭavya saṃskṛtam||**

tathā prakāśayet, tenocyate|

saṃprakāśayediti||

**idam avocad bhagavān āttamanāḥ|
sthavirasubhūtiḥ te ca bhikṣubhikṣuṇy-
upāsakopāsikāste ca bodhisattvāḥ
sadevamānuṣāsuraḥ gandharvaśca loko
bhagavato bhāṣitam abhyanandann iti
||32||**

**||āryavajracchedikā bhagavati
prajñāpāramitāsamāptā||**

NGŨ VỤNG KINH KIM CƯƠNG

Bảng ngữ vựng cùng với sự trích dẫn một số cú pháp Phạn – Việt trong kinh Kim cương bát nhã ba la mật của ấn bản này nhằm giới thiệu cho những người học Phật về căn bản Phạn ngữ. Tư liệu này được dịch giả biên soạn để dạy môn Phạn ngữ cho Tăng Ni Sinh khóa IV 1996-2000 của Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại Sài Gòn.

A - Z

abhisambuddha 得

không có Pháp nào mà Pháp đó Như Lai chứng ngộ Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Không có Pháp nào được Như Lai thuyết giảng 7.144 = xem **PHẨM 7 TRANG 144** *nāsti sa kaścīd dharmo yas tathāgatena anuttarā samyaksambodhir ity abhisambuddhaḥ, nāsti dharmo yas tathāgatena deśitaḥ* 7.278 = xem **PHẨM 7 TRANG 278**

abhyananda 歡喜

Thế Tôn thuyết kinh này xong tự thân Trưởng Lão Tu Bồ Đề, chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc và Ưu bà di, chúng Bồ Tát, chư Thiên, loài Người, A tu la, Càn thất bà trong thế gian hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn 32.223 idam avocad bhagavān āttamanāḥ| sthavirasubhūtis te ca bhikṣubhikṣuṇy upāsakopāsikāste ca bodhisattvāḥ sadevamānuṣāsurasuragandharvaśca loko bhagavato bhāṣitam abhyanandann iti 32.312

anāgāmin 阿那含

bạch Thế Tôn, thật sự không có pháp nào mà pháp đó là A Na Hàm được sanh ra, do vậy được gọi là A Na Hàm 9.151 na hi sa bhagavan kaścīd dharmo yo 'nāgāmitvamāpannaḥ| tenocyate anāgāmīti 9.281

Anāthapiṇḍada 給孤獨

vườn của Trưởng giả Cấp Cô Độc 1.127

Anāthapiṇḍadasyārāme 1.271

andhakāra-praviṣṭa 入闇

như một người đi vào trong đêm tối thì không thể thấy gì, Bồ Tát phải biết rằng rơi vào sự tướng cũng như vậy, người rơi vào sự tướng để xả bỏ tài vật; như người có mắt lại được ánh mặt trời ban ngày xuất hiện chiếu sáng có thể thấy nhiều loại sắc khác nhau, Bồ Tát phải biết không chấp vào sự tướng thì cũng như vậy, người không rơi

vào sự tướng để xả bỏ tài vật 14.175 tadyathāpi
nāma subhūte puruṣo 'ndhakārapraviṣṭo na
kimcid api paśyet, evaṃ vastupatito bodhisattvo
draṣṭavyo yo vastupatito dānaṃ parityajati|
tadyathāpi nāma subhūte cakṣuṣmān puruṣaḥ
prabhātāyām rātrau sūrye 'bhyudgate nānavidhāni
rūpāni paśyet, evaṃ avastupatito bodhisattvo
draṣṭavyo yo 'vastupatito dānaṃ parityajati
14.291

añjalim praṇam 合掌恭敬

chấp tay hướng về Thế Tôn 2.129 yena
bhagavāns tenañjalim praṇamya 2.272

anuprāpnuyuścittavikṣepaṃ 心則狂亂 /

unmādam 狐疑不信

chúng sanh sẽ hoài nghi không tin hoặc có thể
dẫn đến cuồng loạn tâm trí 16.185 unmādaṃ
sattvā anuprāpnuyuścittavikṣepaṃ vā gaccheyuḥ
16.295

anutpāda 無生

này Tu Bồ Đề, cái vô sanh là sự thành tựu tối
thượng 17.191 eṣa subhūte anutpādo yaḥ
paramārthaḥ 17.297

anuttarā samyak sambodhi 無上菩提, 阿耨
多羅三藐三菩提, 無上正徧智, 無上正
真, 無上正真道, 無上正真道意, 無上
正等菩提, 無上正等覺, 無上正覺, 無

上正遍智，無上正遍道，無上至真正覺，
等覺無上菩提

có Pháp nào mà Pháp đó Như Lai chứng ngộ Vô
thượng chánh đẳng chánh giác không? *Hoặc* có
Pháp nào được Như Lai thuyết giảng không?
7.144 asti sa kaścīd dharmo yas
tathāgatenānuttarā samyaksambodhir ity
abhisambuddhaḥ, kaścīd vā dharmas tathāgatena
deśitaḥ 7.277

araṇāvihārin 阿蘭那行者

Tu Bồ Đề một thiện gia nam tử dẫn đầu hạnh a
lan nhã không trụ chỗ nào 9.153
vyākariṣyadaraṇāvihāriṇāmagryaḥ subhūtiḥ
kulaputro na kvacid viharati 9.282

arhan vītarāga 離欲阿羅漢

bạch Thế Tôn, con là vị A La Hán ly dục 9.153
aham asmi bhagavan arhan vītarāgaḥ 9.281

arhat 阿羅漢

các Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác
chứng ngộ Vô Thượng Chánh Giác thì được sanh
ra từ đây và Phật Thế Tôn cũng được sanh ra từ
đây 8.148 atonirjātā hi subhūte tathāgatānām
arhatām samyaksambuddhānām anuttarā
samyaksambodhiḥ, atonirjātāśca buddhā
bhagavantaḥ 8.279

ārya 聖

đảnh lễ Đức Thế Tôn Thánh Bát nhã ba la mật
127 namo bhagavatyā āryaprajñāpāramitāyai 271

asaṃskṛta 無為 /

asaṃskṛtaprabhāvitā 無為法

Thánh nhân có năng lực vô vi 7.145
asaṃskṛtaprabhāvitā hy āryapudgalāḥ 7.278

āścarya 希有 hy hữu 2.129 *āścaryaṃ* 2.272

askandha 非蘊

Bạch Thế Tôn, Như Lai nói cái gì là tụ công đức thì Như Lai nói cái đó không là tụ. Do vậy, Như Lai nói tụ công đức là tụ công đức. 8.146 yo 'sau bhagavan puṇyaskandhas tathāgatena bhāṣitaḥ, askandhaḥ sa tathāgatena bhāṣitaḥ| tasmāt tathāgato bhāṣate- puṇyaskandhaḥ puṇyaskandha iti 8.278

atītaṃ cittaṃ / anāgataṃ cittaṃ /

pratyutpannaṃ citta 過去心, 未來心, 現在心

này Tu Bồ Đề, tâm quá khứ không thể đạt được, tâm tương lai không thể đạt được, tâm hiện tại không thể đạt được 18.199 *atītaṃ subhūte cittaṃ nopalabhyate| anāgataṃ cittaṃ nopalabhyate| pratyutpannaṃ cittaṃ nopalabhyate* 18.301

ātmabhāva 色身, 身, 本身, 身體

Bạch Thế Tôn, sắc thân là sắc thân, Như Lai nói không là sắc thân. Do vậy được gọi là sắc thân. Bạch Thế Tôn, thật sự thân này không hiện hữu cũng không không là hiện hữu. Do vậy được gọi là sắc thân 10.157 *ātmabhāva ātmabhāva iti bhagavan na bhāvaḥ sa tathāgatena bhāṣitaḥ|*

tenocyata ātmabhāva iti| na hi bhagavan sa bhāvo
nābhāvah| tenocyate ātmabhāva iti 10.283

ātma-dr̥ṣṭi 我執, 我見, 身見

nếu có người nào nói như vậy: Như Lai nói có
ngã kiến, Như Lai nói có chúng sanh kiến, thọ
mạng kiến, nhân kiến. Này Tu Bồ Đề, người này
có nói lời chân thật không? 31.219 yo hi kaścit
subhūte evaṃ vadet- ātmadr̥ṣṭis tathāgatena
bhāṣitā, sattvadr̥ṣṭir jīvadr̥ṣṭiḥ pudgaladr̥ṣṭis
tathāgatena bhāṣitā, api nu sa subhūte
samyagvadamāno vadet 31.310

ātma-saṃjñā 我想, 我相

này Tu Bồ Đề, những Bồ Tát Ma Ha Tát này
không khởi lên tướng ngã, không khởi lên tướng
chúng sanh, không khởi lên tướng thọ giả, không
khởi lên tướng con người 6.141 na hi subhūte
teṣāṃ bodhisattvānāṃ mahāsattvānāṃ
ātmasaṃjñā pravartate, na sattvasaṃjñā, na
jīvasaṃjñā, na pudgalasaṃjñā pravartate 6.276

aupapāduka 化生, 生化

hoặc trứng sanh hoặc thai sanh hoặc ẩm ướt sanh
hoặc biến hóa sanh 3.132 aṇḍajā vā jarāyujā vā
saṃsvedajā vā aupapādukā vā 3.273

avakalpanā 信解

bạch Thế Tôn, thật là vi diệu, nhưng đối với con
không thể tin giải Pháp phương tiện đã được
thuyết này 14.168 na mama bhagavan āścaryaṃ

yad aham imaṃ dharmaparyāyaṃ bhāṣyamāṇam-
avakalpayāmi adhimucye 14.288

avyavahāra 不可說

hợp tướng thì không thể nói bằng lời, không diễn
tả bằng ngôn ngữ 30.218 piṇḍagrāhaś caiva
subhūte avyavahāro'nabhilāpyaḥ 30.310

āyusmat 大德, 尊者

Thế Tôn nói với tôn giả Tu Bồ Đề 2.130
bhagavān āyusmantam subhūtim etad avocat
2.272

bāla-prthag-janā 凡夫, 婆羅必利他伽闍那

này Tu Bồ Đề, không có chúng sanh nào mà
chúng sanh đó được Như Lai độ thoát. Này Tu
Bồ Đề, lại nữa nếu có chúng sanh nào mà chúng
sanh đó được Như Lai độ thoát, thì như vậy Như
Lai chấp ngã, chấp chúng sanh, chấp thọ mạng,
chấp con người. Này Tu Bồ Đề, chấp ngã Như
Lai nói đó không là chấp. Người phạm ngu thì
tham chấp. Này Tu Bồ Đề, người phạm ngu như
vậy Như Lai nói không là người. Do vậy được
gọi là người phạm ngu 25.209 nāsti subhūte
kaścit sattvo yas tathāgatena parimocitaḥ| yadi
punaḥ subhūte kaścit sattvo'bhaviṣyadyas-
tathāgatena parimocitaḥ syāt, sa eva
tathāgatasyātmagrāho 'bhaviṣyat, sattva-
grāho jīvagrāhaḥ pudgalagrāho'bhaviṣyat| ātmagrāha iti
subhūte agrāha eṣa tathāgatena bhāṣitaḥ| sa ca
bālaprthagjanair udgrhītaḥ| bālaprthagjanā iti

subhūte ajanā eva te tathāgatena bhāṣitāḥ|
tenocyante bālapṛthagjanā iti 25.306

Bhagavat 世尊

lúc bảy giờ vào buổi sáng sớm, Thế Tôn mặc y,
cầm y bát 1.128 atha khalu bhagavān
pūrvāḥṇakālasamaye nivāsyā pātra- cīvaram
ādāya 1.271

bhāṣita 說

bach Thế Tôn, như con hiểu ý nghĩa lời của Thế
Tôn 7.145 yathāham bhagavan bhagavato
bhāṣitasyārthamājānāmi 7.278

bhāṣitasyārtha 說義

này Tu Bồ Đề, lại nữa người nào nói như vậy:
Nhu Lai hoặc có đi hoặc có đến hoặc có đứng
hoặc có ngồi hoặc có nằm. Này Tu Bồ Đề, người
này không hiểu ý nghĩa lời nói của Ta 29.216 api
tu khalu punaḥ subhūte yaḥ kaścīd evaṃ vadet-
tathāgato gacchati vā āgacchati vā tiṣṭhati vā
niṣīdati vā, śayyān vā kalpayati, na me subhūte
(sa) bhāṣitasyārtham ājānāti 29.308

bhikṣu 比丘

đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi Tỷ kheo
1.127 mahatā bhikṣusamghena sārtham
trayodaśabhir bhikṣuśataiḥ 1.271

bhikṣuṇi 比丘尼

Thế Tôn thuyết kinh này xong. Tự thân Trưởng Lão Tu Bồ Đề, chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc và Ưu bà di, chúng Bồ Tát, chư Thiên, loài Người, A tu la, Càn thất bà trong thế gian hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn 32.223 idam avocad bhagavān āttamanāḥ| sthavirusubhūtis te ca bhikṣubhikṣuṇy upāsakopāsikāste ca bodhisattvāḥ sadevamānuṣāsurasuragandharvaśca loko bhagavato bhāṣitam abhyanandann iti 32.312

bhūta-saṃjñā 實相

đôi với những câu kệ của kinh hình thức như vậy này đem giảng nói, thì sẽ khởi lên tưởng chân thật không? 6.138 ye imeṣv evamrūpeṣu sūtrāntapadeṣu bhāṣyamāneṣu bhūtasamjñāmutpādayiṣyanti 6.275

bhūta-tathatā 如, 真如

Như Lai là danh xưng của như thật, Như Lai là danh xưng của các Pháp vô sanh, Như Lai là danh xưng của sự đoạn diệt các Pháp, Như Lai là danh xưng của tất cánh bất sanh 17.191 tathāgata iti subhūte bhūtatathatāyā etad adhivacanam| tathāgata iti subhūte anutpādadharmatāyā etad adhivacanam| tathāgata iti subhūte dharmocchedasyaitad adhivacanam| tathāgata iti

subhūte atyantānutpannasyaitad adhivacanam
17.297

Bodhi-sattva 菩薩

và vô số Bồ Tát Ma Ha Tát 1.128 sambahulaiś ca
bodhisattvair mahāsattvaiḥ 1.271

Bodhi-sattva-yāna 菩薩乘

như vậy nên trụ bằng sự hướng đến Bồ Tát thừa
2.131 te yathā bodhisattvayāna- samprasthitena
sthātavyam 2.273

Bodhi-sattva-yāna-samprasthita 住菩薩乘

nên trụ với sự an trụ Bồ Tát thừa như thế nào?
Nên phát tâm như thế nào? Nên hàng phục tâm
như thế nào? 17.186 katham bhagavan
bodhisattvayānasamprasthitena sthātavyam,
katham pratipattavyam, katham cittam
pragrahītavyam 17.295

Buddha 佛

này Tu Bồ Đề, Như Lai biết họ bằng cái biết của
Phật, Như Lai thấy họ bằng con mắt Phật, hết
thầy Bồ Tát Ma Ha Tát này sẽ hàng phục tâm và
thành trụ được tự công đức không thể đo lường,
không thể tính đếm bằng con số 6.141 jñātās te
subhūte tathāgatena buddhajñānena, drṣṭāste
subhūte tathāgatena buddhacakṣuṣā, buddhāste
subhūte tathāgatena| sarve te subhūte
aprameyamasamkhyeyam puṇya- skandham
prasaviṣyanti pratigrahīṣyanti 6.276

Buddha-cakṣu 佛眼

Như Lai có mắt Phật 18.197 saṃvidyate
tathāgata buddhacakṣuḥ 18.301

Buddha-dharma 佛法, 正法

này Tu Bồ Đề, Như Lai chứng đắc hoặc thuyết
giảng Pháp nào thì Pháp đó không thật cũng
không hư dối. Do vậy, Như Lai nói tất cả Pháp là
Phật Pháp ư Lai nói tất cả Pháp là Phật Pháp
17.192 yaś ca subhūte tathāgatena dharmo
'bhisambuddho deśito vā tatra na satyaṃ na mṛṣā|
tasmāt tathāgato bhāṣate-sarvadharmā
buddhadharmā iti 17.298

Buddha-jñāna 佛智

Như Lai biết người này với Phật trí, Như Lai thấy
người này với Phật nhãn, đối với Như Lai người
này là người tỉnh thức 14.177 jñātāste subhūte
tathāgatena buddhajñānena, dṛṣṭāste subhūte
tathāgatena buddhacakṣuṣā, buddhāste
tathāgatena 14.291

caityabhūtaḥ 塔廟, 廟

nơi đó đáng được đánh lễ và tùy thuận, chỗ đất
đó như là điện thờ 15.181 vandanīyaḥ
pradakṣiṇīyaś ca sa pṛthivīpradeśo bhaviṣyati,
caityabhūtaḥ sa pṛthivīpradeśo bhaviṣyati 15.293

citta 心

như vậy cần phải hàng phục tâm 2.131 yathā
cittam pragrahītavayam 2.273

cittam pragrahītavayam 降伏其心

người con trai hoặc người con gái dòng họ cao
quí hướng đến Bồ Tát thừa thì trụ như thế nào?
hàng phục tâm như thế nào? 2.130
bodhisattvayānasamprasthitena kulaputrena vā
kuladuhitrā vā sthātavyam katham
pratipattavyam katham cittam pragrahītavayam
2.272

cittam utpādayitavyam 發心

đối với những người hướng đến Bồ Tát thừa cần
phải phát tâm như vậy 3.132
bodhisattvayānasamprasthitenaiva cittam
utpādayitavyam 3.273

dāna 供養, 布施

Bồ Tát không trụ vào tài vật cần phải bố thí 4.134
na bodhisattvena vastupatiṣṭhitena dānam
dātavyam 4.274

dānam dadāti 物施, 行惠施

không trụ vào một cái gì cần phải bố thí 4.134 na
kvacit pratiṣṭhitena dānam dātavyam 4.274

dānaparityāgaḥ 施捨 / 捨離 / 斷

Bồ Tát thực hành hạnh thí xả như vậy vì lợi lạc
cho tất cả chúng sanh 14.174 api tu khalu punaḥ
subhūte bodhisattvena evamrūpo dānaparityāgaḥ
kartavyaḥ sarvasattvānāmarthāya 14.290

devamānuṣāsura 人天阿修羅

lại nữa, này Tu Bồ Đề, nơi chỗ đất nào, nếu có người tiếp nhận và thọ trì bốn câu kệ ở trong Pháp phương tiện này đem nói hoặc giải thích đầy đủ cho người khác. Đối với chư thiên, loài người và a tu la trong thế giới này, thì nơi chỗ đất này là điện thờ. Lại nữa, Ta nói nếu ai có được đầy đủ Pháp phương tiện này mà giữ gìn, đọc tụng, giảng giải cho người, đem nói cho số đông, này Tu Bồ Đề, người này sẽ đạt được sự kính trọng tối thượng. Này Tu Bồ Đề, ở chỗ đất này là nơi có Đạo Sư hoặc những đệ tử tôn kính khác trú ngụ 12.161

api tu khalu punaḥ subhute yasmin pṛthivīpradeśe ito dharmaparyāyādantaśaścatuspādikāmapi gāthāmudgrhya bhāṣyeta vā saṃprakāśyeta vā, sa pṛthivīpradeśaścaityabhūto bhavet sa devamānuṣāsurasya lokasya, kaḥ punar vādo ye imaṃ dharmaparyāyaṃ sakalasaṃpṛāptaṃ dhārayiṣyanti vācayiṣyanti paryavāpsyanti, parebhyaśca vistareṇa saṃprakāśayiṣyanti| parameṇa te subhūte āścaryeṇa samanvāgatā bhaviṣyanti| tasmimś ca subhūte pṛthivīpradeśe śāstā viharatyanyatarānyataro vā vijñāgurusthānīyaḥ 12.285

dharmā 法

có Pháp nào mà Pháp đó được Như Lai thuyết không? 13.163 nāsti sa kaścīd dharmo yas tathāgatena bhāṣitaḥ 13.285

dharmā-cakṣu 法眼

Như Lai có mắt pháp 18.196 saṃvidyate tathāgatasya dharmacakṣuḥ 18.300

dharmā-kāya 法身, 自性身, 性佛

ai thấy Ta qua sắc / ai theo Ta qua thanh / Khởi lên con đường tà / người ấy không thấy ta / từ Pháp phải thấy Phật / Pháp Thân chính Đạo Sư / Pháp tánh không tỏ rõ / không liễu tri diệu dụng 26.212 ye mān rūpeṇa cādrākṣurye mān ghoṣeṇa cānvaguḥ | mithyāprahānaprasṛtā na mān draṅsyanti te janāḥ | dharmato buddho draṅṣavyo dharmakāyā hi nāyakāḥ | dharmatā ca na vijñeyā na sā śakyā vijānitum || 26.307

dharmā-paryāya 法方便, 法門

Thế Tôn nói rằng: Lại nữa, này Tu Bồ Đề, nếu có người con trai hoặc người con gái dòng họ cao quý sau khi lấy bảy loại châu báu làm đầy trong cõi Tam thiên đại thiên thế giới hệ rồi đem cúng dường cho các Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác. Lại có người dù chỉ chấp nhận và thọ trì bốn câu kệ ở trong Pháp phương tiện này đem chỉ bày, giảng nói, giải thích đầy đủ cho kẻ khác, thì nhờ duyên như vậy người này có nhiều tụ công đức không thể đo lường cũng không thể tính đếm bằng con số 8.147 bhagavān āha- yaś

ca khalu punaḥ subhūte kulaputro vā kuladuhitā
va imaṃ trisāhasramahāsāhasraṃ lokadhātuṃ
saptaratnaparipūrṇaṃ kṛtvā tathāgatebhyo
'rhadbhyaḥ samyak- sambuddhebhyo dānaṃ
dadyāt, yaśca ito
dharmaparyāyādantaśaścatuspādikāmapi
gāthāmudgrhya parebhyo vistareṇa deśayet
saṃprakāśayet, ayam eva tato nidānaṃ
bahutaraṃ puṇyaskandhaṃ
prasunuyādaprameyasamkhyeyam 8.279

dharmasamjñā 法想

như vậy không trụ Pháp tướng cũng không trụ
phi Pháp tướng 31.220 yathā na
dharmasamjñāyām api
pratyupatiṣṭhennādharmasamjñāyām 31.310

dharmavega 法力 / ~ 勝

Tôn giả Tu Bồ Đề xúc động rơi nước mắt vì Pháp
lực này 14.166 atha khalv āyuṣmān subhūtir
dharmavegenāsrūṇi prāmuñcat 14.287

Dīpaṃkara 然燈

khi xưa thân cận với Đức Nhiên Đăng Như Lai A
La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác thì Như Lai có
thọ trì Pháp nào không? 10.154 asti sa kaścid
dharmo yas tathāgatena dīpaṃkarasya
tathāgatasyārhatasamyaksambuddhasyāntikād
udgrhītaḥ 10.282

Dīpaṃkarasya Tathāgata 然燈如來

Ta biết rõ trong thời quá khứ vô lượng a tăng kỳ kiếp ở trước thời Đức Nhiên Đăng Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác, Ta đã từng thân cận phụng hiến tám trăm bốn ngàn vạn ức na do tha Đức Phật. Ta thân cận phụng hiến chư Phật Thế Tôn này mà không bỏ sót vị nào 16.183
abhijānāmyaham subhūte atīte 'dhvany
asamkhyeyaiḥ kalpairasamkhyeyatarair
dīpaṅkarasya tathāgatasyārhatāḥ
samyaksambuddhasya pareṇa paratareṇa
caturaśītibuddhakoṭīniyutaśatasahasrānyabhūvan
ye mayārāgitāḥ, āraḡya na virāgitāḥ 16.294

divyaṃ cakṣu 天眼

Như Lai có mắt trời 18.196 samvidyate
Tathāgatasya divyaṃ cakṣuḥ 18.300

dvātriṃśan-mahā-puruṣa-lakṣaṇa 三十二大人相

có thể thấy được Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác qua ba mươi hai tướng đại nhân không? 13.164
dvātriṃśanmahāpuruṣalakṣaṇais
tathāgato 'rhan samyaksambuddho draṣṭavyaḥ
13.286

eka-citta 一心, 一念

này Tu Bồ Đề, những Bồ Tát Ma Ha Tát này, không phải chỉ có thân cận với một Đức Phật, cũng không phải chỉ có trồng căn lành với một Đức Phật. Nay Tu Bồ Đề, trái lại, những Bồ Tát

Ma Ha Tát mà đối với những câu kệ của kinh hình thức như vậy này giảng nói, thì không những tìm thấy lòng tin trong sáng bằng sự nhất tâm mà còn sẽ được thân cận với nhiều trăm ngàn Đức Phật và sẽ trồng căn lành với nhiều trăm ngàn Đức Phật 6.140 na khalu punas te subhūte bodhisattvā mahāsattvā ekabuddhaparyupāsītā bhaviṣyanti, naikabuddhāvaropita kuśalamūlā bhaviṣyanti| api tu khalu punaḥ subhūte anekabuddhaśatasahasraparyupāsītā anekabuddha śatasahasrāvaropita kuśalamūlās te bodhisattvā mahāsattvā bhaviṣyanti, ye imeṣvevamrūpeṣu sūtrāntapadeṣu bhāṣyamāneṣu ekacittaprasādamapi pratilapsyante 6.276

evaṃ 如, 如是, 如此 /

evaṃ mayā śrutam 如是我聞, 我聞如是, 聞如是

như vậy tôi nghe 1.127 *evaṃ mayā śrutam* 1.271

gandha 香

Bạch Thế Tôn, vị ấy trụ nơi không trụ Pháp nào. Do vậy được gọi là Tu Đà Hoàn. Sắc không được sanh ra, thanh, hương, vị, xúc, pháp không được sanh ra. Do vậy được gọi là Tu Đà Hoàn. Bạch Thế Tôn, nếu vị Tu Đà Hoàn có khởi lên như vậy: Ta đắc quả Tu Đà Hoàn, thì như vậy vị ấy có sự chấp ngã, có sự chấp chúng sanh, có sự chấp thọ mạng, có sự chấp con người 9.149 na hi

sa bhagavan kañcid dharmamāpannaḥ, tenocyate
srotaāpanna iti| na rūpam āpanno na śabdān na
gandhān na rasān na spraṣṭavyān
dharmānāpannaḥ| tenocyate srotaāpanna iti| saced
bhagavan srotaāpannasyaivam bhavet- mayā
srotaāpattiphalaṁ prāptam iti, sa eva
tasyātmagrāho bhavet, sattvagrāho jīvagrāhaḥ
pudgalagrāho bhaved iti 9.280

gaṅgā 恆伽河, 恆河

có bao nhiêu cát trong sông Hằng là con sông lớn
thì có bấy nhiêu sông Hằng, như vậy cát trong
những sông này có nhiều không? 11.157 yāvatyo
gaṅgāyām mahānadyām vālukāstāvatya eva
gaṅgānadyo bhaveyuh? tāsu yā vālukāḥ, api nu tā
bahvayo bhaveyuh 11.283

gaṅgā-nadī-vālukā 恆河沙, 恆沙

thật là nhiều là những sông Hằng, huống nữa là
cát trong những sông Hằng này 11.157 tā eva
tāvadbhagavan bahvayo gaṅgānadyo bhaveyuh,
prāgeva yāstāsu gaṅgānadīṣu vālukāḥ 11.283

gaṅgā-nadī-vālukā-sama 恆河沙數, 恆河沙等

này Tu Bò Đê, Ta tuyên bố rằng, có bao nhiêu
cát trong những sông Hằng này thì có bấy nhiêu
thế giới hệ 11.158 ārocayāmi te subhūte,
prativedayāmi te| yāvatyastāsu gaṅgānadīṣu
vālukā bhaveyus tāvato lokadhātūn 11.283

gaṅgā-nadī-vālukā-samān-ātma-bhāvān 恆河沙
等身命

lại nữa, này Tu Bồ Đề, ví như có người nữ hoặc người nam hằng ngày từ bỏ thân mạng của mình như cát sông Hằng, làm như vậy, từ bỏ thân mạng trong nhiều kiếp bằng số cát sông Hằng 13.165 yaś ca khalu punaḥ subhūte strī vā puruṣo vā dine dine gaṅgānadī- vālukāsamānātmabhāvān parityajet, evaṃ parityajan gaṅgānadīvālukāsamān kalpāmstānātmabhāvān parityajet 13.286

gata-āgata 來去

Như Lai, này Tu Bồ Đề, được nói là không có nơi đâu để đi, không chỗ nào để đến. Do vậy được gọi là Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác 29.216 tathāgata iti subhūte ucyate na kvacid gato na kutaścid āgataḥ tenocyate tathāgato'rhan samyaksambuddha iti 29.309

guṇavat 有德者, 具功德

là những vị có công đức, là những vị có giới, là những vị có trí tuệ 6.139 guṇavantaḥ śīlavantaḥ prajñāvantaśca bhaviṣyanti 6.275

Jeta-vana 祇樹

rừng cây của Thái tử Kỳ Đà 1.127 Jetavane 1.271

Kali-rājā 歌利王

khi xưa vua Ca Lợi lóc thịt tay chân Ta, khi ấy Ta không có ngã tướng, không có chúng sanh tướng, không có thọ mạng tướng, không có nhân tướng, cũng không có tướng hoặc không có

không là tướng nào hiện hành 14.171 yadā me
subhūte kalirājā aṅgapraty
aṅgamāmsānyacchaitṣīt, nāsīn me tasmin samaye
ātmasamjñā vā sattvasamjñā vā jīvasamjñā vā
pudgalasamjñā vā, nāpi me kācitsamjñā vā
asamjñā vā babhūva 14.289

karma 業

bởi vì đời trước những chúng sanh này đã tạo ra
những nghiệp bất tịnh mà lẽ ra phải rơi vào
đường ác, nhưng trong hiện tại bị chê bai, bị mĩa
mai, bị dè bủ, thì như vậy tiêu trừ được nghiệp
bất tịnh đời trước và sẽ đạt được sự giác ngộ của
Phật 16.182 yāni ca teṣāṃ subhūte sattvānām
paurvajamkīṇyaśubhāni karmāṇi
kṛtānyapāyasaṃvartanīyāni, dṛṣṭa eva dharme
paribhūtatayā tāni paurvajamkīṇyaśubhāni
karmāṇi kṣapayisyanti, buddhabodhiṃ
cānuprāpsyanti 16.294

kola-upama 筏, 麥喻

đối với những người vô trí thì Pháp phương tiện
được ví như chiếc bè. Pháp còn phải từ bỏ huống
nữa là phi Pháp 6.143 kolopamaṃ
dharmaparyāyamājānadbhidharmā eva
prahātavyaḥ prāgevādharmā iti 6.277

koṭi 億

tụ công đức của người này so sánh với tụ công
đức trước của Ta thì trăm phần hơn, ngàn phần

hơn, ức phần hơn, trăm ức phần hơn, ngàn ức phần hơn, ức na do tha phần hơn cho đến không thể hình dung bằng con số, không thể ví dụ, không thể tính, không thể có cái tương tự, không thể so sánh, không thể có gì giống như vậy
16.184 asya khalu punaḥ subhūte
puṇyaskandhasyāntikādasau paurvakaḥ
puṇyaskandhaḥ śatatamīmapi kalām nopaiti,
sahasratamīmapi śatasahasratamīmapi
koṭimamipi koṭiśatatamīmapi koṭisata-
sahasratamīmapi koṭiniyutaśatasahasra-
tamīmapi| saṁkhyām- api kalāmapi gaṇanāmapi
upamāmapi upaniṣadamapi yāvadaupamyamapi
na kṣamate 16.295

kṛta-bhakta-kṛtyaḥ 飲食

vào buổi trưa sau khi khát thực trong thành lớn
Xá vệ Thế Tôn soạn bữa ăn với thức ăn đã khát
thực được 1.128 atha khalu bhagavān śrāvastīm
mahānagarīm piṇḍāya caritvā kṛtabhaktakṛtyaḥ
paścād 1.271

kṣānti 忍, 忍位, 忍加行

nếu có Bồ Tát đối với các Pháp vô ngã, vô sanh
mà thành tựu hạnh nhẫn 28.214 yaś ca
bodhisattvo nirātmakeṣvanutpattikeṣu dharmeṣu
kṣāntim pratilabhate 28.308

kṣāntivādī ṛṣir 忍辱仙人

Ta biết rõ trong thời quá khứ cách nay năm trăm kiếp, khi ấy Ta là một ẩn sĩ trường phái nhân nhục. Lúc đó Ta cũng không có ngã tướng, không có chúng sanh tướng, không có thọ mạng tướng, không có nhân tướng. Do vậy, này Tu Bồ Đề, ở đây đối với vị Bồ Tát Ma Ha Tát sau khi xả ly chúng sanh tướng cần phải phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Không sanh tâm trụ nơi sắc, không sanh tâm trụ nơi thanh hương vị xúc pháp, không sanh tâm trụ nơi pháp, không sanh tâm trụ nơi không là pháp, không sanh tâm trụ nơi cái gì *14.172 abhijānāmy aham subhūte atīte'dhvani pañca jātiśatāni yadahaṃ kṣāntivādī ṛṣir abhūvam tatrāpi me nātmasamjñā babhūva, na sattvasamjñā, na jīvasamjñā, na pudgalasamjñā babhūva| tasmāt tarhi subhūte bodhisattvena mahāsattvena sarva samjñā vivarjayitvā anuttarāyām samyaksambodhau cittam utpādayitavyam| na rūpapraṭiṣṭhitam cittam utpādayitavyam, na śabdagandharasaspraṣṭavyadharmapraṭiṣṭhitam cittam utpādayitavyam, na dharmapraṭiṣṭhitam cittam utpādayitavyam, nādharma- praṭiṣṭhitam cittam utpādayitavyam, na kvacit praṭiṣṭhitam cittam utpādayitavyam* *14.290*

kṣetra-vyūha 莊嚴佛土

ta sẽ trang nghiêm quốc độ, thì vị ấy nói không
chân thật 10.155 ahaṁ kṣetravyūhān
niṣpādayiṣyāmīti, sa vitatham vadet 10.282

kuśala dharma 善, 善法

đối với tất cả thiện pháp bình đẳng không ngã,
không chúng sanh, không thọ mạng, không con
người, thì sẽ chứng ngộ Vô thượng chánh đẳng
chánh giác 23.206 nirātmatvena niḥsattvatvena
nirjīvatvena niṣpudgalatvena samā sā anuttarā
samyaksambodhiḥ sarvaiḥ kuśalair dharmair
abhisambudhyate 23.305

kuśala-mūlā 善根, 功德

những Bồ Tát Ma Ha Tát này, không phải chỉ có
thân cận với một Đức Phật, cũng không phải chỉ
có trồng căn lành với một Đức Phật 6.140
bodhisattvā mahāsattvā ekabuddhaparyupāsītā
bhaviṣyanti, naikabuddhāvaropita kuśalamūlā
bhaviṣyanti 6.275

lakṣaṇa 相

thật sự phải thấy Như Lai tướng không là tướng
5.137 hi lakṣaṇālakṣaṇatastathāgato draṣṭavyaḥ
5.275

lakṣaṇa-saṃpadā 具足諸相

Như Lai không nên nhìn thấy qua tướng cụ túc
20.202 na lakṣaṇasaṃpadā tathāgato draṣṭavyaḥ
20.303

mahā-sattva 大菩薩

ở đây đối với vị Bồ Tát Ma Ha Tát sau khi xả ly chúng sanh tướng cần phải phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác 14.173 tasmāt tarhi subhūte bodhisattvena mahāsattvena sarva saṃjñā vivarjayitvā anuttarāyām samyak-sambodhau cittam utpādayitavyam 14.290

madhyāhṇakālasamaya 中日分復

nếu có người nữ hay người nam vào thời buổi sáng lấy hằng hà sa thân mạng xả thí, vào thời buổi trưa lại lấy hằng hà sa thân mạng xả thí, vào thời buổi chiều cũng lấy hằng hà sa thân mạng xả thí trải qua nhiều trăm ngàn vạn ức kiếp lấy thân mạng xả thí Lại có người sau khi nghe Pháp phương tiện này mà không phỉ báng. Do duyên như vậy, người này thành tựu được tụ công đức không thể đo lường, không thể tính đếm nhiều hơn, huống nữa là sao chép, giữ gìn, đọc tụng, như thuyết thực hành, chỉ bày, giảng giải rộng rãi cho người khác 15.178 yaś ca khalu punaḥ subhūte strī vā puruṣo vā purvāhṇakālasamaye gaṅgānadīvālukāsamānātmabhāvān parityajet, evaṃ madhyāhṇakālasamaye gaṅgānadīvālukāsamānātmabhāvān parityajet, sāyāhṇakālasamaye gaṅgānadīvālukāsamānātmabhāvān parityajet, anena paryāyeṇa bahūni kalpakotīniyutaśatasahasrāṇy- ātmabhāvān parityajet, yaś cemaṃ dharmaparyāyām śrutvā na pratikṣipet, ayameva tatonidānaṃ bahutaraṃ

pun̄yaskandham prasunuyādaprameyam-
asam̄khyeyam, kaḥ punar vādo yo likhitvā
udgr̄h̄ṇīyāddhārayedvācayet paryavāpnuyāt,
parebhyaś ca vistareṇa sam̄prakāśayet 15.292

mahā-kāya 大身

ví như một người đàn ông có thân hoàn bị, thân to lớn, hình thể của người ấy như Tu di là vua các núi 10.156 tadyathāpi nāma subhūte puruṣo bhaved upetakāyo mahākāyo yattasyaivaṃ rūpa ātmabhāvaḥ syāt tadyathāpi nāma sumeruḥ parvatarājah 10.282

māmsa-cakṣu 肉眼

Như Lai có mắt 18.196 sam̄vidyate tathāgatasya māmsacakṣuḥ 18.300

manasikāra 作意

hãy tác ý lắng nghe Ta sẽ nói cho ông 2.131
suṣṭhu ca manasi kuru, bhāṣiṣye 'ham̄ 2.273

mṛṣā 虛妄, 誑, 不實, 虛, 妄, 妄言

cái gì là tướng cụ túc thì cái đó hư dối, cái gì không là tướng cụ túc thì cái đó không hư dối, phải thấy Như Lai tướng không là tướng 5.137 yāvat subhūte lakṣaṇasaṃpat tāvan mṛṣā, yāvad alakṣaṇasaṃpat tāvan na mṛṣeti hi lakṣaṇālakṣaṇatastathāgato draṣṭavyaḥ 5.275

nādharmah 非非法

Như Lai chứng ngộ hoặc thuyết giảng Pháp này, thì không thể nắm giữ được cũng không thể diễn

tả được. Không là Pháp cũng không là phi Pháp
7.145 yo'sau tathāgatena dharmo'bhisambuddho
deśito vā, agrāhyaḥ so'nabhilapyah| na sa dharmo
nādharmah 7.278

nādharma-samjñā 非非法想

này Tu Bồ Đề, những Bồ Tát Ma Ha Tát này,
cũng không khởi lên tưởng Pháp, như vậy không
khởi lên tưởng không là Pháp, những vị ấy cũng
không khởi tưởng không là tưởng 6.142 nāpi
teṣāṃ subhūte bodhisattvānāṃ mahāsattvānāṃ
dharmasamjñā pravartate| evaṃ nādharmasamjñā|
nāpi teṣāṃ subhūte samjñā nāsamjñā pravartate
6.277

nānābhāvām cittadhārām 種心

có bao nhiêu chúng sanh ở trong bấy nhiêu thế
giới hệ này, Ta biết nhiều loại tâm khác nhau của
những chúng sanh này 18.198 yāvantaḥ subhūte
teṣu lokadhātuṣu sattvāḥ, teṣāṃ ahaṃ
nānābhāvām cittadhārām prajānāmi 18.301

nātmadrṣṭika 無我見

đối với chúng sanh có lòng tin yếu kém để nghe
Pháp phương tiện này, thì không có kiến về ngã,
không có kiến về chúng sanh, không có kiến về
thọ mạng, không có kiến về nhân 15.180 na hi
śakyam subhūte ayam dharmaparyāyo
hīnādhimuktiakaiḥ sattvaiḥ śrotum,

nātmadr̥ṣṭikair na sattvadr̥ṣṭikair na jīvadr̥ṣṭikair
na pudgaladr̥ṣṭikaiḥ 15.293

nidāna 由緣

này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Có người con trai hoặc người con gái dòng họ cao quý sau khi làm đầy bảy loại châu báu trong cõi Tam thiên đại thiên thế giới hệ, rồi đem cúng dường cho Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác, thì người con trai hoặc người con gái dòng họ cao quý này nhờ duyên này có đạt được nhiều tụ công đức không? Tu Bồ Đề bạch rằng: Bạch Thế Tôn, nhiều. Bạch Thiện Thệ, nhiều. Thế Tôn nói rằng : Này Tu Bồ Đề, đúng như vậy, đúng như vậy. Người con trai hoặc người con gái dòng họ cao quý này nhờ duyên này đạt được nhiều công đức tụ không thể suy lường không thể tính bằng con số. Vì sao vậy? Tụ công đức là tụ công đức, Như Lai nói đó không là tụ. Do vậy được gọi là tụ công đức. Này Tu Bồ Đề, nếu có tụ công đức, thì Như Lai không nói là tụ công đức là tụ công đức. 19.199 tat kim manyase subhūte yaḥ kaścit kulaputro vā kuladuhitā vā imaṁ trisāhasramahāsāhasraṁ lokadhātuṁ saptaratnaparipūrṇaṁ kṛtvā tathāgatebhyo 'rhadbhayaḥ samyaksāmbuddhebhyo dānaṁ dadyāt, api nu sa kulaputro vā kuladuhitā vā tatonidānaṁ bahu puṇyaskandhaṁ prasunuyāt ? subhūtir āha- bahu bhagavan, bahu sugata| bhagavān āha- evaṁ etat subhūte, evaṁ etat| bahu sa kulaputro vā kuladuhitā vā tatonidānaṁ puṇyaskandhaṁ prasunuyādaprameyam asaṁkhyeyaṁ| tat kasya hetoḥ ? puṇyaskandhaḥ

puṇyaskandha iti subhūte askandhaḥ sa
tathāgatena bhāṣitaḥ| tenocyate puṇyaskandha iti|
sacet punaḥ subhūte puṇyaskandho 'bhaviṣyat, na
tathāgato 'bhāṣiṣyat puṇyaskandhaḥ
puṇyaskandha iti 19.302

nimitta-saṃjñā 因緣想

nư vậy không trụ vào tướng nhân duyên 4.134
yathā na nimittasaṃjñāyāmapī pratītiṣṭhet 4.274

nirātma 無我, 非我

này Tu Bồ Đề, Bồ Tát nào tín giải Pháp vô ngã là
Pháp vô ngã, thì Như Lai A La Hán Chánh Đẳng
Chánh Giác gọi vị ấy là Bồ Tát Ma Ha Tát
17.195 yaḥ subhūte bodhisattvo nirātmāno
dharmā nirātmāno dharmā ity adhimucyate,
tathāgatenārhatā samyaksambuddhena
bodhisattvo mahāsattva ity ākhyātaḥ 17. 300

nirvāṇa-dhātu 涅槃性, 涅槃界

có thể độ bằng thân lực, bằng thân nhiếp, Ta độ
cho tất cả vào cảnh giới Niết bàn không còn
phiền não 3.133 te ca mayā sarve 'nupadhiśeṣe
nirvāṇadhātau parinirvāpayitavyaḥ 3.273

paramāścārya-samanvāgata 第一希有成就, 成
滿

có những chúng sanh nào đạt được sự thành tựu
hy hữu bậc nhất, này Tu Bồ Đề, thì ở đây khi
kinh này được thuyết giảng sẽ không kinh động,
không sợ hãi, không khủng hoảng 14.170

paramāścaryasamanvāgatāste sattvā bhaviṣyanti,
ye iha subhūte sūtre bhāṣyamāṇe notraṣiṣyanti na
saṁtraṣiṣyanti na saṁtrāsamāpatsyante 14.289

paramāścarya 希法

vô cùng hy hữu 2.129 paramāścaryaṁ 2.272

parīnditā 付囑

có bao nhiêu Bồ Tát Ma Ha Tát được Như Lai A
La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác phó chúc bằng
sự phó chúc tin cậy nhất 2.130 yāvad eva
tathāgatenārhatā samyaksambuddhena
bodhisattvā mahāsattvāḥ parīnditāḥ paramayā
parīndanayā 2.272

parinirvā 般涅槃, 滅度

ta phải làm cho tất cả chúng sanh vào Niết bàn
trong cảnh giới Niết bàn vô dư y 17.187 sarve
sattvā mayā anupadhiṣeṣe nirvāṇadhātau
parinirvāpayitavyāḥ 17.295

parinirvāpita 得滅度者

có vô số chúng sanh được độ như vậy nhưng
không có chúng sanh nào được độ 3.133 evam
aparimāṇānapi sattvān parinirvāpya na kaścit
sattvaḥ parinirvāpito bhavati 3.273

parṣat-saṁnipāta 大眾, 衆

lúc bấy giờ, Tôn giả Tu Bồ Đề đi đến hội chúng
ấy và ngồi xuống 2.129 tena khalu punaḥ
samayenāyuṣmān subhūtiḥ tasyām eva parṣadi
saṁnipatito 'bhūtsaṁniṣaṇṇaḥ 2.272

paryāṅkam ābhujya 加趺

chân kiết già, thân giữ thẳng, niệm đẽ trước mặt
1.128 paryāṅkamābhujya rjuṁ kāyaṁ praṇidhāya
pratimukhīm smṛtimupasthāpya 1.271

pātracīvara 衣鉢

sau khi ăn xong , Ngài trở về cát y bát, rửa hai
chân rồi ngồi xuống chỗ ngồi đã soạn sẵn 1.128
bhakta piṇḍapātapratikrāntaḥ pātracīvaraṁ
pratiśāmya pādau prakṣālya nyaṣīdat prajñapta
evāsane paryāṅkamābhujya 1.271

piṇḍa 乞食

đi vào thành lớn Xá vệ đẽ khát thực 1.128
śrāvastīm mahā- nagarīm piṇḍāya prāvīkṣat 1.271

piṇḍa-grāha 一合相 , 總執

bach Thế Tôn, nếu có cõi thế giới hệ, thì như vậy
có hợp tướng. Cái đó Như Lai nói là hợp tướng,
Như Lai nói không là hợp tướng. Do vậy đẽ đẽ
gọi là hợp tướng 30.218 saced bhagavan
lokadhātur abhaviṣyat, sa eva piṇḍagrāho
'bhaviṣyat| yaś ca iva piṇḍagrāhas tathāgatena
bhāṣitaḥ, agrāhaḥ sa tathāgatena bhāṣitaḥ|
tenocyate piṇḍagrāha iti 30.309

pr̥thivī 地 , 地大

đầu gối chân phải quỳ xuống đất 2.129 dakṣiṇaṁ
jānumaṅḍalaṁ pr̥thivyām pratiṣṭhāpya 2.272

pr̥thivī-rajah 地塵

tất cả vi trần trong cõi Tam thiên đại thiên thế
giới hệ, thì có nhiều không? 13.163 yāvāt
trisāhasramahāsāhasrelokadhātau pṛthivīrajah
kaccit, tad bahu bhavet 13.285

prajñā 智, 智慧, 般若

bát nhã, trí tuệ 127 *prajñā* 271

prajñā-cakṣu 慧眼

Như Lai có mắt tuệ 18.196 *saṃvidyate*
tathāgatasya prajñācakṣuḥ 18.300

prajñā-pāramitā nāma 名為般若波羅蜜

được nghe bạch như vậy, Thế Tôn đã nói với Tôn
giả Tu Bồ Đề rằng: Pháp phương tiện này gọi là
Bát nhã ba la mật như vậy nên chấp nhận và thọ
trì 13.162 *evam ukte bhagavān āyusmantam*
subhūtim etad avocat- prajñāpāramitā nāmāyaṃ
subhūte dharmaparyāyaḥ| evaṃ cainam dhāraya
13. 285

prajñā-pāramitā 般若波羅蜜, 智慧波羅蜜

bát nhã ba la mật 127 *prajñāpāramitā* 271

prajñāpta 制戒, 所制立, 安置

người phát tâm Bồ Tát thừa, thì không khởi lên ý
niệm có sự đoạn diệt của bất kỳ Pháp 27.213 *na*
bodhisattvayānasamprasthitaiḥ kasyacid
dharmasya vināśaḥ prajñāpto nocchedaḥ 27.307

prajñāpyate 分別假立, 可知

cho đến những loại nào trong chúng sanh giới có thể biết, có thể nhận thức được 3.133 yāvān kaścit sattvadhātuḥ prajñapyamānaḥ prajñapyate 3.273

pramāṇa 量

nư vậy hư không phương nam, hư không phương tây, hư không phương bắc, hư không hướng dưới, hư không hướng trên, hư không ở giữa, hư không trong tất cả mười phương có thể đo lường không? 4.135 evaṃ dakṣiṇapaścimottarāsu adha ūrdhvaṃ digvidikṣu samantāddaśasu dikṣu sukaramākāśasya pramāṇam udgrahītum 4.274

pratiṣṭhita 住

Bồ tát không trụ vào chỗ nào bồ thí 4.134 bodhisattvo 'pratiṣṭhito dānam dadāti 4.274

pudgala-samjñā 人想

này Tu Bồ Đề, nếu còn khởi lên tưởng chúng sanh hoặc tưởng thọ mạng hoặc tưởng con người, thì không gọi là Bồ Tát 3.133 na sa subhūte bodhisattvo vaktavyo yasya sattvasamjñā pravarteta, jīvasamjñā vā pudgalasamjñā va pravarteta 3.274

pūja 供養

tại chỗ nào trên mặt đất nơi có kinh này được lưu bố thì chỗ đất đó sẽ có trời, người, a tu la trong thế giới đến cúng dường 15.181 api tu khalu

punaḥ subhūte yatra pṛthivīpradeśe idaṃ sūtram
prakaśayiṣyate, pūjanīyaḥ sa pṛthivīpradeśo
bhaviṣyati sa devamānuṣāsurasya lokasya 15. 293

puṇya-skandha 功德聚, 功德藏

này Tu Bồ Đề, người đó có tụ công đức không
thể tính đếm, không thể đo lường, không thể nghĩ
bàn 4.135 tasya subhūte puṇyaskandhasya na
sukaram pramāṇam udgrahītum 4.274

rājā-cakra-vartī 轉輪聖王

lại nữa nếu Như Lai có được nhìn thấy qua tướng
cụ túc, thì Chuyển Luân Vương cũng là Như lai
26.211 sacetpunaḥ subhūte lakṣaṇasaṃpadā
tathāgato draṣṭavyo 'bhaviṣyat, rājāpi cakravartī
tathāgato 'bhaviṣyat| tasmān na lakṣaṇasaṃpadā
tathāgato draṣṭavyaḥ 26.306

rūpa-kāya-pariniṣpattyā 具足色身

Như Lai không được nhìn thấy qua sắc thân cụ
túc 20.201 na rūpakāyapariniṣpattyā tathāgato
draṣṭavyaḥ 20.302

*rūpa-śabda-gandha-rasa-spraṣṭavya-dharma-
pratiṣṭhitam* 不應住色 聲香味觸法

do vậy, này Tu Bồ Đề, ở đây đối với vị Bồ Tát
Ma Ha Tát nên phát tâm trụ như vậy, vị ấy nên
phát tâm không trụ chỗ nào. Không trụ nơi sắc
phát tâm, không trụ nơi thanh, không trụ nơi
hương, không trụ nơi vị, không trụ nơi xúc,
không trụ nơi pháp phát tâm 10.155 tasmāt tarhi

subhūte bodhisattvena mahāsattvena evam
apraṭiṣṭhitam cittam utpādayitavyam yanna kvacit
praṭiṣṭhitam cittam utpādayitavyam| na
rūpapraṭiṣṭhitam cittam utpādayitavyam na
śabdagandharasaspraṣṭavyadharmā- praṭiṣṭhitam
cittam utpādayitavyam 10.282

rūpiṇa 色, 有形

hoặc có hình tướng hoặc không có hình tướng
3.132 rūpiṇo vā arūpiṇo vā 3.273

śabda-gandha-rasa-spraṣṭavya-dharma 聲香味

觸

không trụ vào sắc cần phải bỏ thí, không trụ vào
thanh, hương, vị, xúc, pháp cần phải bỏ thí 4.134
na śabdagandharasaspraṣṭavyadharmeṣu
praṭiṣṭhitena dānam dātavyam 4.274

sad-dharma 妙法, 正法

có chúng sanh nào trong tương lai, vào thời vị lai,
ở đời sau năm trăm năm cuối, trong thời chánh
Pháp hoại diệt 6.138 kecit sattvā
bhaviṣyantyanāgate'dhvani paścime kāle paścime
samaye paścimāyām pañcaśatyām
saddharmavipralopakāle vartamāne 6.275

saddharma-vipralopa 末法, 法滅

bạch Thế Tôn, có chúng sanh nào trong thời
tương lai, trong thời kỳ cuối, năm trăm năm trong
khoảng thời gian cuối, thời kỳ chánh Pháp hoại
diệt khi nghe kinh này sẽ khởi tín tâm không?
Thế Tôn nói rằng: Nay Tu Bồ Đề, không có

chúng sanh tức không không là chúng sanh. Vì sao vậy? Này Tu Bồ Đề, chúng sanh là chúng sanh, này Tu Bồ Đề, Như Lai nói tất cả chúng sanh không là chúng sanh. Do vậy được gọi là chúng sanh 21.204 asti bhagavan kecit sattvā bhaviṣyantyanāgate'dhvani paści me kāle paścime samaye paścimāyām pañcaśatyām saddharmavipralope vartamāne, ya imānevamrūpān dharmān śrutvā abhiśraddhāsyanti| bhagavān āha- na te subhūte sattvā nāsattvāḥ| tat kasya hetoḥ ? sattvāḥ sattvā iti subhūte sarve te subhūte asattvāstathāgatena bhāṣitāḥ| tenocyante sattvā iti 21.303

sādhu sādhu 善哉

lành thay 2.131 sādhu 2.272

sakṛdāgāmi-phalaṁ 斯陀含果

ta đắc quả Tư Đà Hàm không? 9.150 mayā sakṛdāgāmiphalaṁ prāptam iti 9.280

śākyamunirnāma 號釋迦牟尼

Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác chúng đắc không có Pháp nào mà Pháp đó là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, do vậy Nhiên Đăng Như Lai thọ ký cho Ta rằng: Trong thời tương lai, khi còn trẻ ông sẽ là Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác hiệu là Thích Ca Mâu Ni 17.190 yasmāt tarhi subhūte tathāgatenārhatā samyaksāmbuddhena nāsti sa kaścid dharmo yo 'nuttarām samyaksāmbodhimabhisāmbuddhaḥ tasmād

ahaṃ dīpaṃkareṇa tathāgatena vyākṛta
bhaviṣyasi tvaṃ māṇava anāgate'dhvani
śākyamunirnāma tathāgato'rhan
samyaksambuddha 17.297

saṃdhāya 密意, 據

do vậy, mật ý này được Như Lai nói 6.143
tasmād iyaṃ tathāgatena saṃdhāya vāgbhāṣitā
6.277

saṃjñin 想, 有想

hoặc có tướng hoặc không có tướng hoặc cũng
không có tướng cũng không không có tướng
3.132 saṃjñino vā asaṃjñino vā naivasamjñino
nāsamjñino vā 3.273

saṃpatti 具足, 圓滿

bạch Thế Tôn, phàm cái gì là tướng cụ túc thì
chính cái đó Như Lai nói không có tướng cụ túc
5.137 yā sā bhagavan lakṣaṇasaṃpattathāgatena
bhāṣitā saivālakṣaṇasaṃpat 5.725

saṃskṛta 有爲

như tinh tú, nhậm mắt, ngọn đèn / như huyễn
hóa, sương rơi, bọt nước / như giấc mơ, chớp
sáng, áng mây / Pháp hữu vi như vậy hãy quán
32.222 tārakā timiraṃ dīpo māyāvaśyāya
budbudam | svapnaṃ ca vidyudabhraṃ ca evaṃ
draṣṭavya saṃskṛtam || tathā prakāśayet,
tenocyate | saṃprakāśayediti|| 32.311

saṃvidyate 容, 成就

Pháp thì không có liễu ngộ, không có chứng đắc
22.206 *aṇurapi tatra dharmo na saṁvidyate*
nopalabhyate 22.304

samyak-sambodhi 三藐三菩提, 正徧智, 正等
菩提

không có Pháp nào mà Pháp đó Như Lai chứng
đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác trong thời
của Nhiên Đăng Như Lai A La Hán Chánh Đẳng
Chánh Giác 17.189 *nāsti sa bhagavan kaścīd*
dharmo yas tathāgatena dīpaṁkarasya
tathāgatasyārhatāḥ samyaksambuddhasyāntikād
anuttarāṁ samyaksambodhimabhisambuddhaḥ
17.296

sarva-saṁjñāpagatā 出離/息/捨離/除一切想

vì Phật Thế Tôn lìa hết mọi tướng 14.170
sarvasaṁjñāpagatā hi buddha bhagavantaḥ
14.288

sattva 衆生

có những chúng sanh đã vào Niết bàn, nhưng
không có chúng sanh nào vào Niết bàn 17.187
evam sa sattvān parinirvāpya na kaścit sattvaḥ
parinirvāpito bhavati 17.296

sattva-dhātu 衆生界, 有情界

này Tu Bồ Đề, có bao nhiêu loại chúng sanh
trong chúng sanh giới 3.132 *yāvantaḥ subhūte*

sattvāḥ sattvadhātau sattvasaṁgrahaṇa saṁgrhītā
3.273

sattva-saṁjñā 衆生想

này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát khởi lên tưởng chúng
sinh vị ấy không được gọi là Bồ Tát 3.133 sacet
subhūte bodhisattvasya sattvasaṁjñā pravarteta,
na sa bodhisattva iti vaktavyaḥ 3.273

satya 實

này Tu Bồ Đề, Như Lai chỉ bày Pháp được chứng
ngộ lia tư duy. Pháp này không thật cũng không
 hư 14.175 api tu khalu punaḥ subhūte yas
tathāgatena dharmo 'bhisambuddho deśito
nidhyātaḥ, na tatra satyaṁ na mṛṣā 14.291

satya-vādī 真語

Như Lai nói lời thật, Như Lai nói lời chân thật,
nói lời như thật, nói lời không trái ngược. Như
Lai không nói lời xa lia sự thật 14.175 bhūtavādī
subhūte tathāgataḥ, satyavādī tathāvādī
ananyathāvādī tathāgataḥ, na vitathavādī
tathāgataḥ 14.291

śirobhir-abhivandya 頂禮

sau khi đi đến đánh lễ dưới chân của Thế Tôn
1.129 upasāmkramya bhagavataḥ pādau
śirobhirabhivandya 1.271

Śrāvastī 舍衛城

một thời Phật ở tại nước Xá vệ 1.127 ekasmin
samaye bhagavān śrāvastyāṁ viharati sma 1.271

śreṣṭhayāna 無上乘 / ~ 微妙 / ~ 最勝 / ~ 最尊 /
~ 上首

Như Lai thuyết Pháp phương tiện này vì lợi ích cho những chúng sanh phát tâm Tối thượng thừa, vì lợi ích phát tâm Vô thượng thừa, tri kiến này đã khởi lên trong con, trước đây con chưa từng nghe một Pháp phương tiện giống như vậy, có những Bồ Tát thành tựu tụ công đức hy hữu bậc nhất, ở đây khi được nghe thuyết Kinh này sẽ khởi lên thật tướng 14.167 yāvad ayaṃ dharmaparyāyas tathāgatena bhāṣito'grayāna-saṃprasthitānām sattvānām arthāya, śreṣṭhayānasamprasthitānām arthāya, yato me bhagavan jñānamutpannam| na mayā bhagavan jātv evamrūpo dharmaparyāyah śrutapūrva| paramena te bhagavan āścaryeṇa samanvāgatā bodhisattvā bhaviṣyanti, ye iha sūtre bhāṣyamāṇe śrutvā bhūtasamjñām- utpādayiṣyanti 14.287

srotāpatti- phala 須陀洹果

ta đắc quả Tu Đà Hoàn không? 9. 149 mayā srotāpatti- phalaṃ prāptamiti? 9.279

Subhūti 須菩提

rồi Tôn giả Tu Bồ Đề từ chỗ ngồi đứng dậy 2.129
atha khalv āyuṣmān subhūtir utthāyāsanād 2.272

Sugata 善逝, 大聖尊, 如來

bạch Thiện Thệ 2.219 sugata 2.272

Sumeru-parvata-rāja 須彌山王

này Tu Bồ Đề, có bao nhiêu Tu di là những vua của các núi trong cõi Tam thiên đại thiên thế giới hệ, nếu có người nữ hay người nam sau khi làm đầy bằng bảy loại châu báu rồi đem cúng dường cho các Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác. Lại nếu có người con trai hoặc người con gái dòng họ cao quý chấp nhận và thọ trì dù chỉ bốn câu kệ trong Pháp phương tiện Bát nhã ba la mật, rồi giảng giải cho người khác. Nay Tu Bồ Đề, tụ công đức của người này và tụ công đức của người trước, thì trăm phần không được một phần, trăm ngàn vạn ức phần không được một phần, cho đến toán số không thể diễn tả cũng không thể so sánh được 24.208 yaśca khalu punaḥ subhute strī vā puruṣo vā yāvantaḥ trisāhasramahāsāhasre lokadhātau sumeravaḥ parvatarājānaḥ, tāvato rāsīn saptānāṃ ratnānāṃ abhisamhṛtya tathāgatebhyo 'rhadbhayaḥ samyaksambuddhebhyo dānaṃ dadyāt, yaśca kulaputro vā kuladuhitā vā itaḥ prajñāpāramitāyā dharmaparyāyād antaśāscatuṣpādikāmapi gāthāmudgrhya parebhyo deśayet, asya subhūte puṇyaskandhasya asau paurvakaḥ puṇyaskandhaḥ śatatamīmapi kalām nopaiti, yāvadupaniṣadamapi na kṣamate 24.305

Tathāgata 如來, 佛世尊, 多他阿伽陀

Như Lai có được thấy qua tướng cụ túc không?
5.136 lakṣaṇasāmpadā tathāgato draṣṭavyaḥ
5.275

Tathāgatenārhatāsamyaksambuddha 如來阿羅
漢正等覺

có bao nhiêu Bồ Tát Ma Ha Tát được Như Lai A
La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác nhiếp thọ bằng
sự hộ niệm ân cần nhất 2.129 yāvad eva
tathāgatenārhatāsamyaksambuddhena
bodhisattvā mahāsattvā anupariṅhītāḥ
paramaṇānugraheṇa 2.272

trisāhasramahāsāhasraṁ lokadhātu 三千大千
世界

có người con trai hoặc người con gái dòng họ cao
quí sau khi lấy bảy loại châu báu làm đầy cỗ
Tam thiên đại thiên thế giới hệ rồi đem cúng
dường cho các Như Lai A La Hán Chánh Đẳng
Chánh Giác, thì người con trai hoặc người con
gái dòng họ cao quí đó, do duyên từ đó có được
nhiều tụ công đức không? 8.145 yaḥ kaścit
kulaputro vā kuladuhitā vā imam
trisāhasramahāsāhasraṁ lokadhātuṁ
saptaratnaparipūrṇaṁ kṛtvā tathāgatebhyo
'rhadbhayaḥ samyaksambuddhebhyo dānaṁ
dadyāt, api nu sa kulaputro vā kuladuhitā vā
tatonidānaṁ bahu puṇyaskandhaṁ prasunuyāt
8.278

triṣpradakṣiṇīkr̥tya / dakṣiṇīya 供養

đi nhiều bên phải Thế Tôn ba vòng rồi ngồi
xuống một bên 1.129 bhagavantam
triṣpradakṣiṇīkr̥tya ekānte nyaṣīdan 1.271

udgr̥hītaḥ 取, 受, 受持, 所取, 所持, 所攝, 持
, 攝

đó là Pháp không không là Pháp, chỉ vì người
phàm ngu chấp vào cái đó 30.218 na sa dharmo
nādharmah| sa ca bālapṛthagjanair udgr̥hītaḥ
30.310

udgrahītum 校

hư không ở phương đông có thể đo lường không?
4.135 sukaram pūrvasyām diśi ākāśasya
pramāṇam udgrahītum 4.274

upasaṁkrāmati 往詣

tại nơi có Thế Tôn thì nơi đó có nhiều vị tỳ kheo
đến gần 1.128 atha khalu sambahulā bhikṣavo
yena bhagavāms tenopasaṁkrāman 1.271

upeta-kāya 具足身/ 圓滿身

Như Lai nói người nam này có thân hoàn bị là
thân lớn, bạch Thế Tôn, Như Lai nói không là
thân. Do vậy được gọi thân hoàn bị là thân lớn
17.193 yo'sau bhagavaṁs tathāgatena puruṣo
bhāṣita upetakāyo mahākāya iti, akāyaḥ sa
bhagavaṁs tathāgatena bhāṣitaḥ| tenocyate
upetakāyo mahākāya iti 17.298

uttarā saṁghātī 上衣, 鬱多羅僧衣

sau khi sửa y tăng già lê một bên 2.129 ekāmsam
uttarāsaṅgaṃ kṛtvā 2.272

vajra 金剛

kim cương năng đoạn 127 vajracchedikā 271

vajracchedikā 金剛能斷

kim cương năng đoạn bát nhã ba la mật 127

vajracchedikā prajñāpāramita 271

Vajracchedikā prajñāpāramitāsūtra 金剛能斷

般若波羅蜜

kinh Kim cương năng đoạn bát nhã ba la mật 127

Vajracchedikā prajñāpāramitāsūtram 271

vipāka 果報, 異熟, 異熟因, 異熟果, 現報

nên biết quả dị thực không thể nghĩ bàn 16.186

asya acintya eva vipākaḥ pratikāṅkṣitavyaḥ

16.295

vīrya 精進

có bao nhiêu vi trần trong cõi Tam thiên đại thiên
thế giới hệ, thì có bấy nhiêu đồng như cõi thế
giới hệ đó được người con trai hoặc người con
gái dòng họ cao quý làm thành với sự tinh tấn
không thể nghĩ bàn. Như vậy được gọi là tập hợp
bụi 30.216 yāvanti trisāhasra-
mahāsāhasrelokadhātau pṛthivīrajāmsi, tāvatām
lokadhātūnāmevaṃrūpam maṣim kuryāt
yāvadevamasamkhyeyena vīryeṇa tadyathāpi
nāma paramāṇusamcayaḥ 30.309

viṣama 差別, 不平等, 不同

lại nữa, này Tu Bồ Đề, Pháp này thì đồng nhất không có dị biệt. Do vậy được gọi là Vô thượng chánh đẳng chánh giác 23.206 *api tu khalu punaḥ subhūte samah sa dharmo na tatra kaścīd viṣamaḥ| tenocyate anuttarā samyaksambodhir iti 23.304*

vyāpādasamjñā 恨想

này Tu Bồ Đề, nếu lúc bấy giờ, Ta có ngã tưởng thì sân hận tưởng cũng có mặt 14.172 *sacen me subhūte tasmin samaye ātmasamjñā abhaviṣyat, vyāpādasamjñāpi me tasmin samaye 'bhaviṣyat 14.289*

vyūhā 莊嚴

này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát nói như vậy: Ta sẽ thành tựu sự trang nghiêm quốc độ, thì người ấy nói xa lìa sự thật 17.194 *yaḥ subhūte bodhisattva evaṃ vadet- ahaṃ kṣetravyūhānniṣpādayiṣyāmīti, sa vitatham vadet 17.299*

yathā 如

như vậy cần phải thành tựu 2.131 *yathā pratipattavyam 2.273*

yāvatya *tāvatya*.....

này Tu Bồ Đề, ông nghĩ như thế nào? Có bao cát của sông Hằng là con sông lớn thì có bấy nhiêu sông Hằng như vậy. Và có bao nhiêu cát của hằng hà sa sông Hằng thì có bấy nhiêu thế giới

hệ. Vậy những thế giới hệ này có nhiều không?

18.197 tat kim manyase subhūte yāvatyo
gaṅgāyām mahānadyām vālukāḥ, tāvatya eva
gaṅgānadyo bhavyeḥ, tāsū vā vālukāḥ, tāvantaś
ca lokadhātavo bhavyeḥ, kaccid bahavaste
lokadhātavo bhavyeḥ ? *18.301*

MỤC LỤC

trang 5

PHÁP NHỮ PHỤNG TRÌ KINH
VÀI LỜI CẢM NIỆM CỦA
TRƯỞNG LÃO THÍCH TÂM CHÂU

trang 7

TỰA

trang 13

KINH KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT
Bí Sô Thích Như Minh dịch
theo bản Hán của Tam Tạng Pháp Sư Cư Ma La Thập

trang 90

金剛般若波羅蜜經

trang 127

KINH KIM CANG NĂNG ĐOẠN
BÁT NHÃ BA LA MẬT

Bí Sô Thích Như Minh dịch
theo nguyên bản Sanskrit

trang 225

वज्रच्छेदिकाप्रज्ञापारमितासूत्रम्॥

trang 271

Vajracchedikāprajñāpāramitā Sūtram||

trang 313

NGŨ VỤNG KINH KIM CƯƠNG



